

I THÁNG 10 NĂM 1966

BACH KHOA

T H Ồ I - Đ Ạ I

năm thứ mười

DUY chính phủ mạnh * NGUYỄN HIỂN LÊ Jules
Verne đã sống lại * THÁI TUẤN những dấu chân
của Adam * NGUYỄN VĂN TRUNG thân xác như một
giá trị * ĐOÀN THÊM những ngày chưa quên : tản cư
và hồi cư * NGỌC VÂN quasar : bí ẩn của vũ
trụ * MINH QUÂN lá thư Luân đôn * TỪ TRÍ De
Gaulle và những chuyến công du * ĐẮC HƯNG quê
tôi nơi nào * TRỊNH KHẢ NGUYÊN những người
ở lại * TRẦN QUÍ SÁCH nước mắt tuổi thơ * THỂ
UYÊN tiễn đôn * THANH
THUYỀN heo may * TRÀNG
THIÊN thời sự văn nghệ

234

SOCIETE FRANCAISE DES DISTILLERIES DE L'INDOCHINE

SOCIETE ANONYME

AU CAPITAL DE 3.759.750 FRF

Siège social : 50 Rue de Lisbonne -:- PARIS 8^e

DIRECTION et USINE AU VIETNAM

406, Bến Lê - Quang - Liêm -:- CHOLON

Adresse Télég. : DISTAMY

Boîte postale : CS. SAIGON

Téléphone Saigon 36.625 — 36.626

- **SES SIROPS**
- **SA PARFUMERIE**
- **SON VINAIGRE**
- **SES ALCOOLS INDUSTRIELS
ET PHARMACEUTIQUES**



BÁCH KHOA THỜI ĐẠI

Số 234 ngày 1 - 10 - 1966

DUY chính - phủ mạnh	3
NGUYỄN HIỂN LÊ <i>Jules Verne đã sống lại</i>	9
THÁI TUẤN <i>những dấu chân của Adam</i>	15
NGUYỄN VĂN TRUNG <i>thân xác như một giá trị</i>	21
ĐOÀN THÊM <i>những ngày chưa quên : tản cư và hồi cư</i>	27
NGỌC VÂN <i>Quasar : một bí ẩn của vũ trụ</i>	37
MINH QUÂN <i>lá thư Luân-đôn</i>	43
TỪ TRÌ <i>De Gaulle và những chuyến công du</i>	51
TRỊNH KHẢI NGUYỄN <i>Những người ở lại (truyện ngắn)</i>	59
ĐẮC HƯNG <i>Quê tôi nơi nào ? Đêm nghe tiếng đại bác (bút ký)</i>	65
THANH THUYỀN <i>heo may (thơ)</i>	70
TRẦN QUÝ SÁCH <i>Nước mắt tuổi thơ (truyện ngắn)</i>	71
THẾ UYÊN <i>tiền đồn (truyện dài)</i>	78
PHỒ ĐỨC <i>tiếng hát giao tình (thơ)</i>	82
TRÀNG THIÊN <i>thời sự văn nghệ</i>	84

CÁO LỖI

Vì tác giả bận việc bất thường nên các loạt bài : « Hồn-nhân dị-chủng » và « Phật-Giáo với Cộng-sản » của Mộng-Trung và Nguyễn phải tạm nghỉ một kỳ. Xin trân trọng cáo lỗi cùng quý vị độc giả.

Tòa soạn BK. TĐ.

Cùng quý vị độc-giả Bách-Khoa Thời-Đại

Vì đã mua được giấy báo khổ lớn (65 x 100) nên bắt đầu từ kỳ này chúng tôi rất vui mừng lại được gửi đến tay quý bạn tờ Bách-Khoa Thời-Đại với khuôn dáng cũ. Chỉ còn một niềm ân-hận là trong gần mười năm, trên hai trăm ba chục số báo, lại bị xen vào ba số cỡ nhỏ, làm những bạn có báo đóng thành tập bực tức không ít.

Chúng tôi sẽ đóng các số từ 229 đến 234 thành một tập (tam-cá-nguyệt thứ 3 trong năm 1966) trong đó 3 số cỡ nhỏ : 231, 232, 233 sẽ hụt đi một chút, đánh dấu một thời-kỳ cơ-cực về giấy báo cho các tạp-chí, tuần-san khổ lớn, mà chúng tôi hy vọng sau này sẽ không bao giờ xảy ra nữa.

Trong lúc, từ việc ấn-loát đến các vật-dụng đều khó khăn, thiếu thốn, như ngày nay, sự đứng vững và có mặt đều đặn của tờ báo, đã được quý bạn tin yêu, là cả một cố gắng của nhóm chủ trương. Mong rằng quý bạn sẽ thông cảm mà bỏ qua nỗi bực mình về sự đổi khổ bất-đắc-dĩ trong mấy số báo vừa qua.

BÁCH-KHOA THỜI-ĐẠI

Chủ nhiệm : LÊ-NGỘ-CHÂU

Tòa-soạn :

160 Phan Đình Phùng Saigon

Đ.T. 25.539

H.T. 339 Saigon.

In tại nhà in TƯƠNG-LAI

133 Võ Tánh Saigon

GIÁ: 15\$ - Công sở : Giá gấp đôi

Cao Nguyên và Miền Trung :

thêm cước phí máy bay

CHÍNH - PHỦ MẠNH

Đề cập đến hiến-chế tương-lai một số chính trị gia đã ngộ ý tán thành một chính-phủ mạnh. Thế nào là Chính-Phủ mạnh? Có hỏi người ta định-nghĩa rất mơ hồ. «Chính-phủ mạnh là Chính-phủ hợp với nguyện vọng của toàn dân».

Người dân cũng cảm thấy, không có một định-nghĩa nào hay hơn, nhưng nếu tiến thêm một bước nữa đề hỏi: «Thế nào là một Chính-Phủ hợp với nguyện vọng của toàn dân», thì lại đi vào chỗ bế tắc.

Có lẽ điều quan trọng hơn hết vẫn là vấn đề tổ chức công quyền cách nào để bảo vệ đúng mức quyền lợi của người dân.

Về hình thức, nếu Hiến-Pháp tương-lai không thuộc loại Đại-nghị, thì cũng thuộc loại Tổng-Thống chế. Và nhiều nhà cầm quyền cũng ưng loại Tổng-Thống chế hơn, cho rằng với chế độ này có thể thiết-lập một chính quyền bền mạnh. Khả dĩ t... đây Quốc gia tiến

bước trên đường Diệt-cộng, xây dựng kinh-tế xã-hội.

Khi nào nhà cầm quyền muốn Chính-phủ phải mạnh để thi hành liên tục một chính sách đã hoạch định, trong vòng kỷ-luật trật tự. Nếu phải thay đổi luôn soành soạch thì còn quốc kế dân sinh nào mà đứng vững được nữa?

Cho nên Boumédiène, đáp lời một câu hỏi: Tại sao không có tự do báo chí tại Algérie, đã bày tỏ một lập trường có thể coi như thái độ chung của lãnh tụ các quốc-gia nhược-tiểu Á-Phi:

« — Đó là một vấn đề căn bản liên quan tới nền dân-chủ xứ này. Nhân dân đã lựa chọn rõ rệt chế độ độc đảng vì biết rằng không thể làm cuộc cách-mạng với nhiều đảng phái tranh giành quyền hành. Một quốc-gia như nước chúng tôi đương phải xây dựng tất cả, cần có trật tự, tổ-chức và kỷ-luật, sau những cơn khủng hoảng ghê gớm vừa trải qua, không thể tự ban cho sự xa xỉ một nền Dân-Chủ hình thức. Cải cách nông thôn, cải cách thuế-vụ, cải cách điền địa bầu cử làng xã, từ đây đến cuối năm, chiến đấu chống nghèo khổ, đối với chúng tôi và nhân dân thật là quan trọng hơn là Báo-chí và Quốc-Hội, nơi diễn đàn để

phổ bày những sự bất đồng ý-kiến, những sự tranh biện. Chúng tôi lựa chọn tiến về phía trước trên đường xây dựng Chủ-nghĩa Xã-hội."

Gạt bỏ ra ngoài những câu chỉ có tác dụng tuyên truyền, và không đúng sự thật như: "Nhân dân đã lựa chọn rõ rệt chế độ độc đảng" phải chăng nỗi lo âu của Boumédiène, cũng là nỗi lo âu của tất cả các nhà cầm quyền các nước nhược tiểu, không dám chấp nhận đối lập thực sự và chỉ muốn một chính-phủ mạnh để thực hiện một chính sách coi như thích hợp với quyền lợi của nhân dân.

Tuy mỗi quan tâm của các lãnh tụ nhược-tiểu không khác nhau nhiều nhưng về hình thức họ phải áp dụng những chế-độ có bề mặt dân-chủ rộng rãi hơn. Muốn củng cố chính quyền cho mạnh, họ thường phải rập mẫu theo chế độ Tổng-Thống Hoa-kỳ. Nhân dân bầu ra Quốc-Hội và cũng bầu ra Tổng-Thống. Quốc-Hội không thể lật đổ Chính-Phủ và Chính-Phủ cũng không thể giải tán Quốc-Hội. Như vậy tối thiểu Tổng-Thống cũng cầm quyền được trong bốn năm, trực-tiếp điều khiển Chính-Phủ và Quân-Đội.

Thí dụ điển hình về sự thành công của hiến-chế Tổng-Thống, du nhập từ Tây-Phương sang Á-Đông là Hiến-Pháp Phi-Luật-Tân. Trong bộ biên-khảo rất công phu và giá-trị về Hiến - Pháp 13 nước Á-Châu, kể cả Nhật-Bản, Trung-Hoa, Ấn-Độ, học-giả Đoàn-Thêm đã kết luận:

"Hiến-Pháp Phi-Luật-Tân đã được áp dụng suốt 14 năm và mặc dầu bị ngăn trở trong hồi Đại-chiến sự thi hành chưa nêu lên vấn đề nào phức tạp.

"Trái lại theo chế độ mà Hiến-pháp

đã ban hành, dân tộc Phi đã cũng cố được nền dân chủ, và vượt qua nhiều đoạn vô cùng khó khăn trong lịch sử Phi cũng như trong lịch sử Á-Đông, trong và sau hồi Đại-chiến: Nạn ngoại xâm, khủng hoảng kinh-tế và xã hội do chiến sự gây nên, và nhất là sự phá hoại của bọn Huks và Cộng-sản.

"Như vậy thì chắc chắn là Hiến-pháp và chế-độ Cộng-Hòa, mà đại hội Lập-Hiến 1934 đã đem lại cho Phi, rất thích hợp với một dân tộc yêu chuộng tự do, nhưng rất tôn trọng trật tự và muốn có một chính quyền hay đúng hơn là một quyền Hành-Pháp mạnh mẽ, đúng như lời nhiều vị học giả, Phi-Luật-Tân đã tìm thấy chánh thể cần thiết, nhất là một Tổng-Thống chế dung hòa được cả ưu điểm của Âu-Mỹ trong sự dân-chủ-hóa và nhu cầu xây dựng một quốc-gia theo quan niệm của dân Phi (Đoàn-Thêm — Lược-khảo về Hiến-Pháp các nước Á-Châu)."

Hình như các nước nhược-tiểu Á-Phi, không thể lựa chọn hiến-chế nào thích hợp hơn nữa. Nhưng người dân tự hỏi, Tổng-Thống-chế, tự nó có thể đem lại sức mạnh cho Chính-Phủ hay không? Nói cách khác, phải chăng bất kỳ quốc-gia Á-Phi nào hễ áp dụng chế độ Tổng-Thống là có một chánh quyền mạnh?

Ai cũng biết, tại Mỹ-quốc, chỉ có hai chính đảng lớn thay nhau nắm chính quyền: đảng Dân-Chủ và đảng Cộng-Hòa. Vào trường hợp Tổng-Thống là người của đảng này, nhưng đa số trong Quốc-Hội lại thuộc về đảng kia, thời chính-phủ có còn là chính-phủ «mạnh» hay không? Tất nhiên là không rồi, vì như vậy Tổng-Thống phải cai-trị với một đảng đối-lập nắm quyền đa số. Tỷ như Tổng-Thống Ai-sê-hao-ơ thuộc đảng Cộng-

Hòa, đã cai-trị nước Mỹ trong năm 1959, 1960 với đa số Thượng-Nghị-viên và Hạ-Nghị-viên thuộc đảng Dân-Chủ.

Người ta thường quên rằng, Quốc-Hội có thể xử dụng một phương tiện mạnh mẽ, mẫu nhiệm vô song để bắt Hành-Pháp phải hoạt-động theo một chiều hướng nhất định : Đó là Ngân-sách Quốc-gia. Mạnh vì gạo, bạo vì tiền, mặc dầu chính quyền mạnh, muốn thi hành bất cứ chính sách nào, tất nhiên cũng phải có ngân-khoản đài thọ. Nếu Quốc-Hội không đồng ý, không biểu-quyết ngân-sách hoặc chỉ cấp cho một số tiền nhỏ bé, thời Chính-Phủ cũng đành bó tay chịu trận.

Sự mạnh mẽ bền vững của Chính-quyền nhất định không lệ thuộc vào Tổng-Thống chế mà chính là lệ thuộc vào các đảng phái chính-trị. Trong một quốc-gia dân-chủ, sự kiện chính-trị quan trọng nhất lạ đời sống, sinh hoạt của các đảng phái : ý dân là ý trời thực. Nhưng nếu ý dân chảy man mác như nước nguồn chảy trên núi trong rừng, thời nhiều lắm là tạo thành các giòng nước lũ. Phải có đập cản, phải có ống dẫn nước cao cả trăm ngàn thước mới biến nước thành sức mạnh vô địch, làm rung chuyển xoay vần các nhà máy khổng lồ. Đảng phái chính là những tổ-chức để cản nước và dẫn nước : tự nó, thời Đảng phái chẳng có giá trị gì hết, mà nhờ nó thời tứ tượng có thể biến thành những sức mạnh vật chất nhiệm mầu.

Lòng dân ai chả muốn đồng bạc tăng giá-trị, tăng ở chỗ có thể mua bán vật-dụng, kể cả những sản-phẩm nội-địa, cũng như các hàng nhập-cảng, với một giá đứng cao hơn giá chợ đen năm 1964. Nhưng ý dân nào có ảnh hưởng gì đối với

chính sách kinh-tế đã được hoạch-định.

Tình trạng sẽ hoàn toàn trái ngược nếu ý dân được cô đặc qua sự trung-gian của các đảng phái xứng đáng, để biến thành những lực-lượng hoạt-động.

Trong hiện trạng nước nhà, nếu người dân thường buồn phiền vì các đảng phái chưa phát triển cho đúng mức, thì đã có những tổ chức có thể đóng được vai trò đó : Các đoàn-thể tôn giáo, các nghiệp đoàn lao động. Và quân-nhân công-chức nếu muốn, cũng có thể hợp thành những tổ-chức để nói lên và tranh đấu cho nguyện vọng của mình.

Đã chấp nhận thể-chế dân-chủ là phải chấp nhận cho những tổ-chức chính trị tự do hoạt động, và dùng quyền tự do ngôn luận để nói lên tiếng nói đấu tranh, lời cuốn nhân-dân gia-nhập hàng ngũ theo cùng chí hướng.

Mục tiêu tranh đấu đầu tiên của các tổ-chức chính-trị là tranh cử vào Quốc-Hội. Khi nào các đoàn thể mạnh, thời các dân biểu độc lập chỉ là thiểu số trong Quốc-Hội. Vận mệnh quốc-gia sẽ ở trong tay những đoàn-thể chiếm được nhiều ghế nhất.

Nếu đoàn-thể, nặng về tính chất xoi xít, nắm chính-quyền chỉ để phục-vụ lợi-ích riêng tư, nếu nền chính trị phân hóa, Quốc-Hội quá nhiều khuynh hướng tấp nham, chắc chắn không một Chính-Phủ nào có thể tồn tại, vững mạnh được, mặc dầu theo thể-chế Đại-nghị hay Tổng Thống cũng vậy thôi.

Thí dụ điển-hình nhất là tình-trạng nước Pháp từ sau đệ nhị Thế-Chiến tới năm 1958, khi Tổng Thống Đờ-Gôn trở lại nắm chính quyền.

Trong khi đó, mặc dầu luôn luôn áp dụng chế-độ Đại-nghị, Anh-quốc vẫn

không bị hỗn loạn vì các đảng phái Anh tổ chức rất quy củ, hoạt động với tinh thần mã-thượng, «fair-play», và trình-độ am hiểu chính-trị của nhân dân Anh cũng rất tiến bộ.

Rõ ràng tính chất mạnh của Chính-Phủ không do hình-thức hiến-chế đem lại. Vậy tại sao các chính trị gia các nước nhược tiểu Á-Phi, lại thường ưa thích Tổng-Thống-chế ?

Đệ nhị thế chiến chấm dứt đã hé mở một chân trời huy hoàng trước mắt các dân tộc nghèo đói Á-Phi, xưa nay vẫn cam phận lao động cực nhọc, và sinh sống cực khổ theo lẽ lối ngàn xưa để lại. Trong hồi thực dân, chỉ có một thiểu số rất ít ỏi được hưởng những tiện nghi xa hoa của đời sống. Ngày nay, mọi người ai cũng muốn ăn ngon, mặc đẹp, ở nhà khang trang, xe dịch bằng xe máy dầu, xe hơi. Của cải trong nước thì ít, nhu cầu bỗng vọt lên gấp trăm gấp ngàn lần làm sao thỏa mãn cho hết ? Làm sao đưa Quốc gia ra khỏi tình trạng nghèo đói trong thời gian kỷ lục, làm sao nâng cao mức sống của nhân dân lên ngang hàng các nước kỹ nghệ ?

Lợi dụng các vấn đề khó giải-quyết đó, các nước Cộng Sản, Nga-Xô rồi Trung Cộng, khai thác triệt để cơn bịnh hoạn của các xã hội nhược-tiểu đang sốt rét cách mạng, đâm bị thóc chọc bị gạo, khi thì gây chiến tranh nóng, lúc lại âm ỷ trong chiến tranh lạnh, luôn luôn dùng đủ sảo thuật để phá nát các lực lượng quốc gia, lôi cuốn các dân tộc vào cạm bẫy chủ-nghĩa đỏ.

Cho nên thế chiến chấm dứt mà không còn quốc gia Á Phi nào được thực sự an hưởng thái bình. Đảo lộn từ trong

nội bộ, với những cuộc tranh chấp giữa các phe quốc gia và cộng sản, hoặc những cuộc tranh dành quyền lợi giữa các đoàn thể, phe nhóm, đảng phái cùng một chí hướng. Đảo lộn ra ngoài liên lạc quốc tế, với những sự tranh chấp ảnh hưởng của ngoại bang, với sự can thiệp, kén đáo hay công khai của gián điệp đại cường quốc.

Những tình trạng khàn cấp, chiến tranh nội loạn, khủng hoảng kinh tế hoặc tài chánh, là những tình trạng đe dọa thường xuyên sự hoạt động của Chính Phủ các quốc gia nhược tiểu.

Cái vị lãnh đạo quốc gia, khởi thủy, bao giờ cũng có thiện chí, muốn làm cho hay, làm cho tốt, muốn có dân chủ, muốn nhân dân cơm no áo ấm, muốn nước nhà trở thành cường thịnh.

Nhưng mỗi lần đụng một tình trạng khó khăn là lại muốn củng cố thêm quyền hành, để thi hành cho đến cùng chính sách chính trị được coi như tốt đẹp.

Di nhiên sự bành trướng quyền hành đầu tiên phải nhắm chi phối Quốc-Hội. Với chế độ Tổng-Thống, Hành-Pháp nắm vững được Quân Đội và Cảnh Sát. Nhờ những lực lượng võ trang này, Tổng Thống có phương tiện hiệu-nghiệm để làm suy yếu đối-lập và nắm đa-số trong Quốc Hội.

Nhưng thiểu số dân biểu đối-lập, nếu tài giỏi, vẫn có thể làm náo loạn sinh hoạt Quốc-Hội, và làm rùm beng dư luận Quốc tế. Bởi vậy, Chính Phủ muốn thực mạnh, đã nắm được đa số Quốc Hội, thời phải nắm luôn toàn thể Quốc Hội nghĩa là phải dẫn bước vào đường gian lận bầu cử. Quốc tế có biết

cũng chỉ làm lơ, vì trên bình-diện giao dịch quốc tế, lý kẻ mạnh bao giờ cũng thắng. Cuộc khởi nghĩa đẫm máu của Hung-gia-lợi chưa phai mờ trong thâm tâm nhân-dân yêu chuộng tự do.

Tiến thêm lên một bước nữa, Tư Pháp sẽ bị chi phối. Quả thực, đem cán cân công lý mà đấu với súng ống đạn dược, chỉ là ảo ảnh, một ảo ảnh mà các Thăm phán đã phải trả bằng giá quá đắt, dưới thời Việt-Minh từ 1946 đến 1949, ngày mà Trung-Cộng toàn thắng, ngày mà Cộng sản Việt-Nam vô ngược tuyên bố, không có phân quyền gì hết.

Trong những bước chập chững của quốc-gia nhược-tiểu Á-Phi, đi từ bước Tổng-Thống chế, là tiến dễ dàng sang bước độc-tài, tập trung quyền hành.

Độc tài đó có sáng suốt đôi phần hoặc hoàn toàn thất nhân-tâm, vô hiệu-lực, lại là chuyện khác.

Ngay cả đến chế độ đại-nghị, vẫn được thường xem như đào tạo ra các Chính-phủ «yếu» nhất, mà thi hành tại Thờ-nhĩ-kỳ, theo lời ông Nguyễn Ngọc Huy trên báo Chính-Luận ngày 7-9-66 : *2 chính thể đại nghị có thể đưa đến chế độ độc tài, cũng đã đem lại nền độc tài của Thủ-Tướng Mendérès.*

Huống hồ là các chế-độ Tổng-Thống, dĩ nhiên còn dễ đem tới sự độc-tài độc tôn hơn nữa.

Riêng về hoàn cảnh nước Việt Nam chúng ta có sợ Hiến-Pháp sẽ đem lại một Chính-phủ quá «yếu» không ?

Việt-Nam ở vào tình trạng lâm chiến, đương phải đối đầu với một cuộc chiến tranh nóng, mà cường độ khốc liệt.

Tất cả nỗ lực kinh tế đều bị cản trở, không thể gia tăng canh tác, kỹ-nghệ-hóa; giao-thông phân phối bị sáo trộn.

Chúng ta cần phải có một chính-phủ bền vững mạnh mẽ, mà nhiều người e ngại chế độ đại nghị sẽ không đem lại một chính phủ mạnh tại Việt-Nam. Nghi như vậy là chưa nhận định đúng vai trò của Quân-Đội. Dầu muốn dầu không, hàng ngày có trên nửa triệu quân nhân Việt-Nam và dưới nửa triệu quân-đội các nước bạn, cầm súng chống giặc, và tham dự trực tiếp hay gián tiếp vào đời sống chính-trị của xứ sở.

Lực lượng quân-đội vô cùng hùng mạnh so với lực lượng của các đoàn-thể, đảng phái chính trị.

Chính phủ trong tương lai, dầu theo hiến-chế nào, nếu đã điều động được Quân đội, Cảnh sát, tất nhiên nắm được trong tay lực lượng mạnh nhất và Chính Phủ chỉ quá « mạnh » chứ không thể nào « yếu » được.

Hiến-Pháp phải cho Quốc-Hội tối đa quyền hành mới hy vọng khỏi bị Hành-Pháp lấn át, và đảm bảo Hiến-Pháp sẽ được thực thi trong các điều ấn-định quyền lợi người dân.

Nhiệm vụ trên đây hết sức quan trọng, nhưng lại không được chú ý tới mấy, có lẽ vì từ trước đến nay người dân chưa bao giờ được tôn trọng những quyền lợi mà Hiến-Pháp loại nào cũng vẫn bảo đảm cho.

Tất cả quyền lợi căn bản của nhân dân chỉ được đề cao trong Hiến-Pháp. Tại sao không áp dụng ? Người ta

thường viện lễ, vì đấu tranh chống
Cộng-sản vì tình hình khẩn trương, vì
kinh-tế lạc-hậu v.v...

Đó là thực trạng của Việt-Nam, và
cũng là thực trạng của hầu hết các quốc-
gia nhược tiểu Á-Phi,

DUY

Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG TẠO :

CÁNH TAY NỔI DÀI

DỘC ĐƯỜNG

ĐỐT BIÊN GIỚI

ĐIỆP KHÚC TÌNH YÊU VÀ TRÁI PHÁ

tập truyện của Doãn Quốc Sỹ

tập truyện của Thanh Tâm Tuyền

truyện dài của Doãn-Quốc-Sỹ

thơ của Kiệt-Tấn

QUÝ-VỊ HÃY DẶN DÀNH LẠI NGAY TỪ BÂY GIỜ

MỘT MÁY ĐÁNH CHỮ LÂM TẠI THỤY-SĨ

HIỆU

HERMES



LOẠI XÁCH TAY

LOẠI ĐỂ BÀN QUAY



tại nhà in I.N.D.E.O.

IMPRIMERIE NOUVELLE D'EXTRÊME-ORIENT

1. Đường Nguyễn-Sửu — Téléphone 20-821 — SAIGON



JULES VERNE

JULES VERNE

đã sống lại

NGUYỄN-HIỂN-LÊ (1)

Có phải là một sự bất công không ? Jules Verne đã mất được sáu mươi năm, mà tên tuổi không thấy ghi trong các bộ văn học sử Pháp có rất nhiều giá trị. G. Lanson trong cuốn *Histoire de la littérature française* viết cho học sinh trung học không nhắc tới ông ấy ; Henri Clouard trong bộ *Histoire de la littérature française du symbolisme à nos jours*, một bộ biên khảo rất công phu, được hai giải thưởng lớn, một của hội nhà văn (Société des gens de lettres) một của hội phục vụ tư tưởng Pháp (Association au Service de la pensée française), một bộ dày non bảy trăm trang mà cũng không dành cho ông lấy vài hàng. Đáng rằng bộ sau chỉ chép từ năm 1885 trở đi, mà những tác phẩm chính của Jules Verne đều xuất bản trước năm đó ; nhưng ông

vẫn còn tiếp tục viết tới đầu thế kỷ X.X, mà ảnh hưởng của ông lúc đó đương mạnh thì lẽ nào không đáng cho Henri Clouard ghi lại trong mười hàng hay một trang giấy ?

Người ta cho Jules Verne không đáng là một nhà văn chăng ? Không nói tới tư tưởng, tài dự hiện (anticipation) gần như tiên tri lạ lùng của ông ; ngay về bút pháp tôi cũng chưa thấy ai chê ông, mà chỉ thấy nhiều văn hào đã ca tụng ông, chẳng hạn George Sand khen ông là « có một cái tài đáng phục và thêm một tâm hồn để làm tôn nó lên » ; Guillaume Apollinaire bảo « Jules Verne có một bút pháp lạ lùng làm sao ! dùng toàn những danh từ ! » ; còn Alexandre Dumas-fils thì so sánh Jules Verne với phụ thân của mình : cũng có cái nhiệt hứng cái giọng vui vẻ,

sức sáng tạo lành mạnh, sức sáng sủa phong phú của Alexandre Dumas-père.

Thế thì tại sao Alexandre Dumas-père được mọi nhà phê bình coi là một văn hào mà Jules Verne thì bị bỏ quên?

Nhưng năm nay, chỉ cách nhau có mấy tháng, Nga và Mỹ đều phóng được hỏa tiễn lên mặt trăng và thả xuống đó một lá cờ của mình, thì ông được sống lại: một lần nữa, một dự hiện của ông đã thực hiện được, và ở Pháp, người ta đã làm kỷ niệm bách niên năm xuất bản cuốn *De la Terre à la Lune* (Từ trái đất lên mặt trăng) rất long trọng.

Chỉ trong mấy tuần hồi đầu năm, các nhà xuất bản tung ra mười cuốn của ông, mỗi cuốn in trăm ngàn bản trong loại « sách bỏ túi », ngày 15-4 thư viện thành phố Nantes nói ông ra đời, tổ chức một cuộc triển lãm tác phẩm, thư từ, di cảo của ông; thư viện Quốc gia của Pháp cũng đề cao sự nghiệp của ông và Hetzel, nhà xuất bản đã nhận được tài năng của ông và khuyến khích ông; nhà xuất bản Gründ được tiếp tục in nốt bộ *Le Grand Jules Verne* đầy đủ có nhiều hình (1); còn nhà Hachette thì đương tái bản cuốn *Jules Verne, Sa Vie, Son œuvre* (Jules Verne, đời sống và sự nghiệp) của bà M. Allotte de la Fuye một người cháu của ông; Sau cùng tờ báo hoặc tạp chí lớn nào cũng có một vài bài nhắc lại sự nghiệp của ông, và hãng phim Walt Disney cho chiếu lại một trong bốn phim rút trong tác phẩm của ông, phim *Vingt mille lieues sous les mers* (Hai vạn hải lý dưới đáy biển) (2).

Mọi người đều nhận rằng trên văn đàn thế giới ông chiếm một địa vị đặc biệt, không ai tranh nổi. Trong văn học của Anh, Mỹ, Nga, Đức người ta còn có thể kiếm được một thiên tài ngang với Victor Hugo, Alexandre Dumas-père, Stendhal hay Balzac..., nhưng không thể nào tìm được một Jules Verne thứ nhì. Tác phẩm của ông gồm tới 65 tiểu thuyết, theo báo *Les Nouvelles littéraires*, số 24-3-66 thì năm 1902, ông soạn cuốn thứ một trăm lẻ tư của ông, vì có tiểu thuyết in thành nhiều cuốn. Trong số 65 truyện đó có dăm sáu truyện được dịch ra gần khắp các thứ tiếng và ta có thể nói rằng, suốt một thế kỷ nay trẻ em, thanh niên và cả người lớn nữa ở khắp thế giới đã mê man đọc những cuốn như: *De la Terre à la lune*, *Vingt mille lieues sous les mers*, *Le Tour du monde en quatre Vingt jours* (vòng quanh thế giới trong tám chục ngày) *Cinq semaines en ballon* (Năm tuần lễ trên khinh khí cầu) *Voyages extraordinaires* (Các cuộc du lịch dị thường)...

Ông đã tặng chúng ta nhiều lúc mơ mộng rất nên thơ và lành mạnh: mơ mộng được thám hiểm trong các bãi sa mạc, ở dưới đáy biển, hoặc trên cung trăng, được đi du lịch khắp thế giới để tìm hiểu các dân tộc, các kỳ quan trong vũ trụ. Hơn nữa ông còn ảnh hưởng lớn tới khuynh hướng và sự nghiệp của một số danh nhân. Thủy sư đô đốc Byrd nhận rằng:

(1) Hiện đã ra được 13 cuốn mỗi cuốn 500 trang.

(2) Ba phim kia là *Tribulations d'un Chinois en Chine* (dở), *Le tour du monde en 80 Jours* (khá) và *Aventures fantastiques* (khá)

«chính Jules Verne đã dẫn mình lên Bắc cực», còn Jean-Baptiste Charcot, một nhà bác học đã thám hiểm các biên ở Nam cực, thì bảo: «tôi không thể quả quyết rằng tác phẩm của ông đã định hướng cho cuộc đời của tôi, nhưng tôi có thể nói rằng tôi đã say mê đọc và hiện nay tôi vẫn còn đọc lại. Từ trước tôi vẫn tôn sùng những tác phẩm lành mạnh và cao thượng của Jules Verne.»

oOo

Jules Vernes sinh năm 1928 ở Nantes, một châu thành thương mại và kỹ nghệ nằm trên con sông Loire, cách bờ biển Đại tây dương độ ba bốn chục cây số. Ngay từ hồi còn nhỏ, ông đã thích ngắm những cảnh tàu bè ra vào tấp nập ở bến Nantes, chở đầy những sản vật ở khắp nơi, rồi mơ mộng những cuộc viễn du kỳ thú.

Phụ thân ông, Pierre Verne, làm nghề đại tưng, mẫu thân ông sinh được hai người con trai Jules và Paul sau làm nghề hàng hải, và ba người con gái.

Năm 1837, Ông vô học tiểu chủng viện Saint-Donatien, không thích cổ ngữ mà chỉ thích vẽ máy móc, cho nên sự học không tấn tới bằng em là Paul.

Hai năm sau, chưa đầy mười hai tuổi, ông yêu một cô em họ, Caroline. Caroline muốn có một chuỗi dây chuyền bằng san hô. Đúng lúc chiếc tàu Coralie sắp nhổ neo đi về miền Thái Bình Dương, nơi có nhiều đảo san hô, ông trốn nhà, xuống tàu. Cả nhà hoảng hốt, tưởng ông chết trôi trên sông Loire, sau nhờ có người mách, lại đón chiếc Coralie ở

một nơi chiếc này phải ghé bắt được ông, lôi về nhà, đánh cho một trận nên thân, bắt ông, bỏ cái tật ham mạo hiểm. Sau này ông giữ được lời hứa: chỉ mạo hiểm trong tưởng tượng.

Khi Caroline về nhà chồng, ông buồn rầu, thất vọng, không muốn ở tỉnh nhà nữa, xin phép cha mẹ lên Paris học luật, lúc đó ông đã đỗ tú tài. Phụ thân ông mới đầu ngăn cản, nhưng những người khác trong gia đình hiểu nỗi khổ tâm của ông, năn nỉ giùm cho ông và năm 1948, ông được lên Paris, ở chung với một người bạn tên là Hignard.

Phụ thân ông sợ ông nhiễm thói xa hoa ở Paris mà sinh ra phóng đãng chỉ gởi rất ít tiền cho ông, thành thử lúc nào ông cũng thiếu thốn. Ông không quan tâm lắm tới sự ăn mặc, chỉ buồn không có tiền để mua sách, và có lần ông phải nhịn ăn trong một tuần để mua một bộ đủ các tác phẩm của Shakespeare: ông thích văn chương hơn là môn luật.

Năm 1850, ông may mắn được gặp một văn hào ảnh hưởng lớn đến đời ông. Cuộc gặp gỡ khá ngộ nghĩnh. Ông vừa ở trong một phòng khách ra thì vô ý đụng nhằm một ông to lớn như hộ pháp đương bước vô. Ông này giơ chiếc can lên, hăm đánh, nhưng rồi thấy vẻ mặt xanh xao thiếu ăn của Jules Verne, tỏ ý thương hại, chỉ cho cách làm trắng răng gia vị bằng nghệ để bồi dưỡng.

Jules Verne đáp:

— Giá ông có sẵn trong túi mà cho tôi ném thử thì thích hơn.

Ông hộ pháp mỉm cười, đưa cho Jules Verne một tấm thiệp và mời thứ tư sau lại nhà chơi.

Thế là ông làm quen được với Alexandre Dumas Père và nhờ Dumas mà ông bắt đầu bước vào làng văn.

Dumas ngoài cái tài tráng trứng còn có tài nhận được những 4 mầm non văn nghệ nữa, và ngày 12-6-1850, Hí viện Lịch sử (Théâtre-Historique) mà ông điều khiển, diễn một vở kịch, một hồi nhan đề là *Những cộng rơm đứt* (Les pailles rompues), trong đó Jules Verne dùng giọng trào phúng đề trả thù cô Caroline. Kịch diễn được mười hai lần và đem cho tác giả được hai chục quan. Số tiền thực nhỏ nhoi, nhưng tác giả cũng tràn trề hi vọng. Kịch đó, sau diễn lại ở Nantes, cả nhà ông đi coi; phụ thân ông không lấy làm vinh dự mà còn ngài ngại cho ông, nhất là khi hay tin ông đang viết một tiểu ca kịch nhan đề là *Colin-Maillard*. Kịch này sau diễn được bốn chục lần cũng không được hoan nghênh, và từ đó ông không ham soạn kịch nữa.

Người thứ nhì có ảnh hưởng tới đời của ông là Jacques Arago, em của nhà thiên văn học François Arago. Lúc đó Jacques đã trên sáu chục tuổi và đui, kể lại cho ông nghe những cuộc mạo hiểm của mình hồi trẻ ở các xứ xa lạ, và làm sống lại trong lòng ông tính ham du lịch cổ hũu. Ông bèn bỏ việc soạn kịch mà xoay ra viết loại tiểu thuyết thám hiểm, lại Thư viện Quốc gia đọc đủ các loại sách, rồi viết thử vài truyện; Truyện *Martin Paz* xuất bản năm 1852: bút pháp chưa định, nhưng người ta đã nhận ra được vài đức tính của ông: có lương tri, có lương tâm nghề nghiệp, và chịu khó.

Năm 1857, dự đám cưới của một người bạn, ông gặp một thiếu phụ góa chồng và có hai đứa con gái, cô Honorine

Morel, ông mê liền, xin phép cha mẹ cưới cô.

Có gia đình rồi, ông không thể lang thang như trước được nữa, phải lo việc mưu sinh. Ông xin được một số tiền của cha, đầu cơ ở thị trường chứng khoán. Không khá gì mấy, nhưng có cơ hội tiếp xúc với nhiều hạng người trong xã hội, biết được những mảnh khoé trong giới kinh doanh, ghi được nhiều tài liệu đề sau này viết truyện.

Mấy năm sau, ông đi thăm nước Anh và Na Uy, năm 1861 trở về Paris. (Vợ ông mới sanh cậu Michel, người con ruột của ông bà), gặp Nadar, một nhà văn kiêm kí giả, nhưng nổi tiếng nhất về nghề nhiếp ảnh và tài phát minh. Lúc đó Nadar đang chế tạo một kính khí cầu để đi thám hiểm Châu Phi. Ông thích quá, mong được bay trên những xứ mệnh mông, hoang vu của Châu Phi, nhưng một phần nhớ lại lời hứa với cha hồi nhỏ, phần bị cảnh gia đình trói buộc ông đành để Nadar đi một mình, còn ông thì ở lại Paris mà du lịch tưởng tượng: Viết cuốn *Năm tuần trên kính khí cầu*, một truyện rất hấp dẫn, tả nhiều cảnh kỳ dị chứa nhiều tình tiết sống động. Và cuộc du lịch trong sách vở đó của ông, (ông đã tham khảo rất nhiều sách trước khi viết) đã tiến xa hơn cuộc du lịch của Nadar vì chiếc kính khí cầu của Nadar rớt ở Meaux (trên đất Pháp), may mà Nadar không bị thương nặng lắm. Để ghi mối tình với bạn, ông thay đổi vị trí những tự mẫu trong tên của Nadar mà đặt tên cho nhân vật chính trong truyện là Ardan.

Mặc dầu truyện rất hay, nhưng nếu không nhờ Hetzel thì chưa chắc đã ra đời được.

Hetzel là một nhà xuất bản có lý tưởng yêu nghề, trung tâm, lại có nhân quang rộng, có tài nhận ra được và khuyến khích những tài năng mới. Ông cũng có công lớn với văn học Pháp, nâng đỡ Jules Verne từ buổi đầu, vì vậy mà năm nay, dân tộc Pháp làm kỷ niệm Jules Verne, không quên nhắc nhở lại sự nghiệp của ông.

Hetzel, đã bị đày vì những hoạt động chính trị, năm 1859 được trở về Paris, thấy công việc xuất bản gặp nhiều nỗi khó khăn. Mặc dầu vậy, ông không tính làm giàu mà chỉ muốn phụng sự thanh niên, gây dựng một tủ sách cho họ, sáng lập một nhật báo vừa giải trí vừa giáo dục cho họ, truyền bá những kiến thức về khoa học để gây phong trào tìm tòi, phát minh. Ông rất khó tính, xét tác phẩm một cách nghiêm khắc, nhất định không chịu xuất bản những cuốn dở, mặc dầu có thể bán chạy, cho nên các tác giả trẻ tuổi sợ ông lắm mỗi khi đợi nghe lời phê bình của ông.

Buổi sáng tháng 10 năm 1962. Jules Verne lo lắng gần như một người đợi lúc bị đưa lên pháp trường. Cuốn năm tuần trên khinh khí cầu đã bị nhiều nhà xuất bản khác từ chối rồi. hy vọng gì được ông già khó tính này chấp nhận.

Hetzel bảo :

— Này chú em được lắm đấy.. Có thể nói là được lắm lắm đấy... nhưng...

Cái tiếng «nhưng» tàn nhẫn đó làm cho Verne muốn té xỉu.

Nhưng rồi Hetzel tiếp :

— Tôi nói...nhưng..., Vì chú em phải tốn công thêm nữa, phải sửa lại vài chỗ. Dù bản thảo của chú em đã...

Mang về nói lại các chi tiết cho có mạch lại đi, thì sẽ thành một tiểu thuyết mạo hiểm rất hay mà tôi sẽ mua tức thì, sửa mau lên nhé, có sẵn tờ hợp đồng rồi đây, chỉ đợi kí nữa thôi. Chú em có nhiều tài đấy. Sau truyện đó, tính viết gì nữa không ?

Jules sướng như lên tiên, kể rành rọt chí hướng của mình cho nhà xuất bản nghe : viết một loạt tiểu thuyết thành «một cuộc du lịch trong vũ trụ của một người ở thế kỷ XIX». Hetzel nhiệt liệt hoan nghênh chương trình đó.

Thế là Jules ôm bản thảo về, leo lên ngay xe buýt hót hơ hốt hải lại sở giao dịch chứng khoán, la lớn :

— Tôi lại từ biệt anh em đây... Tôi cưới vợ !

Bạn bè ngờ ông điên, hỏi cưới ai, ông đáp :

— Cưới ông Hetzel, đường Bonaparte !...Tôi mới viết xong một tiểu thuyết hình thức rất mới mẻ, độc đáo. Thôi chào anh em !

Lễ Noël năm đó, ông nhận được món quà quý nhất trong đời một nhà văn : những bản mới in xong của cuốn truyện đầu, cuốn Năm tuần trên khinh khí cầu. Ông ký một hợp đồng hai chục năm với nhà xuất bản : Hetzel trả ông 20.000 quan mỗi năm để ông viết mỗi năm hai cuốn — hai cuốn chứ không phải hai truyện vì có truyện của ông gồm nhiều cuốn.

Mỗi cuốn ông được một vạn quan ! Mới mấy năm trước, hồi làm thư kí riêng cho ông giám Đốc một hí viện, ông chỉ được lãnh có 100 quan mỗi...

Ông được trả một số tiền bằng trăm tháng lương thư kí. Mới bước đầu mà đã thành công ngoài sức tưởng tượng. Từ đó mối tình giữa Hetzel và ông mỗi ngày một thêm thắm thiết : Hetzel coi ông như em út, tận tâm hướng dẫn chỉ bảo, khuyến khích, ông kính trọng Hetzel vào hàng cha chú.

Tác phẩm được hoan nghênh nhiệt liệt ; ông càng hăng viết. Tiếp theo là những cuốn *Những cuộc mạo hiểm của thuyền trưởng Hatteras* (Les aventures du Capitaine Hatteras) *Du lịch vào trung tâm trái đất* (Voyage au Centre de la Terre). Cuốn sau rất nổi danh và viết rất công phu : Ông đã nhờ nhà bác học Sainte Claire Deville cho ông những tài liệu cần thiết về địa chất học. Thấy cuốn nào của ông cũng được độc giả tranh nhau mua phụ thân ông bây giờ phải vui vẻ nhận rằng con mình đã thành công và trước kia mình đã coi thường nó.

Năm 1866, truyện *Từ trái đất lên mặt trăng* ra mắt độc giả trên báo *Journal des Débats*. Ông tính toán về đường đi của các viên đạn, nhờ một vị bạn thân, giáo sư toán ở trường trung học Henri IV soát lại, rồi cho phóng lên không trung một tạc đạn khổng lồ chở theo một người pháp tên là Michel Ardan (cũng vẫn là họ Ardan, nhưng lần này thêm tên Michel, lên con trai của ông). một nhà thám hiểm gan dạ muốn được biết mặt chị Hằng. Độc giả rất mê truyện nhưng đó chỉ cho là truyện ảo tưởng có ngờ đâu rằng lời tiên tri của ông, trăm năm sau đã sắp thực hiện được : mấy hỏa tiễn của Nga và Mỹ vừa rồi đã tiến được tới mặt trăng và có thể chỉ

trong năm mươi năm nữa là loài người đặt chân được lên đó.

(Còn tiếp một kỳ)

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được :

— **Thế Phong, the writer : the work and the life.** — Nguyên tác : *Thế Phong nhà-văn, tác phẩm, cuộc đời*, bản dịch Anh-ngữ của X.H. do Đại Nam văn-hiến xuất bản và gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 21 x 27, dày 116 trang, giá 200đ.

— **Le crépuscule de la violence** (*Poèmes, nouvelles, témoignages d'une guerre*) gồm những sáng tác của Dang-Than-Miên, Diễm-châu, Du-Tử-Lê, Lê-Tất-Hữu, Nguyễn-quốc-Thái, Tạ-quang-Trung, Thái-Lăng. Thảo-Trường, Thế-Nguyên, Thế-Phong do Nguyễn-ngọc-Lan và Lê-Hảo dịch ra Pháp-ngữ, nhà xuất bản Trình-bầy ấn hành. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 21 x 27 dày 80 trang. Giá 80đ.

Câu chuyện năm mới. truyện của Vladimir Dudintsev, bản Việt-văn của Diễm-Châu, do Trình-Bầy xuất-bản và gửi tặng. Sách in ronéo 2 mặt, khổ 21 x 27 dày trên 60 trang có phụ thêm "V. Dudintsev, dưới mắt Mihajlo. Mihajlov nhà-văn Nam Tư". Giá 45đ.

— **Mặt trời mù.** Truyện dài của Curzio Malaparte do Bửu-Ý dịch từ bản Pháp-dịch nhan đề "Le Soleil est aveugle", tạp chí Văn xuất bản và gửi tặng. Sách dày 140 trang. Giá nhất định 25 đ.

CÁU CHUYỆN HỘI HỌA

THÁI - TUÂN

những dấu chân của ADAM

Nhiều người bạn tôi, vẫn thường phàn nàn bây giờ thành phố cột đèn điện nhiều cây cối; họ lo ngại những cái cây xi măng ấy dần dần sẽ thay thế cho những cái cây của thiên nhiên.

Ngày nọ, trong lúc gặp nhau ở phòng tranh, một nhà thơ đã quả quyết với tôi rằng: anh sẽ đưa chiếc xe hơi vào thi phẩm của anh trước khi tôi tìm thấy một vẻ «đẹp» cho chiếc xe hơi. Tôi biết rõ điều đó, nên không dám nhận cuộc.

Có họa sĩ Fernand Léger đã lấy đề tài ở những bánh xe, ở những chiếc đỉnh ốc của những bộ máy kịch côm. người ta vội bảo ông là họa sĩ của giới thợ thuyền lao động; nhưng chính ông đã phải thú nhận: thợ thuyền chẳng ưa thích gì họa phẩm của ông.

Tôi nghĩ ông ta đã rút được những vẻ đẹp từ những máy móc. Ông không vẽ vì giới thợ thuyền và chỉ riêng cho họ.

Nhón lên và sống trong chiến tranh, những nhà thơ tuổi trẻ ngày hôm nay, chưa từng có thời giờ ngồi ngắm cảnh «liều rủ bên hồ» Họ chỉ trông thấy những cây cột đèn ử rử, cô đơn đứng lặng lẽ nơi các công viên.

Ví thử có cơ hội nào đó để nhìn ngắm những rặng liễu xanh tốt, thì liễu kia e quá xa lạ để mang nỗi ý thơ.

Sự đồng nhất giữa hình ảnh và tư tưởng ở nơi họ là một điều chân thực không hề là một gán ép giả tạo; tôi tin ở điều đó.

Tư tưởng ngày hôm nay đã nảy sinh và chỉ có thể nảy sinh từ những cái nhìn thấy ở ngày hôm nay. Người làm nghệ thuật không quay lại phía sau để lượm nhặt các cổ vật. Đó không phải là công việc của họ.

Chàng dũng sĩ và con bạch mã đã chết từ lâu cũng với cây đàn tranh và bộ đồ trà độc ẩm. Người ta chỉ có thể quay lại với những bóng vang đó, để mà tưởng niệm như nhớ thương người quá cố!

Tính chất dân tộc là những cái đang có và sẽ có, không phải là những cái đã có và đã qua.

Vẻ đẹp ở chiếc áo dài của người phụ nữ ngày hôm nay chẳng phải là vẻ đẹp của chiếc áo dài hai mươi năm về trước.

Sự thay hình đổi dạng đã giúp cho nó sống hòa hợp với đời sống hiện tại. Phụ nữ của chúng ta là những nhà nghệ sĩ; họ có thể kiêu hãnh về điều đó.

Chúng ta kính phục những tư tưởng vĩ đại đã có từ ngàn đời ; nhưng hôm nay chúng ta suy nghĩ bằng đường cong nét lượn của một chiếc xe hơi : chúng ta rung cảm bằng màu sắc của những chiếc đèn nê-ông quảng cáo. Chúng ta không thể ngắm chiếc xe tăng để mò đến một bến tằm dương xa lắc.

Ngôn ngữ nghệ thuật của hôm nay có thể bị kết án về sự «thô bạo, dị kỳ» nhưng ngôn ngữ đó đã có và phải có.

Người ta cũng có thể bảo đó là thứ ngôn ngữ nghệ thuật của thủ đồ, nhưng người nghệ sĩ không lựa chọn thủ đồ. Chính các thủ đồ đã lựa chọn họ. Bao giờ và ở đâu thì cũng như vậy.

Người họa sĩ suy nghĩ bằng những «cái nhìn thấy» bằng những đồ vật vây quanh. Hẳn sẽ do từ những cái nhìn thấy, không phải chỉ để suy luận xuống mà còn phải tạo ra một cái nhìn thấy khác. Danh từ trừu tượng là một sự phi lý đối với hội họa.

Trong một hoàn cảnh cô độc bao vây bởi thiên nhiên ADAM đã tìm thấy hình ảnh mình ở các vết chân của chính hắn bước theo dòng sông. Có lẽ hắn đã kinh ngạc nhưng cũng đã vô cùng vui sướng.

Dấu vết của hắn để lại, chứng tỏ sự hiện hữu của hắn trong một vũ-trụ bao la. Nhưng cũng chính bởi khám phá đó, mà hắn mới biết được nỗi cô đơn, như chưa bao giờ từng biết.

Ngày nay dấu vết của các con và cháu hắn đã tràn ngập đồng nội, trùm phủ núi non ; và còn đang toan tính vượt ra khỏi tầm địa cầu chật hẹp để vươn tới nguyệt cầu, kim tinh và những tầng không gian vô tận.

Cái nhìn thấy của ngày hôm nay, không hoàn toàn là cái thiên nhiên của thuở ADAM nhưng là một thế giới mà con người đã xây dựng bằng những công trình của mình làm ra. Thế giới đó là thế giới của những «đồ vật» mà con người tạo ra để sống trong đó, suy nghĩ trong đó và cũng sẽ chết đi trong đó.

Trên đường phố, cái cây cũng chỉ còn dùng làm một thứ đồ trang trí, nhiều đô thị cũng đã chẳng cần dùng đến nữa.

Những cánh rừng cây bạt ngàn đã hóa kiếp ở trong tờ giấy trắng, ở cái bàn cái tủ ; Núi đồi quặng mỏ đã hiện hình thành những chiếc xe hơi và những khẩu đại bác

Các nhà nhân chủng học đã chứng minh hình vóc con người cũng nằm trong cái vòng đời thay biến hóa; Bởi tư tưởng của mình qua nếp sống. Và con người cũng đã và đang lôi kéo các loài sinh thực vật khác vào trong xáo trộn của một sự biến gổng, cho phù hợp với nhu cầu hiện đại.

Người ta bảo : thiên tài nghệ thuật là một cái gì độc đáo, đặc biệt và phi thường rằng không thể tổng quát hóa, không thể dùng làm mẫu số chung.

Rằng thiên tài biệt tách khỏi mọi người không có cái nhìn như mọi người.

Nhưng thiên tài Picasso đã vẽ gì?

Mondrian, Klee, Hartung đã vẽ gì?

Cái độc đáo ở một thiên tài phải chăng là một cái cộng lại của các thiên tài đã có, được tẩy luyện trong cái nhìn thấy của ngày hôm nay cho phù hợp với tư tưởng và cả với sở thích thời đại nữa ?

Con đường của nghệ thuật không do một cá nhân định đoạt. Hường tiến đã được phác thảo từ thuở ADAM.

Những bậc thiên tài chịu sức thúc đẩy của lịch sử đề tiến lên làm kẻ dọn đường. Hần chỉ tự do độc đáo trong cái định mệnh chung của nhân loại đã được định đoạt. Hần sẽ dọn một đoạn đường, không vạch cả con đường. Chính cái xã hội khoa học và máy móc đã dự phác tư tưởng lập thể. Picasso chỉ vẽ ra những bức họa lập thể.

Không thể có một quá khứ lịch sử hội họa riêng rẽ, Tất cả đều gia nhập vào một dòng lịch sử chung của nghệ thuật. Và nền lịch sử nghệ thuật cũng lại phải gia nhập vào lịch sử chung của nhân loại.

Quê hương của một Picasso là mảnh đất lập thể, không còn là xứ Tây ban Nha.

Chagall, Mondrian, Foujita cũng chỉ cùng chung một quê hương trong nghệ thuật. Nhớ lại một buổi nói chuyện với các bạn tôi về hội họa. Nhiều người khẳng định đòi một quá khứ cho nền hội họa Việt Nam. Tiếc thay, *quá khứ của hội họa mình là một thứ hội họa vô danh*; như Thanh tâm Tuyền đã nói. Nhưng cũng mừng thay mình đã nhập vào với những trào lưu hội họa thế giới.

Giai đoạn nghiên cứu một chiếc xe chạy bằng hơi nước đã qua từ lâu và chúng ta chẳng dự phần gì vào đấy. Không phải lỗi ở ai cả.

Ngày hôm nay, chúng ta hãy tự làm lấy những chiếc máy cày. Chúng ta không thể không biết đến những chiếc máy cày và những bức tranh trừu tượng.

Chuyến xe chạy đã từ lâu không thể đòi bước xuống để mà đi bộ.

Nỗi đau buồn đã gắn liền khăng khít với con người, tự buổi ADAM nhìn thấy dấu chân hằn in trên nền cát trắng.

Hôm nay dấu chân đã chồng chất quá nhiều và niềm đau buồn cũng gia tăng cực độ.

Lời kêu gào bi thảm vang khắp đó đây; nhưng vẫn chỉ là những lời ca khúc nhạc.

Có lẽ làm một con người đau khổ còn hơn làm một con heo sung sướng!

Người nhạc sĩ! tại sao anh lại còn có thể lựa chọn những âm thanh cho một nỗi cô đơn? và người họa sĩ, sao còn cần đến màu sắc cho một niềm đau khổ? Những nỗi thất vọng về cuộc đời sao còn cần chi đến văn đến điệu.

Thủ đô Ba Lê vẫn là thủ đô của nghệ thuật. Những bức danh họa bất hủ và vô giá tràn ngập các bảo tàng. Những tác phẩm vào chương văn hằng được thế giới ngưỡng vọng; Hàng hóa và thực phẩm họ không thiếu thốn như chúng ta. Họ đang chế bom khinh khí. Nhưng nước Pháp cũng là nơi đã xuất phát những tư tưởng bi thảm nhất của thời đại. Và họ hãnh diện về điều đó. Không hãnh diện về một bi thảm, nhưng hãnh diện vì một sự thực mà họ ý thức được.

Song le mọi người sẽ cứ trồng lúa mì, làm rượu nho, làm nhạc jazz, vẽ tranh trừu tượng và chế cả ra bom khinh khí. không ai còn ngạc nhiên vì một nữ-sĩ chống chiến tranh kết duyên với ông bác học chế bom nguyên tử.

Lịch sử loài người vẫn có quá khứ và vẫn cứ tiến lên theo chiều hướng đó. Ý nghĩa của cuộc cách mạng văn hóa, mà hiện nay người ta đang nói tới, phải chăng nó muốn nói lên sự chấp nhận những máy cày và sự chối bỏ những bản nhạc của Beethoven ?

Cho dù địa cầu của chúng ta có bị tàn phá vì một cuộc chiến tranh nguyên tử thì lịch sử nhân loại vẫn mang nặng một quá khứ, vẫn một con đường đã phác thảo.

Lịch sử một chiếc xe hơi vẫn không thể có trước lịch sử một chiếc xe đạp.

Không thể có một sự tình cờ nào, tạo ra được một xu hướng lập thể trước khi có nền hội họa cổ điển.

Không có một lịch sử, một con đường nào khác và mới hơn là những cái mà chúng ta đã có dù sẽ có.

Hội họa không tô điểm đau khổ; thơ và nhạc không ngợi ca đau khổ. Nó chính là niềm đau khổ hoá thân thành hòa hợp cân đối và nhịp tiết.

Sự hòa hợp và cân đối của toàn thể một họa phẩm cũng chỉ được tạo ra bởi những trường hợp bất cân đối và thiếu hoà hợp.

Mọi người đều biết rõ như vậy.

Chúng ta đều biết rõ, chúng ta đang sống trong những trường hợp hết sức không cân đối. Chúng ta soạn ra những cuốn sách giáo khoa sai cả văn phạm, nhưng chúng ta vẫn có những ông tiến sĩ văn chương. Chúng ta có rất nhiều vị kỹ sư về máy móc nhưng nông dân vẫn

cày ruộng bằng chiếc cày của ông thái thú Sĩ-Nhiếp.

Chúng ta có rất nhiều trẻ con không có ai dạy cho chúng chữ nghĩa, nhưng vẫn được xúi bảo cho làm chính trị.

Có rất nhiều đứa con gái chỉ được nghe quảng cáo về các loại son phấn song chẳng hề được nghe giảng thuyết về

SÁCH MỚI

Bách-Khoa T.Đ. đã nhận được :

— **Mùi hương xuân sắc**
Nguyên tác "Sylvie" của Gérard de Nerval, Bản dịch của Bùi-Giang do Phú-Vang Thừa Thiên xuất bản và dịch giả gửi tặng. Sách dày 96 trang giá 50đ.

— **Tự-diện và danh-từ Triết Học** của Trần-văn-Hiến-Minh, do Tủ sách Ra Khơi xuất bản và soạn-giả gửi tặng. Sách dày 472 trang gồm 2 phần : Tự diện triết học (cắt nghĩa những danh-từ Triết học Tây và Đông phương) và Danh từ Triết-học (chuyển sang Việt ngữ những danh từ Triết-học ngoại-ngữ). Một cuốn sách rất cần thiết cho những ai muốn tìm hiểu Triết học. Giá 220đ.

— **Thái-độ số 2 tháng chín**, tập san do Thế-Uyên chủ-biên với chủ đề **Cách-mạng xã-hội** có cuộc phỏng vấn các chính-khách : Trần-văn Tuyên, Phan-khắc-Sửu, Nguyễn-văn-Lực và Hồ-hữu-Tường về cách mạng xã hội. Mỗi số dày 128 trang. in ronéo 2 mặt khổ 21x27, Giá 50đ. Bưu-phieu mua báo đề cho Nguyễn-kim-Dũng, 445 Trần-quốc-Toản Chợ-Lớn.

cách làm người. Cả một nền văn chương nghệ thuật ở đây chỉ nuôi dưỡng bằng những mẫu xương nhưng vẫn có những nhà kiến trúc lo lắng đề dựng lên đồ án cho một bảo tàng viện.

Mới tối hôm qua, khi tới thăm người bạn họa sĩ, tôi đã trông thấy anh vẽ bức tranh trừu tượng dưới ánh sáng chập chờn của một ngọn đèn cây y như trong thời cổ kính của họa sĩ Titien.

Và cho đến hôm nay tôi lại phải gửi mua một cuốn sách nói về nguồn gốc loại tranh mộc bản Việt-Nam viết bằng tiếng Pháp.

Tình trạng bất cân đối và những trường hợp bất cân đối ấy, không thể trở nên hòa hợp và ổn định bằng cách loại bỏ cái này hay cái kia nhờ một bài toán trừ và cũng chẳng có thể kết hợp bằng một con tính cộng.

Khi tôi trở lại thăm người họa sĩ thì bức tranh đã vẽ xong và ngọn đèn cây đã tàn lụi từ lâu. Hẳn ngồi yên lặng trong góc nhà hút thuốc.

Tôi nhìn lên bức vẽ không phải là bức họa trừu tượng mà tôi đã trông thấy. Tôi hỏi :

— Bức tranh ngày hôm qua đâu ?

Hắn nói :

— Trong thành phố cây cối vẫn còn nhiều hơn cột đèn. Những công viên cũng chỉ mới là đồ trang trí, không quá khư, không hiện tại chỉ toàn là tượng tượng và bịa đặt.

Tôi nói :

— Những chiếc xe hơi không phải là sự thực nhìn thấy sao ?

— Một sự thực nhìn thấy sờ thấy nữa chứ. Đúng đấy nó thực hơn cả những cái đầu óc hạn chế bởi sương mù quá khư ngự trị.

Và hắn cười vang :

— Ha ! ha ! một quan tài hiện tại trống rỗng một đề tài khá đầy ; Mai mốt trở lại đây mà xem một bức họa mới và nhớ đem theo ít cây đèn cây. Vâng ! Chắc hẳn tôi sẽ trở lại thăm anh và sẽ không quên đèn cây cho anh.

11-9-1966

THÁI TUẤN

**SÁCH HAY, MỚI XUẤT BẢN
GIÁ ĐẶC BIỆT (I.C.)**

Bạn đọc hãy tìm lại nhà sách :

VIỆT - BẮNG

(78, Đại-lộ Lê-Lợi Saigon)

Các loại sách ngoại quốc mới xuất bản về : Chính - trị, Triết - học, Văn - học, Khoa - học, Nghệ - thuật v. v...



3 vitamines neurotropes



tridocélan

algies

asthénie

alcoolisme

présentation

tridocélan

comprimés

Flacon de 20 comprimés

dosés à :	Thiamine	100 mg
	Pyridoxine	250 mg
	Hydroxocobalamine	250 µg

traitement d'entretien et formes d'intensité moyenne : 2 à 6 comprimés par jour ou plus



LES LABORATOIRES ROUSSEL

35 BOULEVARD DES INVALIDES - PARIS 17⁹³

ROUSSEL VIETNAM, 6, BOULEVARD NGUYEN-HUE - SAIGON

Thân xác như một giá-trị

• NGUYỄN - VĂN - TRUNG (2)

(xin xem B.K.T.Đ. từ số 233)

THIẾU

Thân xác không phải chỉ là một thân thể, nhưng là thân tôi, chính tôi, con người tôi. Nói cách khác, thân xác vừa là một cơ thể sinh lý, vừa là một bản ngã tâm lý, một giá-trị luân-lý, thậm mỹ... Do đó khi thân xác tôi bị va chạm, tổn thương, toàn thể con người tôi cũng bị va chạm, tổn thương. Sự thiếu hụt, mất mát một cơ quan của thân xác không phải chỉ làm hư hỏng tính cách toàn vẹn sinh lý, mà còn ảnh hưởng sâu đậm vào đời sống tâm lý, xã hội của người đó.

Thân xác làm cho tôi có mặt ở đời như con người, cho phép tôi dự định, ước muốn, hành động, hoặc bày tỏ, biểu lộ ý nghĩ, tình cảm, thực hiện những quan hệ với thế giới sự vật và những quan hệ giao ngộ với người khác: Nhưng thân xác cũng là một vật trống trải, luôn luôn có thể bị đe dọa tấn công làm hư hỏng hay tiêu diệt do bệnh tật, tai nạn rủi ro... Thực ra, tôi vẫn cảnh giác và cố gắng bảo vệ, che chở thân xác, nhưng không bao giờ chấm dứt được mọi đe dọa, hiểm họa tấn công. Hơn nữa, tôi cũng không thể quá lo lắng bảo vệ thân xác, vì lo lắng quá, cẩn thận quá, thì sẽ

không muốn làm gì hoặc không thể còn làm được gì. Nhưng sống không thể không dự định, ước muốn, hành động; mà không thể dự định, ước muốn, hành động nếu không liều một chút. Và liều là gì nếu không phải là coi thường thân xác, tính mệnh? Ta càng dễ coi thường thân xác khi vẫn được may mắn khỏe mạnh, không gặp rủi ro, tai nạn. Chỉ khi nào ta mang bệnh, mắc tật, mới thấy thân xác là quý, đồng thời cũng thấy bệnh tật không những làm tổn thương thân thể mà còn cả tinh thần, cuộc đời.

Khi Cầm Nhung bị đánh ghen, bị tát át xít vào mặt, không phải cô chỉ bị hỏng mặt, mù mắt, mà còn hỏng cả cuộc đời.

Người đàn bà cần có sắc đẹp. duyên dáng vì lối xuất hiện của đàn bà là tiếng gọi, lời mời mong được nhìn, ngắm, đón nhận. Do đó làm dáng, trang điểm, sửa sắc đẹp là mối bận tâm lo lắng thường xuyên của đàn bà. Ngay cả khi có chồng con, người đàn bà cũng vẫn cần trang điểm, làm đẹp, nhất là khi ra đường, ra mắt công chúng. Càng đẹp, trẻ, duyên dáng, càng trở thành lời mời quyến rũ, đồng thời cũng càng bị đe dọa. Người chồng có thể vừa hãnh diện vì có vợ đẹp, vừa lo sợ mất vợ đẹp của mình.

Nhưng khi người đàn bà xấu xí, vì Trời bắt xấu, hay vì phải lam lũ làm ăn, dầm sương giải nắng, hoặc vì bị tai nạn rủi ro, bệnh tật, còn ai thèm để ý, muốn nhìn và đón nhận. Người đàn bà nào lại không tủi nhục, cực khổ vì không có sắc đẹp hay đã mất sắc đẹp, khi thấy chị em khác được đề ý ca tụng còn mình thì bị bỏ rơi, hoặc tệ hơn nữa, bị chê bai, khinh bỉ.

Trong truyện Chí-Phèo của Nam-Cao, có mô tả thị Nở như một người đàn bà xấu xí đến « ma chê quỷ hờn » vì cái mặt của thị là « một sự mỉa mai của Hóa-công: nó ngắn đến nỗi người ta có thể « tưởng bề ngang hơn bề dài... cái mũi thì vừa ngắn, vừa to vừa đỏ, « vừa sần sùi như vỏ cam sành, bành bạnh muốn chen lấn nhau với « những cái môi cũng cổ to cho không thua cái mũi, có lẽ vì cổ quá « nên chúng nứt nở như rạn ra. » Đã thế thị lại ăn trầu thuốc, hai « môi dày được bôi cho dày thêm, cũng may quết trầu xám lại, che « được cái màu thịt trầu xám ngắt. » Đã thế những cái răng rất to lại « chia ra : ý hẳn chúng nghĩ sự cân đối chưa được một vài phân cho « sự xấu ».

Tại sao Trời để cho người này đẹp người kia xấu ? Trời vô tình bất công hay « bất tội » ? Dù giải thích thế nào đi nữa người đàn bà xấu cũng không thể không oán trách, tủi nhục vì một sự thua thiệt thiếu xót, một thua thiệt thiếu xót cái cần thiết, quý báu nhất đời đối với người đàn bà là sắc đẹp.

Nhưng may cho Thị Nở vì nhờ người nên không thắc mắc, suy nghĩ gì cả : « Đó cũng là một ân huệ đặc biệt của thượng đế chí công : Nếu sáng suốt thì người đàn bà ấy sẽ khổ sở ngay từ khi mua cái gương thứ nhất ».

oOo

Có những tật, bệnh chỉ liên quan đến cơ thể, nhưng trí óc vẫn còn lành mạnh. Ngược lại, có những tật bệnh về trí óc, mà cơ thể vẫn được nguyên vẹn. Những người mắc bệnh trí, không biết mình mắc bệnh, do đó cũng không thấy vấn đề nhưng họ là vấn đề cho người khác, cho gia đình, họ hàng, xã hội. Những người thân thể tàn tật, nhưng trí óc lành mạnh, biết mình tàn tật và do đó thấy vấn đề và trước hết cho chính mình.

Người mù.

Người mù không phải chỉ là người không thấy màu sắc, hình thù, sự vật, người khác, nhưng còn là một người bị người sáng mắt coi như là mù và được đối xử theo quan niệm của họ về người mù. Nói cách khác, mù là một sự kiện sinh vật lý đồng thời cũng là một sự kiện xã hội. Do đó ý thức về mù của người mù không phải chỉ là một tình tự thù địch với thế giới vật lý hữu hình mà còn là những mặc cảm tự ty do tình trạng trên gây ra. Người mù cảm thấy tự ty khi so sánh thân phận tật bệnh của mình với tình trạng lành mạnh của gia đình, bạn bè, những người chung quanh. Họ là sáng mắt, bình thường, mình là tối mắt, khác thường. Giả sử thế giới con người toàn là những người mù cả, chắc hẳn ý thức của người mù sẽ khác hẳn. Nhưng tiếc thay, đối với người chẳng may bị mù, thế giới này là thế giới của người sáng mắt, do đó nó được quan niệm tổ chức theo cái nhìn, tiêu chuẩn của người sáng mắt. Đèn xanh đèn đỏ ở ngã tư để làm hiệu ngừng xe hay cho xe qua là một quy ước của những người sáng mắt. Khúc đường quặt, cầu thang lên xuống, sự bày biện đồ đạc trong nhà v.v. tất cả đều được tổ chức cho người

sáng mắt và người mù phải thích nghi với cái thế giới đó của người sáng mắt.

Tuy nhiên người mù cũng phải thích nghi với hoàn cảnh mù của mình, nghĩa là tập cho có những thái độ, cử chỉ hàng ngày bỏ khuyết được sự thiếu sót cái nhìn. Bị xâu xé giằng co giữa hai đòi hỏi thích nghi với sự kiện mù, và thích nghi với xã hội của người sáng mắt, đó là tình cảnh bi đát của người mù.

Xã hội coi người mù là một hạng người tàn tật, bất lực, không thể tự lập và phải ăn bám xã hội vì không còn mắt để làm việc. Nhưng những cố gắng gây dựng lại cuộc đời cho người mù bằng cách tổ chức một thế giới riêng cho họ, như tạo ra những quy ước riêng và dựa vào khả năng của người mù— chẳng hạn đọc bằng tay— đã chứng minh quan niệm trên chỉ là một thiên kiến bất công, vì người mù có thể làm việc được, có thể tự lập được, và sau cùng, có thể bù đắp rất nhiều sự thiếu con mắt, nếu tổ chức được một xã hội người mù theo tiêu chuẩn của người mù, tôn trọng nhân phẩm của họ và không cần nại đến sự bố thí tình thương của người sáng mắt đôi khi đã gây nhiều tủi nhục vô ích.

Tuy nhiên, hình ảnh, thiên kiến vì người mù như một người tàn tật, vẫn còn rất phổ biến.

Trong nhiều kiểu nói, mắng chửi của ngôn ngữ hàng ngày, từ «mù» chỉ thị tất cả những gì là tiêu cực: bất lực, sai lầm, sơ sót, bậy bạ, tội lỗi...

Bất lực! Mù thì chỉ có nước đi ăn mày ăn xin, không làm được gì nữa.

Trí thức: Mù ở đây là mù tối, mù昧, mù tịt, mù chữ, : thiếu ánh sáng, đêm

tối đen như mực, tình thế không sáng sủa; không biết gì hết, dốt đặc cán mai.

Luân lý: Mù quáng: làm không suy nghĩ đắn đo gì cả; làm bừa, làm tàng, làm liều.

Chửi rủa: Đồ mù à! Khi có người dẫm lên chân, đụng vào người, nổi nóng mắng họ là đồ mù, vì có mắt mà lại không thấy chân người ta. Hoặc ghét bỏ ai, thì chúc dữ cho họ mù đi. Mù là tội lỗi, là hình phạt, là sự tù đày. Trong lịch-sử nhân-loại, trong thần-thoại chẳng hạn thần thoại Oreste của Hy-lạp, ý-niệm tội-lỗi, hình-phạt thường gắn liền với sự mù lòa, đui chột.

Tuy nhiên, dù mù lòa vì tội-lỗi hay vì tai nạn, thì người mù cũng đáng thương hại đối với người sáng mắt.

Người mắt lé, mắt lác làm cho ta buồn cười, cũng như người nghễnh ngãng điếc tai. Điếc là nhân-vật của hài kịch, trong khi mù là nhân-vật của bi-kịch. Người mù bao giờ cũng gọi lòng thương hại. Hoặc họ đón nhận lòng thương hại đó với một niềm tủi-nhục, cực chẳng đã; hoặc họ tỏ vẻ khó chịu, phản-kháng và từ chối lòng thương hại vì thương hại là đoái nhìn, nghiêng mình xuống, nghĩa là bày tỏ một tương quan không bình đẳng, người trên kẻ dưới, người lành kẻ yếu, người may mắn kẻ khốn nạn, và dù kẻ khốn nạn có được thương hại đến đâu đi nữa, cũng vẫn là kẻ khốn nạn vì đã chỉ được thương hại, nghĩa là hoàn toàn tùy thuộc vào kẻ thương hại mình và không bao giờ được cư-xử như một người lành mạnh. Người ta có thể thương-hại và giúp-đỡ rất nhiều một người mù, nhưng có lẽ chắc chắn sẽ không lập gia đình

với người mù đó. Trong một cuốn biên khảo về người mù, ông Pierre Henri, tiến-sĩ văn-khoa, cũng là người mù, đã lập thống-kê cho thấy quá 70% người sáng mắt không chịu lập gia đình với người mù (1). Nói cách khác, chỉ thương mà không yêu.

Người cùi.

Bệnh cùi (ngoài Bắc Việt gọi là hủi) không phải là bệnh hay lây nhất, cũng không phải là bệnh khó chữa nhất; không phải là bệnh thông thường hơn cả, cũng không phải là bệnh đáng sợ hơn cả; Nhưng hình như chỉ bệnh cùi là bệnh độc nhất bị coi như tội ác và người mắc phải bị coi là phạm-nhân. Người ta xa lánh, kinh tởm, khinh bỉ người cùi đến nỗi dùng câu « đồ cùi » « đồ hủi » để mà chửi rủa...

Thật ra sở dĩ người ta ghét sợ bệnh cùi một cách quá đáng như vậy là vì một thiên-kiến từ lâu đời. Do đó người ta đã vô tình độc ác, tàn nhẫn với bệnh nhân. Độc ác vì người lành mạnh đã loại bỏ người mang bệnh ra khỏi xã-hội tàn nhẫn vì đã coi sự loại-bỏ đó như một điều tự-nhiên.

Tất cả những thứ bệnh khác dù hay lây hoặc nguy hiểm thế nào đi nữa, thì người ta chỉ tạm thời đề cho bệnh nhân xa lánh người khác, nhưng không có ý bỏ rơi, gạt họ như đối với bệnh cùi. Cho nên người chẳng may mắc phải bệnh cùi đã đau khổ nhiều về thân xác, lại càng cực tâm-hồn về tinh-thần.

Đau khổ vì bị bỏ rơi, bạc đãi, vì trở thành cô độc và tuyệt vọng. Người cùi như tội phạm bị kết án tù chung-thân và bị đẩy-ải ngay giữa xã-hội, ngó nhìn

cuộc đời của những người đồng-loại lành mạnh đi qua trước mặt mà không còn mong một ngày kia được nhận lại vào đoàn-thể xã-hội, để được làm người như mọi người. Đó là nỗi niềm đau đớn chưa xót hơn cả.

Chính vì người phong cùi bị xã-hội coi như một phạm-nhân và được đối xử như đối với phạm nhân nên khi một người thấy trong mình phát-hiện những triệu-chứng của thứ bệnh nan-y, nạn nhân xấu số coi những triệu-chứng đó như bản án kết tội mình, và sắp sửa đẩy mình vào con đường tù đầy tuyệt vọng. Người mang bệnh bị đẩy ải hay tự đẩy ải khi không muốn làm phiền cho gia-đình, bạn-bè, thân-thuộc. Sống như chết, hay đúng hơn là sống một cái chết được triển hạn.

Sống mà không còn được dự-định, ước muốn, thì sống cũng như chết.

Cho nên khi một thanh-niên mới lớn lên như Hàn-Mặc-Tử, mắc phải bệnh phong-hủi phải xa cách gia-đình tuyệt-giao với bạn-bè, xã hội, đến ở riêng một vùng hẻo lánh với những người đồng bệnh, không còn mũi, mặt môi sần sì, phồng lên lõm xuống, có những ngón tay co quắp, cụt đốt hay hai chân không còn bàn, chờ đợi một ngày kia rất gần, thân thể mình cũng sẽ bị tàn phá như vậy, để rồi sau cùng trở thành một quái vật ghê-tởm, làm sao người thanh-niên đó không buồn khổ phát điên lên được vì không còn được sống, hưởng-thụ cuộc đời, một cuộc đời vừa bước chân vào...

Nhưng bệnh cùi không chấm dứt nhanh chóng sự sống và thường kéo dài

(1) Les aveugles et la société. P.U.F. 1958

khá lâu cái chết được triền-hạ. Do đó sau những cơn đau đớn thân thể và khủng-khoảng tinh-thần, người bệnh tìm lối thoát, hay những bồ-khuyết cho cuộc đời thiếu-xót thiệt-thòi của mình bằng mộng-mị ảo-giác...

Ảo-giác là lấy cái tưởng tượng làm thật. Người mang bệnh mộng ước và tưởng-tượng được sống một cuộc đời trong sáng, êm-đềm, thoát khỏi cảnh đầy ải, dằn vặt của tật-bệnh, thân-xác.

Trong thơ Hàn-Mặc-Tử, thấy rõ ý muốn thoát-xác của nhà thơ cùi, đề cho hồn bay bổng và phiêu-dạt trên từng trời cao ngất :

đêm nay ta khạc hồn ra khỏi miệng

để cho hồn đỡ bớt nỗi bi thương...

hoặc

nhớ khi xưa, ta là chim phượng-hoàng

Vỗ cánh bay chín từng trời cao ngất

Bay từ Đào Ly đến thời Đâu Xuất.

Và lùa theo không biết mấy là hương.

Cái thế giới đề hồn lạc vào, làm lắng dịu những đau thương, phải là thế giới êm đềm, thanh tịnh, không sáng quá cũng không tối quá : thế giới huyền ảo, hạnh phúc thần tiên đó chỉ có thể là thế giới của đêm trắng. Trắng là một ám ảnh trội bật của nhiều nhà thơ và đặc biệt của Hàn Mặc Tử.

Ánh trắng xóa mờ thực tại của ban ngày, làm cho cái thực trở thành giả-thực và cái giả-thực tưởng tượng trở thành cái thực. Do đó, đêm trắng là môi trường lý tưởng của chiêm bao, ảo giác.

Hàn-Mặc-Tử mơ tưởng cùng chị đi "chơi giữa mùa trăng", chìm đắm

trong ánh trăng, đồng hóa với trăng : « Ở chỗ nào cũng có trăng, « có ánh sáng cả, tưởng chừng như bầu thế giới chờ chúng tôi đây đang « ngập trong lục trắng và đang trôi nổi bình bồng đến một địa cầu nào khác... » Tôi nắm tay chị tôi dật lia lịa và hỏi một câu hỏi tức « cười làm sao : « Có phải chị không hở chị ». Tôi run run khi tôi có cái ý nghĩ : Chị tôi là một nàng Ngọc nữ, một hồn ma, hay một yêu tinh. Nhưng tôi lại phì cười và vội reo lên : « A ha, chị Lễ ơi, chị là trăng, mà em đây cũng là trăng nữa ! ». Ngó lại, « chị tôi và tôi, thì quả nhiên là trăng thiệt ».

oOo

Cánh tay ma.

Người có thân thể tàng tật, không những tìm sự bù đắp bằng mơ mộng ảo giác, mà còn không muốn chấp nhận hẳn một cách dứt khoát sự tàng tật của mình : coi cơ quan đã mất như vẫn còn và cư xử theo sự tin tưởng nguy tín đó. Cho nên người tàng tật thường có những thái độ ảo thuật.

Khi tôi còn cánh tay, tôi vẫn dùng để cầm, nắm, bắt, lấy. Cầm là dơ tay ra, nắm lấy và đưa về mình. Tôi cầm lấy cái bút, vì cái bút có thể cầm. Ý tưởng có thể cầm, sở dĩ có được, vì tôi thực sự có khả năng cầm bằng bàn tay. Nhờ cánh tay, mà sự vật mới xuất hiện như là một vật có thể sờ, cầm được. Do đó, giả sử nếu thân xác không có tay, chắc chắn không bao giờ tôi có ý tưởng về có thể cầm. Khi tay tôi bị cụt, tuy tôi vẫn còn ý tưởng về có thể cầm, nhưng tôi không thể thực hiện ý tưởng đó được nữa.

Dẫu vậy, khi tôi trông thấy cái bút, sự vật vẫn như mời gọi tôi cầm lấy nó.

Nhưng lúc tôi định cầm, thì lại không thể được vì không còn cánh tay. Do đó đặc tính của sự vật như là có thể cầm chỉ còn là một ý-tưởng thuần túy; tôi có thể suy nghĩ về đặc tính đó, nhưng không thể sống thực và cụ-thể-hóa nó bằng hành-động. Cũng như người chơi đàn giỏi bị cụt tay vì chiếc 1-tranh. Phím đàn có đặc-tính là rung lên. Đặc-tính đó vẫn còn trong trí-óc người chơi đàn. Nhưng thực ra anh ta không thể sống nó được, vì sự rung lên của phím đàn bây giờ chỉ còn là một ý-tưởng suông. Anh ta chỉ biết nó như biết một ý-tưởng thôi và anh ta đau khổ, tức tối vì sự cụt què đó.

Sự bức tức, đau khổ bày tỏ con người vẫn luôn luôn hướng về những hoạt động xưa kia của cánh tay và người cụt tay vẫn không chịu nhìn nhận sự khác biệt giữa thân xác *thói quen* và thân xác *bây giờ* của mình.

Do đó, cánh tay không chịu trở thành di-vãng, vì ta không bao giờ muốn công nhận dứt khoát mình là người cụt tay, nghĩa là Chẳng hạn không còn thấy cái bút như một đồ-vật có thể cầm lấy, em nhỏ ngã ra như một người có thể nâng dậy, giắt về, người yêu như một thân-xác có thể vuốt ve, ôm ấp.

Nhưng, dù bây giờ tay tôi đã cụt, cái bút, em nhỏ, người yêu vẫn xuất hiện với tôi như lời mời, tiếng gọi, đam mê và tôi vẫn muốn ra tay, hoạt động để có mặt ở đời, đảm nhiệm cuộc đời...

Không thể được mà vẫn tưởng như được, coi quá-khứ như không phải là đã qua mà vẫn như hiện-tại; đó là thái độ của người cụt tay mà vẫn cho mình còn tay, một cánh tay đã mất như vẫn còn, cánh tay ma.

« Có cánh tay ma, là vẫn đón chào tất cả những hành-động mà chỉ cánh tay mới đảm-nhận được và tức cũng là

« giữ nguyên-vẹn phạm-vi hoạt-động mà ta vẫn có trước khi bị cụt tay. Thân xác là xe chở ta vào cuộc đời, và đối với một sinh vật, thì có thân xác tức là tiến tới, phối-hợp với một môi-trường nhất-định đồng-hóa với một số những dự-định và luôn luôn dẫn-thân vào những dự-định đó »...

« Cánh tay ma giống như một kinh nghiệm bị ảm ức; đó « là một hiện tại đã xưa cũ rồi mà vẫn chưa chịu lui về dĩ vãng » (1)

Người thương phế binh, cụt chân cụt tay, nằm « cụt thù lù » trên giường, cay đắng, buồn tủi về cuộc đời bây giờ, trở thành vô dụng cho xã hội, cho chính mình nhưng vẫn bám víu lấy sự sống, dù chỉ là một sự sống ngắc ngoải, nửa sống nửa chết, như thể một thứ bản năng, phải chăng vì đã không muốn dứt khoát coi dĩ vãng là dĩ vãng, vì sống một hiện tại là quá khứ, bằng mơ ước, hoài niệm như những người quý phái, hoàng tộc, triệu phú, tuy *bây giờ* đã phá sản, sạt nghiệp nhưng vẫn giữ những thái độ, tác phong quý phái, hoàng tộc, triệu phú xưa kia như thể thời vàng son, quyền thế vẫn chưa phải là dĩ vãng...

Thái độ ảo thuật, ảo tưởng, ảo giác đối với người lành mạnh ! Nhưng điều đó có gì là quan trọng nếu ảo tưởng, ảo giác có ý nghĩa cho một cuộc đời thiếu hụt, tâng tật vẫn còn đáng sống. Tâng tật phải chăng đã đáng tuyệt vọng khi ngay cả những cuộc đời đầy đủ, những thân xác nguyên vẹn chắc gì đã không phải là những ảo tượng, ảo vọng lớn hơn nữa ?

NGUYỄN VĂN-TRUNG

Trích trong tập « *Ca tụng thân xác* », sẽ xuất bản

Kỳ tới : Mất.

(1) Merleau-Ponty-Phénoménologie de la perception-Trg. 97 và 101.

NHỮNG NGÀY CHƯA QUÊN

(Xin xem Bách Khoa từ số 228)

ĐOÀN THÊM

TÀN CỤ và HỒI CỤ

Tối 19 tháng 12 vào khoảng 20 giờ, súng đã nổ tại Hà-Nội, mở đầu cuộc giao tranh mà mọi người vẫn lo ngại.

Theo chánh-quyền, phải chuẩn bị đề kháng chiến trường-kỳ, năm năm hay mười năm.

Nhưng phần đông dân-chúng lại hy vọng rằng sẽ có điều-định sau vài hôm hay một hai tuần thử thách.

Từ tháng tư, đã chẳng xảy ra mấy lần xung đột là gì? rồi lại hòa. B n này, hai bên Pháp Việt đều gắng hơn, nhưng chắc cũng chỉ làm giả đề dọa nhau và đòi thu xếp ổn-thỏa...

Chúng có, là các cơ-quan đầu não có lánh xa đâu? Văn phòng Nội-Vụ và Hoàng Hữu Nam còn đóng trong tòa Sứ cũ Hà-Đông, các Bộ khác cũng rải rác ở các vùng Thanh-Oai, Thanh-Trì, Vân-đình... cách Hà-Nội chừng 20 hoặc 30 cây số. Lại có tin Bộ-Trưởng Hải-ngoại Moutet qua đây, hẳn là để nói chuyện với già Hồ.

Cho nên bà con vẫn có vẻ yên vui. Suốt dọc sông Nhụê. từ tỉnh-ly Cầu Đơ đến Tó, Hữu, Cự Đà, Khúc-thủy, dân thành-phố về tạm trú rất đông, ngày ngày lũ lượt rong chơi hai bên bờ, chờ thuyền chờ xe qua lại đề hỏi tin-tức hay đón mua tờ báo duy-nhất là tờ Cứu-Quốc. Và gạo, rau, thịt, cá được dịp lên giá, đắt hơn tôm tươi. Giấy bạc Cự mới in, tung ra khá nhiều.

Nhưng đến gần tết Đinh-Hợi, nhiều người đã lo lắng, bộ-đội và tự-vệ đã rút hết, Pháp làm chủ Hà-Nội và tỏa ra các làng phụ-cận, Chánh-phủ đã lùi xa hơn, về phía Trúc-Sơn, chùa Trầm, Sơn-Tây, Phú-Thọ... Lệnh rời khỏi Hà-Đông 30 cây số được truyền đi và nhắc lại gắt gao. Càng ngày càng nhiều tin dữ-dội: thanh-niên ở lại thủ-đô bị Pháp sát hại hàng trăm và

đem chôn vùi bên cạnh Tòa án. Ô. Đốc-học NQO, mấy con trai ông giáo D, bác-sĩ NVL. cùng gia-đình, đều bị lính Pháp vô-cố bắn chết. Moutet đã bay về Ba-Lê, sau khi đồ lỗi gây hấn cho V.M. và ra lệnh đánh dẹp.

Một số người cho là tình-thế đã ngã ngũ, Pháp thắng thì Hà-Nội yên, ai không chiến đấu có thể trở lại làm ăn. Nên họ nhất định không đi xa, bị giục rời khỏi làng này, thì họ lảng sang làng bên cạnh, và lần tới sát ngoại-ô, Quang, Lũ, Chèm Vẽ, Nghi-Tàm, Gia-Lâm... rồi chờ lúc thuận tiện, họ liều kéo vào thành-phố.

Một số khác tin rằng chiến-cuộc còn dài, vì bộ-đội chưa bị đánh thua và chỉ lùi để sửa soạn phản công, dù sao Hà-Nội cũng bị bao vây, Pháp ăn chưa chắc đủ thì còn làm nổi việc gì? Nên họ đi xa hăn, cách thủ-đô hàng sáu bảy chục hay vài trăm cây số, để còn tính chuyện sinh-nhai: họ lên Phú-Thọ, Bắc-Giang, xuống Thái-Bình, vào Thanh-Hóa. Nhiều người về ở trại hay đồn-diền của mình hay của bạn hữu.

Còn đa-số, tuy cũng lánh xa các thành thị, vẫn ở trong tình-trạng đợi chờ và trong khi chờ đợi, phải tìm sinh-kế. Công chức đành để gia-đình ở một làng nào đó, rồi bắt liên lạc với cơ-quan cũ, làm việc lấy lương. Tư nhân thì quanh quẩn ở vài thị-trấn nhỏ, gần những chợ quen thuộc : nhiều người đem bán đồ lấy tiền ăn, những đồ vật đã dùng nhưng không còn hợp cảnh : âu-phục, áo màu của phụ-nữ, bộ đồ trà, chiếc điều cò, máy khâu, bàn ủi v.v. Người khá-giả ở các địa-phương được dịp mua sắm rẻ, và xem chừng cũng háo hức vì hãnh-diện giành lại cho xóm làng những tiện-nghỉ vật-dụng của thành-thị : một cựu chánh - tổng ở Hải-Hậu mua cả bộ ghế gỗ lúp của người tản-cư ; có ông trương-tuần vùng đồng chiêm Phú-Xuyên mua bức trướng vóc thêu của một ông Nghè mừng một ông An lên thượng-thọ...

Nhờ sự mậu-dịch này, nhiều chợ thôn quê thành ra đông đúc tấp nập gấp bội ; chợ Tía, chợ Bằng, chợ Ninh-Cường...Chợ trời nhóm họp ở nhiều bến thuyền hay ngã ba, Đồng Quan, Cống Thần, Hồng Phú, Cầu Yên, v.v. Từng dãy lều mái gianh cột tre được dựng lên san sát. Ngoài các đồ cũ, đôi khi còn một ít thuốc Tây, sữa hộp, cây viết máy là những hàng buôn lậu từ các thành-phố bị chiếm đóng. Cả những món ăn của phố-phường cũng được dân tản cư đem về : phở sào, chả cá, cà-phê, bún thang... Vì lập quán ăn là cách dễ kiếm tiền, khi đầu bếp lại chính là nhiều bà nhiều cô trước kia thuộc hạng giàu có và khéo tay nấu nướng.

Nhiều giới quen nhàn hạ còn phải tự túc một cách khó nhọc hơn. Tiểu-thư nữ-sinh bây giờ cũng chịu bồ củi, hay giặt lấy áo quần ở cầu ao. Cựu tham-tá bận quần thâm, lúi húi rửa bát sau bữa cơm rau. Cụ Tuần H. che nón khuất mặt, khắp khềnh đôi guốc mộc, vác chai đi mua dầu lạc thắp đèn. Một ông chủ hàng xe hơi, mỗi chiều dắt đàn con ra sông tắm, có khi còn gánh cả nước về nhà trọ cho phu-nhân. Những người đó, nay mới trải mùi mưa nặng, có dịp lội bùn ngộ hẹp, cuốc bộ hàng chục cây số, uống nước mưa đầy bộ-gậy, ngủ giường tre bên

vách nát, bước chân đến vùng này vùng khác mà họ đã chỉ nghe nói hoặc thấy tên trên bản-đồ.

Dù sao, trong mấy tháng đầu, đời sống của người tản-cư chưa đến nỗi quá vất-vả. Đa-số phải nhận rằng đồng bào chất-phác ở xóm làng, giữa buổi khó-khăn, thường sẵn lòng giúp đỡ kẻ chạy loạn: nhường cho ở nhà trên cao ráo, dọn xuống nhà ngang gần chuồng trâu; nấu cơm hộ, khi thấy người trọ không dóm nồi bếp rơm... Nhiều chủ, khi được khách cảm tạ và cáo từ, thường nói câu tương tự: Có dịp này mới được quen biết các ông các bà, chúng tôi chỉ mong yên hàn đề tới thăm tại nhà cho vui vẻ hơn, giá thử nơi khác không tiện, xin cứ trở lại đây nếu không nề hà chật hẹp...

Thằng-hoặc có những trường-hợp lục đục, thì thường do sự thiếu ý-tử của người tản cư. Đến ở nhờ, mà dài chiều quay móng ngủ trước bàn thờ gia-tiên người ta; — hai vợ chồng trẻ, sao đòi nằm chung một giường khi nhà chẳng có phòng riêng cho mượn! Không biết là sai cho chủ, còn phản nản đề sinh chuyện; — quen thói khinh rẻ, quên rằng thời-thế đã đổi, cứ gọi con chủ là mày, sao khỏi chạm lòng tự ái của nông dân? Giữa nhà người Công-giáo, mà vẫn bày đèn hương cúng giỗ, chắc chắn là gây thắc mắc hoặc phản-ứng không vui; — mỗi khi thấy con gái lớn của cụ Phó-tổng, mà cứ lăm lét nhìn, thì không bị cái huấn là may, còn đòi ở lâu sao được?

Tuy-nhiên, sự va chạm chỉ làm cho khó chịu, chứ không gây xung-đột đáng tiếc. Nỗi khổ-tâm của người tản-cư, thực ra là những sự đe dọa của một cuộc đời phiêu-bạt: mức sống mỗi ngày một suy sụp, lánh đâu rồi cũng chẳng yên lành. Pháp cắt quân ra khỏi các thành phố, càn quét các xã thôn, mở rộng vùng chiếm đóng. Cứ chạy, thì đến bao giờ? Ở lì nơi tạm trú, chẳng may sẽ bị bom, bị đốt phá, bắn giết, hãm hiếp, như nhiều người kể lại. Lính Pháp sát hại cả ở những trường-hợp không cần thiết cho họ, hoạt gieo rắc những tai họa không ngờ. Họ tới lục soát một làng huyện Giao-Thủy tỉnh Nam-Định, một ông già thấy họ đề yên, cảm ơn chấp tay giờ lên vái tạ: một lính trẻ tuổi nổ súng hạ liền, chắc vì tưởng là một cử-chỉ nhạo báng? Gần Văn-Định, một thanh-niên bị họ bắt đi theo khiêng đạn về đồn, vài hôm sau mới được thả về, nhưng liền bị Công-An giữ đề điều tra: phải chăng đương-sự đã hàng địch và trở lại do thám?

Nhưng cũng có nhiều tin khác hẳn, mà các cán-bộ bảo là do Việt gian tung ra. Ông X và cả nhà đương ở Phụng-Dực, Pháp tràn tới, thấy người «tử-tế», đem lên cam-nhông chờ về Hà-Nội, lại cho cả đồ hộp và thuốc lá thơm. Ông Y. liền đưa vợ con lên dần tới tỉnh-lỵ Hà-Đông, rồi vào thủ-đô; bây giờ thầu được nhiều vụ lớn, phát tài lắm, vừa tậu xe hơi. Ông N. cũng như nhiều công-chức cũ, «rinh tề» (rentrer) từ ba tháng nay, được phủ Cao-Ủy thuê dụng, trả gấp ba lương 1946, và còn cho truy lãnh từ 9-3-1945...

Cảnh sống khó-khăn và những chuyện như trên, đã khiến nhiều người trốn vào thành-phố. Mới đầu, Công-An còn đón đường đuổi về hoặc bắt giam nhưng đến giữa 1947, họ làm nơ cho đi, nên số người lìa bỏ hậu phương càng ngày càng nhiều, trước độ dăm bảy gia-đình, sau đến hàng trăm mỗi tháng. Chánh-quyền V.M biết rằng khó lòng ngăn cản những con người dăm liều vì sợ đói khổ; thà nên lợi dụng dịp này mà cho cán-bộ trà trộn với thường-dân để vào hoạt động trong khu-vực địch; hơn nữa thương-mại phải tiếp tục ở các thành thị, thì mới sẵn nơi mua những ngoại hóa cần thiết cho công cuộc kháng chiến. Mãi tới đầu 1948, khi số người về đã khá đông, Công An (hoặc CẢ, theo tiếng lóng) mới lại chặn bắt, nhưng cũng không xuề.

Những người hồi cư vì sao đã thoát ?

Họ làm quen với một vài người buôn lậu : hạng này thông thuộc các đường ngang lối khuất, lắm khi lại chơi thân với cả nhân viên kiểm soát vì thường giúp đỡ trong việc liên lạc với các ban công tác nội thành. Nhiều người muốn hồi cư, biểu tiền và nhờ dẫn đi, qua đồng vắng hoặc trên những ngả nào không bị canh gác, có thể được coi là thoát, khi đã tới gần một đồn binh Pháp hay một làng Tề. Lính Pháp được lệnh chiêu hồi, làng Tề là xã thuộc vùng chiếm đóng đã có một thứ hội đồng quản trị tạm thời gọi là Hội Tề. Đến các nơi này, mọi người chỉ việc khai lý lịch, rồi được vào thành phố, trừ vài trường hợp khả nghi : thỉnh thoảng có thanh niên bị giữ và xét hỏi về quá-trình.

Song một số khá đông không hồi cư được dễ dàng như vậy : phú gia, thân hào cũ, công chức cao cấp, quan lại, nhân vật đối lập v.v. Họ phải lẩn tránh các Ủy Ban Kháng Chiến địa phương, hoặc về trú ẩn ở vùng Công giáo miền duyên hải, nhất là Phát Diệm. Tại đây, Đức Cha Lê Hữu Từ tỏ rõ thái độ cương quyết đối với chánh quyền, đòi lập khu tự trị để che chở Giáo dân, với tổ chức tự vệ võ trang và những địa điểm an toàn bất khả xâm phạm. Hàng ngàn người muốn xa V.M, tới đó quần tụ. Phát Diệm trở nên một thị trấn sầm uất. Chợ rất đông và vui một ít hàng hóa được thuyền bè đưa từ Hải Phòng về. Dân tản cư sống tự do, áo xanh áo đỏ của phụ nữ vẫn phát phối như trong thời thái bình.

Những người trốn tránh và chờ dịp hồi cư thường theo một trong ba đường chính : đi dò dọc hơn trăm cây số lên Đồng quan, bắt liên lạc với kẻ hướng dẫn ; hoặc dùng thuyền qua những cánh đồng ngập nước mưa, lên Nam Định, rồi từ đó nhờ tàu chiến Pháp chở ra Hải Phòng ; hay từ cửa sông Phát Diệm, mượn mảnh cửa lái buôn đồ sành Trà Cồ Mống-Cáy, đợi gió Tây Nam đưa về Đồ Sơn...

Nếu chẳng may bị chặn hỏi ở các trạm kiểm soát, thì họ đưa trình chứng minh thư mang tên kẻ khác, mượn của người thân hay mua của ai cùng trạc tuổi, vì giấy không cần ảnh và cũng chẳng có vết lấn tay. Cựu đốc học thành người buôn nón làng Chuông ; ông thầy khoán sinh tại Hải Dương, nhận tên họ một thầy lang thuốc bắc quê ở Kim Sơn và vừa chết ở đó : Công An trạm Cổng Thần có biết đâu mà chia buồn ?

— Tội gì phải xoay sở đến thế? Về với Tây, đẹp đẽ gì? Nấn ná được ngày nào, cố chịu ngày ấy, còn hơn là về cho Mật-thám bắt giam và tra tấn như trường-hợp anh sinh-viên C. trường Thuốc, và ông B. giáo-viên Kỹ-nghệ Thực-hành. Hai người vào Hà-Nội được vài hôm, bị kêu ra Liêm-phóng điều tra, vì đã từng ở chiến-khu Việt Bắc ngót một năm nay, và bị tố giác là trước kia có chuyện xích-mích với một số Pháp-kiểu; nghe đâu có đánh một cựu công-chức dưới thời Nhật-thuộc. Những người ở khu đảng sau sở Liêm-phóng thường nghe tiếng kêu la thảm-thiết: chắc hẳn là của những ai bị đánh đập...

Theo ông T.V.T., thì người trong họ ông hiện ở Hà-Nội, đã nhắn ra cho biết như trên. Nhưng bà T. và lệnh-ái không chịu tin: cũng phải có cơ gì, ít nhất là bị kẻ thù vu oan bới lỗi thì Pháp mới bắt, chớ như gia-đình ông, thì tội tình chi? Sống gần Pháp bao nhiêu năm, có quen biết hay đụng chạm Pháp bao giờ? Buồn bán, thì chẳng sợ gì hết. Cứ vào !....

Chẳng biết tính sao, ông T.V.T. đem chuyện vợ con muốn về, bàn với vài bạn mới quen từ dạo tản cư. Đa-số đều thì thầm rằng có dịp thì về, mỗi người vì một lẽ riêng: bà V, nữ giáo-sư, kêu có chứng đau dạ con, phải có thuốc dùng hàng tháng; — ông S.T. quyết trả thù tên hàng xóm: hẳn ở lại Hà-Nội để hôi của, sang nhà ông phá cửa, «thò phỉ» và đem bán hai chục chiếc xe kéo, tủ trà, sập gụ, và cả chiếc khám thờ tổ ông; Ông N.Đ.T. lo cho lũ con trai tiếp tục học hành yên ổn, chúng ở mãi ngoài này, sẽ thành lêu-lồng mất; — ông T.V.M, 48 tuổi, 72 cân nặng, bụng khá quan-trọng, đã từ lâu chán ngán đèn dầu khét mòm, nước ao nước sông đục ngầu; ông nhớ đèn điện, quạt điện, nước máy, nước đá, trà tàu, thuốc Lào chợ Đồng-Xuân, bánh đậu Hàng Bạc, tẩm-xẩm Đông-Hưng-Viên; ông tả bằng miệng, nghe cũng thấy ngon và khiến thính-giả chia xẻ nỗi thiếu-thốn của ông.

Ông T. V. T. xét ý-nguyện của những người quanh mình, cũng xiêu lòng muốn ngả theo, song vẫn dửng-dăng chưa quyết, vì lại được một người khác cực-lực can ngăn: ông N.T.N. một cựu nhân-viên Quan-Thuế có ba ngôi nhà cho thuê ở Hongay và Hạ-Lý.

— Về bây giờ là mắc tiếng Việt-gian thân Pháp, tuy rằng của-cải đáng tiếc, và mỗi người có nhu-cầu riêng. Tôi cũng sốt ruột lắm. Mà tôi có bà-con trong Hội-Đồng Ân-Dân, lại quen nhiều nhân viên cao-cấp Pháp, chẳng sợ gì cả. Nhưng không lẽ muối mặt cúi đầu làm tôi tớ Thực-Dân mãi? Thời thế đã khác, mình cũng phải giác-ngộ. Nếu không góp phần hy-sinh kháng-chiến, ít ra cũng phải ủng hộ kháng-chiến và tránh những hành-động có thể coi như phản-bội. Chính-nghĩa về phía mình, mình sẽ thắng. Định sẽ thua vì kiệt-quệ. Rồi ta sẽ về cùng Chánh-Phủ, có đẹp đẽ hơn không? Mình thiếu ăn thiếu mặc, nhưng bộ-đội còn cam chịu muôn vàn sự cơ-cực. Nói ra thêm thẹn...

Những lời đó được ông T.V.T kể lại cho vợ con ; ông còn tấm-tắc khen ông N V N có tinh thần cao, Bà T trả lời với giọng đay nghiến : Chẳng thế, mà mấy ngôi nhà cho thuê, tuy lương chỉ ngót hai trăm bạc !

Ông T.V.T gạt đi, và kêu vợ không nên có ác-ý đối với người ta.

Cách đó một tuần, bà T. đi đâu về, hớt-hải gọi chồng và ghé tai bỏ nhỏ :

— Ông bạn quý của ông tinh-thần cao thật ! Chủ nhà vừa cho biết : cả gia-đình ông ấy «Rinh-tê» từ ba hôm nay rồi !

Ông TVT còn ngờ ngẩn chưa tin, thì bà cười lạt nói tiếp :

— Chắc họ ngại lộ chuyện, nên nói cứng để che đậy. Khốn khổ, mình có là Cá đàu ? Thôi, tôi sốt ruột quá rồi, ông làm sao thì thì làm, mẹ con tôi không thể sống mãi như thế này đâu.

Một buổi sáng, cuối tháng chạp Đinh-Hợi, ông TVT., vợ và con gái dập dìu sắm Tết ở Hàng Đường Hà-Nội.

oOo

Bến Chi-Nê, tiếng kèn chiều giục giã bên đồn, nghe sao buồn thế ! Trận mưa đầu mùa gần Nho-Quan, «mưa rửa rừng» ào ào sầm sập giữa giờ trưa tối đen, hai người cách nhau một thước không rõ tiếng và mặt nhau. Vụ Bản, trại An-trí và thung-lũng quanh hieu đầy muối độc. Dốc Qui-Hậu, bùn trơn tuột, cheo leo ngang đỉnh núi Ba Vì. Hòa-Bình u uất như Tuyên-Quang, tỉnh-ly ngủ giấc nặng-nề hai bên sông, ngày bức, đêm lạnh giá. Các rặng tre Bình-Lục và ngọn đồi An-Lão, dựng đảo giữa cánh đồng chiêm ngập nước mênh-mông như biển. .

Sông Chảy dồn nước sông Gầm, xoáy vục dưới vách đá : nghe đồn ai tắm đó thì lông chân rụng hết. Sông Thao bát ngát như trời quang Phú-Ninh, Lập-Thạch. Sông Đáy phơi lòng cát mịn, bãi vải Mỹ-Đức xanh rờn, nước hay bóng mát hơn ? Ngả Lục bộ, gió thổi lộng, đúng là gào, ông lái buồm chèo, đốt vàng khấn thần sông. Sông Xanh sông Đỏ hai dòng, sương Kẽm Trống, trăng Gián-Khuất, dò dục đầy khách mọi phương, và đêm dài như sông trôi qua bao nhiêu câu chuyện được thua...

Bụi tre bốc cháy bên làng Cấn: Tây kéo về xua tan chợ Phủ Quốc. Máy bay bồ nhào bắn phá Hồng-Phú, có người sang ngang hoảng vía nhảy tòm xuống sông. Vừa chập tối, đại-bác từ đồn xa nhả đạn câu về đồng Sớm, chết mấy con trâu. Pháp đem thủy lục không-quân đánh thốc lên Việt Trì, Phủ Đoan, Yên-Báy: mấy ngày đêm, nhiều già trẻ chạy bạt vào rừng. có tin Tây sắp về Xuân-Trường Giao-Thủy: phải dọn xuống các trại lẻ giữa đồng quanh quẽ, không ai được lẩn quất trong làng, nhất là dân tản-cư.

Đi hay chạy, từ biển lên rừng, từ núi xuống đồng bằng, toàn những bờ ruộng hay ven đê bùn lầy, những cầu khỉ bắt bằng thân cây cau, phần vịn tay là giống tre, mới dựng đến đã rung như xô té: những lạch sâu

ngập con sào; những đường cái bị đào, có quãng dài hơn bốn thước, bên trên đặt hai thanh sắt béc ở thiết-lộ: hãy ngồi xuống mà lê qua. Thuyền thì ẩm ướt, ban ngày trôi giữ hai mặt trời, một soi nhức đầu, một từ đáy nước rọi lên lòa mắt. Phương-tiện di chuyển đỡ phiền hơn cả, là hai chân đi đất hay mang guốc gỗ, giày hay dép cao-xu nhiều khi vô-dụng, vì hay phải leo trèo. Cái gậy thành bạn đường đáng quý, để chống đỡ mọi, xua chó cắn càn, hoặc móc hành-trang trên vai; làm chi còn va-li nữa, chỉ còn túi vải hay bị cỏi: ở trường-hợp này, thật là song-toàn, vì cả bị lẫn gậy, và kẻ lang thang nếu chẳng hóa ra Lý thiết Quài, cũng được bình đẳng với bà con hành-khất.

Thực ra, hai bên có khác gì nhau mấy? vì cùng bị khánh tận và vô - gia - cư, hoặc vô - nghệ - nghiệp. Sau một năm trời tản cư, quần áo nhuộm thâm nhuộm nâu của nhiều người, đã rách và phải vá vài bạ mụn: đồ tốt lành đã bán sạch rồi. Nhà cửa bị bỏ hoang, chiếm cứ, hoặc đốt phá. Một buổi chiều mùa đông, bên cầu Đơ vắng vẻ, nhà nhiếp ảnh V.A.N đứng dựa vào chiếc xe đạp cũ, nhìn đám khói loang mây. Có phải thấy mây thì nhớ nhà như Hàn-Dũ: *vân hoành đầu lĩnh gia hà tại?* Anh chỉ vào ngôi vụn và lũ người đương kỳ cạch phá nốt những mảng tường còn đứng, rồi lau nước mắt và nghẹn ngào: Hết, thế là hết cả, mỗi viên gạch rớt như đập vào xương tôi? Phải nghe câu đó, bên bờ ruộng, lúc gả lên chuồng mới thấm nỗi bi-đát của một cảnh điêu tàn... Đối với những người như anh, dù thấy cơ-nghiep bị tan tành trong súng đạn của quân thù, chắc cũng chưa đau-đớn bằng nhìn những bàn tay của người mình hủy hoại.. Những nền móng đồ vỡ kia, là hình ảnh của một nếp sống bị xóa bỏ, của những con người bị xua đuổi, của những cuộc đời bị xô đẩy đến những chân trời mờ mịt...

Tình cảnh ấy, những thanh niên như Xuân không thể hiểu, và cũng không muốn hiểu: được dịp đánh giặc, thế là đủ và thú rồi. Xuân chưa có gì để tiếc, nhưng còn cả một cuộc đời trước mặt để tiếp đón, với cả một đất nước để vẫy vùng. Sà gì những ngôi nhà cũ rích, cho đồ quách đi, bao giờ có thể, sẽ xây lại đẹp hơn. Ngủ trên mui thuyền hay vông mắc vào cành cây, càng mát và giấc vẫn rất say. Bún riêu nóng ở Ngã Ba Thá, hay khoai mì Đạo Tú, ngon không chê được, cần gì sữa với thịt quay? Không được quanh quẩn trong những thành phố bụi mù, thì nhàn nhó: thật vô lý! Thử tắm bên bãi ngô sông Đà xem có khoái không? Lúc nào cũng viện cớ gia đình để trốn tránh: ai bảo lấy vợ và đẻ một đàn? Bị bắt nạt mãi, mà còn mong mỗi về cúi rạp: cần «nốc ao» cho giặc biết thân, hoặc lia đạn cho vài băng quét sạch... Ông già của Xuân cứ lâu bầu trách Xuân ngông cuồng, chẳng chịu sống « lương thiện » như người khác, chỉ mãi chuyện đánh đấm. Cụ còn nhờ cả các ông chú bà bác khuyên răn Xuân: họ lập mưu với nhau, định buộc Xuân vào cô bé nhà ông Ba Tú, để Xuân khỏi chạy theo anh em: cũng xinh đấy, nhưng mang rọ lúc này thì sao có thể? Không thể nào như mấy anh chị khác và cả những ông bà

gần 40 tuổi : tản cư mà các bà còn phễnh bụng chứa, « ôm thúng » chạy Tây, để cho lằm vào, rồi kêu nặng gánh, và đòi người khác thương !

oOo

Cuối 1947, sau một năm kháng chiến, tình hình chung chưa biến chuyển mạnh. Đại đa số dân, tức là đồng bào nông thôn, còn được yên ổn, vì chiến sự chưa lấy gì làm kịch liệt. Pháp mới thử tấn công lên núi rừng Việt Bắc, rồi lại rút ngay về các thành phố. Thỉnh thoảng họ tỏa ra các vùng phụ cận, sục sạo vài nơi, ít khi gặp chống cự, bắn phí một số đạn ra oai, sớm đi chiều về, chưa gây nhiều thiệt hại. Bởi thế, dân quê vẫn cày cấy như thường ; hoa màu tươi tốt, mùa màng không bị bão lụt ; vài ngành tiểu công nghệ lại có cơ phát đạt hơn trước, nhất là guốc, dép chiếu, vải... Chợ và các bến thuyền vẫn đông đúc. Suốt từ Đồng Quan đến miền duyên hải, trên hàng trăm cây số, làng xóm tỉnh mịch, đôi khi mới thấy tiếng máy bay kiểu cũ của Pháp, máy bay « bà già » phành phành lượn qua thám thính trong vài phút.

Giữa hoàn cảnh đó, các cán bộ chánh quyền ở mọi nơi vẫn tỏ vẻ hăng hái và tin tưởng, vận động tăng gia sản xuất và tham gia kháng chiến. Trong nhiều quán trọ dọc đường, từng đoàn thanh niên cười nói vui vẻ hơn khi ở Hà Nội, có lẽ vì được rộng chân bay nhảy tự do hơn. Mốt mới, là sơ mi nâu hay ca ki bốn túi, gài hai ba bốn cây viết, với bọc ba lô lù lù trên lưng, và có khi còn đeo thêm chiếc đàn banjo hay Tây-Ban-Cầm. Các đoàn văn nghệ tuyên truyền được giới trẻ ở nông thôn hoan nghênh, tuy không lay động nổi đồng bào tản cư.

Không hăng say, nhưng lặng lẽ chịu đựng vì chịu đựng đã quen, là phần đông công-chức. Được phân-tán theo các tổ chức địa-phương hoặc các cơ-quan di-tán, họ làm việc và lằm khi còn ăn ngủ tại những trụ-sở tạm-thời, đóng trong các đình, chùa, hay một ngôi nhà mượn của dân sở tại. Vợ con họ thì trú ngụ ở một xã nào được coi là an ninh, có khi cách vài chục cây số, thỉnh thoảng họ mới được về chăm nom chốc lát. Y-sĩ, kỹ-sư, chủ-sự, chủ-tịch thường lưu-động, thăm phán luân phiên đi xét xử ở nhiều nơi. Cao-cấp cũng quần áo cộc, đi năng lợi bùn, uống trà tươi, ăn xôi ở quán nước ; không ai còn vẻ trịnh-trọng như ở thời còn ngồi trong các Bộ, các tòa.

Sự hiện-diện của họ đền bù phần nào sự biệt bóng của chánh-phủ mà không mấy ai biết nơi ẩn náu : phải chăng vì thế mà nội-tình vẫn giữ được yên ? Có người lại cho là nhờ hệ-thống chánh-trị và công-an : nếu quả như vậy, [biết đâu không phải là một lỗi lầm ? Tuy sự nhùng-nhieu của nhà đương-cuộc ít thấy xảy ra, sự lo ngại bị dòm ngó và dò la cũng đủ gây một bầu không khí nghi-kỵ giữa những người vốn ghét Mật-thám từ thời Pháp thuộc. Nên hẳn có cảm-tưởng là bị theo dõi, thì tức khắc họ mất hết cảm-tình đối với bất-cứ chánh-quyền nào. Một công-an-viên đã nửa đùa nửa thiệt bảo một số cựu công-chức : các anh thì làm sao dứt được tình nghĩa với Pháp ? Đúng hay không, lời đó cũng chạm lòng tự-ái, gieo rắc rắc cho những người thấy bị ngờ vực, và khiến họ nghĩ cách phòng thân.

Tâm-trạng này cũng đưa tới ý định thoát ly của rất nhiều người tản cư. Đa-số trong giới này không chịu nổi sự thiếu thốn và cực nhọc; họ mong tình-thế sớm dứt khoát và thường nói với nhau : kháng chiến gì, mà mỗi khi nghe Pháp tới, là dân quân du-kích vội vàng rút lui ? dọa tổng phản-công mãi, mà bao lâu không thấy động tĩnh. Họ không tin những lời giải-thích như : phải bảo toàn chủ-lực, tiêu hao địch dần dần, trường-kỳ kháng chiến nhất định thắng lợi. Nhiều người còn hoảng vía vì gặp từng đoàn thiết-giáp của Pháp rầm-rộ qua làng xóm, hoặc những tràng đạn liên-thanh từ phi-cơ bắn xuống. Bởi vậy, họ liều vào hẳn khu-vực bị chiếm đóng, với hy vọng thoát cảnh chạy dài và trốn bỏ một chánh-quyền không bảo vệ được họ. Một cán bộ đã chê trách : họ cần được bảo vệ vì đã quen bị bảo-hộ. Song không lời phê bình nào hay luận-điều chính-trị nào có thể lay chuyển quan-điểm của những người vừa sót của, vừa uất ức vì thấy cuộc đời bị đảo lộn vô-ích,

Tóm lại, hy-vọng hòa-bình phải nhường chỗ cho ý-chí kháng chiến hoặc quyết định thoát ly. Tâm lý của một phần khá đông dân-chúng, — phần tương-đối tân tiến —, đương ngấm ngấm giao động và sẵn sàng đón nhận những sự thay đổi nào phù hợp với nhu-cầu kinh-tế của những giới bị phá-sản, và khát-vọng tự-do của những người muốn sống không sợ hãi.

Đ. T.

Kỳ tới : Nguyễn đi thì Nguyễn lại về.

Tăng cường sinh lực

bằng

CETONIC

VITAMINE C 250mg

1483 BYT - D.P.Đ.C.

TRONG ĐÔNG-NAM Á



**XIN MỜI QUÝ-VỊ
LUÔN
LUÔN
DU NGỌAN**



bằng
của
ĐƯỜNG BAY

Caravelle
PHẦN LỰC CƠ TRẠNG LỆ NHỨT THẾ-GIỚI

Hoasen VIỆT-NAM



- ★ NHANH CHÓNG · 800 CÂY SỐNGÀN MỘT GIỜ
- ★ ÊM-ÁI · MÁT-MÈ · ÁP LỰC ĐIỀU HÒA
- ★ TRANG-TRÍ TỎI-TÀN · ĐẦY-ĐỦ TIỆN-NGHI

Xin hỏi chi-tiết và lấy vé nơi các hãng du-lịch hay

VIỆT-NAM HÀNG-KHÔNG
116 NGUYỄN-HUYE SAIGON. 21.624-625-626

A
I
R
V
I
E
T
N
A
M

NGỌC - VÂN

Quasar, bí-ẩn của vũ-trụ

Các nhà thiên văn vẫn mang tiếng là mơ mộng không tưởng, quên chuyện trước mắt mà mơ chuyện xa vời, bỏ việc người mà đi lo việc trời. Nhìn sao, nhìn trăng mãi, chán mắt họ bỏ đi nhìn các thiên hà bốc cháy, các tinh vân mờ ảo. Rồi các thiên-hà, các tinh-vân cũng trở nên tầm thường, buồn tẻ, họ còn muốn hướng tầm mắt xa hơn nữa, trở về quá khứ lâu hơn nữa. Lần này tầm mắt họ, vành tai họ và cả tâm hồn, trí óc họ đang hướng về khoảng gần 100 điểm sáng lu mờ, đứng khấp nép trong một góc xa lắc xa lơ của vũ-trụ. Những điểm sáng đó nhỏ và mờ đến nỗi mắt thường không thể nhìn thấy. Và khi chụp ảnh qua ống kính viễn-vọng khổng lồ, đường kính gần 5 thước ở Palomar, các vì sao đó chỉ hiện lên như ánh đèn yếu ớt nhìn qua màn sương dày đặc.

Các nhà thiên-văn đã "tương tư" các vì sao đó từ hơn hai mươi năm và sau bao nhiêu công lao khó nhọc mới chụp được bức hình của vì sao tương đối gần nhất và ít lu mờ nhất.

Quasar quá xa

Có điều lạ là các vì sao đó tuy rất lu mờ nhưng lại phát ra những luồng sóng vô tuyến rất mạnh chính cái đặc-

tính này đã lôi cuốn được sự chú ý của các nhà thiên-văn. Và cũng chính cái đặc-tính đó đã khiến cho các vì sao này mang cái tên rất lạ là quasar. Sau khi làm quen được với quasar, các nhà thiên văn thấy rằng về phương diện quang học không thể liệt chúng vào hạng các vì sao, mà chỉ có thể coi chúng là những mảnh thiên-thể đang tàn lụi, nhưng dựa vào cường-độ luồng sóng vô tuyến chúng phát ra, thì các quasar lại phát ra những năng lượng lớn gấp trăm lần năng-lượng của một thiên-hà hàng trăm hàng triệu các vì sao. Gọi là thiên-hà thì kích thước lại quá nhỏ mà gọi là sao thì năng-lượng lại quá lớn, các nhà khoa-học bèn cho nó một cái tên dài lê thê là *quasi-stellar radio sources* (các nguồn sóng vô-tuyến tương-tự như các vì sao). Tên này được rút ngắn lại thành *quasar*. Phiên-âm sang tiếng Việt ta có thể gọi đó là các vì sao "quá xa". Cái tên nôm-na và không khoa-học chút nào hết nhưng đã diễn tả rất đúng một đặc điểm chung về vị-trí của các quasar so với trái đất và giải thiên-hà của ta. Các quasar ở xa ta đến nỗi quasar gần nhất cũng ở cách ta một quãng đường là một tỷ năm trăm triệu năm ánh sáng. Mỗi năm ánh sáng là một quãng đường dài

9.500.000 000.000 cây số. Ngôi sao gần nhất là mặt trời ở cách xa ta có 8 phút rưỡi ánh sáng. Thiên-hà xa nhất nhìn thấy được qua kính viễn-vọng Palomar ở cách xa ta 5.000 triệu năm ánh sáng.

Tai nghe mắt thấy

Định được vị trí của một thiên thể tương đối nhỏ như vậy và xa như vậy là do sự phối hợp chặt chẽ của hai ngành thiên-văn : ngành thiên văn quang học và ngành thiên văn vô-tuyến. Quan sát các vì sao bằng kính viễn-vọng là phương-pháp cổ-diễn các nhà thiên-văn đã dùng từ hơn 300 năm nay. Sau chiến tranh thứ hai, cùng với sự phát-minh của radar và các tiến bộ vượt bậc trong ngành điện-tử, ngành thiên-văn vô-tuyến phát sinh. Ngành thiên văn quang học dùng ống viễn-kính để nhìn các vì sao. Ống viễn-kính lớn nhất hiện nay ở Palomar. Thiên-văn vô-tuyến, dùng đài viễn-vọng vô-tuyến, trông giống như một cái chảo khổng lồ, hướng về các thiên-hà để bắt các luồng sóng vô tuyến phát ra từ các nơi này. Đài thiên-văn vô tuyến lớn nhất ở Bắc-bán-cầu hiện nay đặt tại Jodrell Bank (Anh), có đường kính rộng 84 m.

Với phương-pháp quan-sát và dụng-cụ làm việc khác nhau, khoa thiên-văn vô-tuyến và khoa thiên-văn quang-học đã hướng dẫn và bổ-túc cho nhau như tai và mắt. Trong giai-đoạn đầu, khi thiên văn vô-tuyến hãy còn phôi thai, các đài viễn-vọng vô-tuyến chỉ hướng về các thiên-thể và các thiên-hà đã được thiên-văn quang-học định vị trí, để tìm xem những thiên-thể hoặc thiên-hà nào phát ra sóng vô-tuyến. Ngược lại có những vì sao rất mờ, thiên-văn quang-

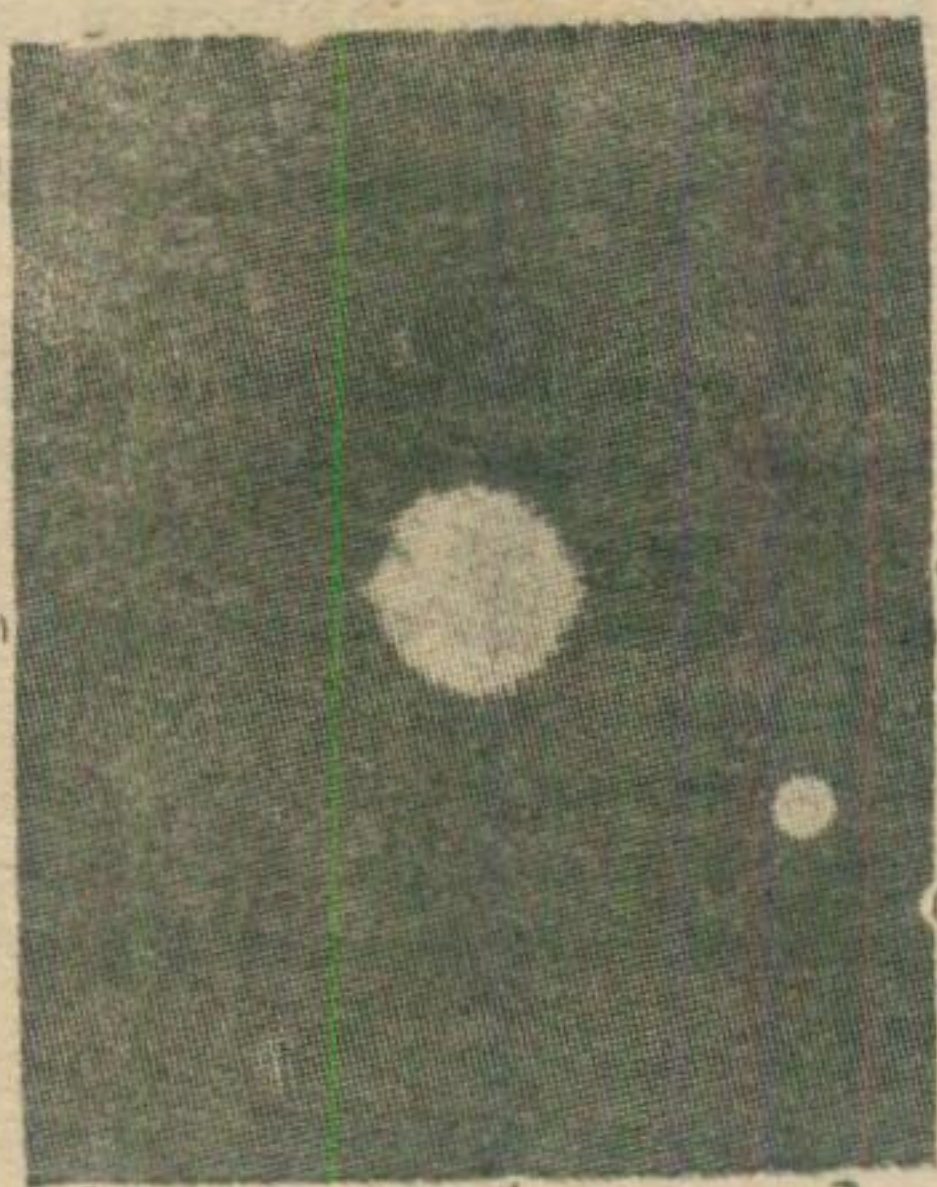
học không nhìn được rõ, thì thiên-văn vô-tuyến lại định rõ vị-trí và giúp các ống viễn-kính nhìn vào đúng chỗ để quan sát.

Đáy biển mò kim

Chính các quasar đã được tìm thấy, định vị trí và chụp ảnh nhờ phương pháp này. Các nhà thiên-văn thấy có những ngôi sao chỉ hiện ra rất lu mờ trên ống viễn-kính mà trái lại khi hướng đài vô tuyến viễn-vọng vào thì lại thấy phát ra những nguồn vô-tuyến rất mạnh.

Các nhà thiên-văn vô-tuyến liền báo cho các nhà thiên-văn quang-học biết vị-trí của các nguồn vô-tuyến đó. Các nhà thiên-văn quang học liền đi kiểm xem nguồn vô-tuyến đó là gì. Nhưng loay hoay mãi họ không tài nào kiểm ra được. Trong một vòm trời gồm hàng tỷ các vì sao lớn nhỏ luôn luôn di động mà đi kiểm một chấm sáng lu mờ thì quả thực là khó hơn mò kim dưới đáy biển.

Mãi đến năm 1962, đài vô-tuyến viễn-vọng tại Parkes (Úc) mới nghĩ ra được một mẹo nhỏ để bắt quasar phải ra mặt. Mẹo này dựa trên nguyên tắc rất dân-dị là tìm ba điểm trên cùng một đường thẳng. Dựa theo nguyên-tắc này, các nhà khoa học ở Parkes tìm cách kẻ một đường thẳng giữa trái đất, mặt trăng và nguồn quasar 3C 273. Họ hướng đài viễn vọng về phía quasar 3C 273 và đợi xem khi nào và ở vị trí nào thì luồng sóng vô tuyến phát xuất từ 3C 273 bị che khuất bởi mặt trăng (tương tự như khi mặt trăng che khuất mặt trời vào lúc nhật-thực). Vị trí của mặt trăng đã được các nhà thiên-văn định rõ không sai một ly. Từ trái đất kẻ một đường thẳng qua chỗ mặt trăng che khuất nguồn vô-tuyến và kéo dài đường đó ra, ta tìm thấy chỗ quasar



3 C 273

3C 273 đứng trong vũ-trụ. Xem kỹ lại các bức hình chụp trước, các nhà bác học thấy 3C 273 chỉ là một điểm sáng nhoà có cái đuôi mờ mờ như đuôi sao chổi. Cánh cửa bước vào thế giới huyền-bí của quasar đã hé mở.

Thiên-hà bùng nổ.

Nhưng tìm được vị-trí của quasar trên bầu trời cũng chưa đủ, còn cần phải biết xem quasar ở cách trái đất bao xa nữa. Thấy các quasar lu mờ, có nhà thiên-văn đã vội cho rằng các quasar chỉ là những mảnh vụn văng ra từ giải Ngân-hà hay từ một thiên-hà kế cận sau một vụ nổ mới đây. Sức nổ mạnh đến nỗi có thể làm cho các mảnh vụn văng ra với tốc-độ nhanh bằng tốc độ ánh-sáng và do đó cho ta cảm tưởng là quasar ở rất xa. Nhưng thực ra, các quasar chỉ là những thiên-thể rất tầm thường ở quanh quần trong vùng kế-cận thiên hà của ta.

Giả-thuyết này đã bị đả-phá ngay lập tức. Các nhà thiên-văn cho rằng không thể có vụ nổ nào lại mạnh đến nỗi khiến cho các mảnh vụn có thể văng ra với tốc-

độ lớn như vậy. Và lại nếu quả thực là có vụ nổ thì ta phải thấy các mảnh văng ra tứ phía, có mảnh sẽ tới gần trái đất, có mảnh chạy xa trái đất. Đáng này tất cả các quasar đã tìm ra đều đang chạy xa trái đất. Hơn thế nữa, các nhà thiên-văn đã có lần nhận được sóng vô-tuyến của quasar 3C 273 đi qua một thiên-hà ở cách xa chúng ta 40 triệu năm ánh sáng. Điều này chứng tỏ rằng 3C 273 phải ở xa ta ít ra là hơn 40 triệu năm ánh sáng.

Bên lề vũ-trụ

Các nhà khoa-học không hài lòng với kết luận mơ hồ ấy. Họ bèn dùng phương pháp cổ điển là quan sát sự hoán chuyển vị trí ánh sáng trên quang phổ của ánh sáng phát ra từ các thiên-thể để suy ra vận tốc và hướng di chuyển của thiên thể đó. Từ vận tốc di chuyển ta lại có thể suy ra vị trí của thiên thể đó. Ánh sáng được chọn làm căn bản đo lường là tia tử-ngoại, tức là tia sáng có độ dài sóng ngắn nhất trên quang phổ. Tia sáng này hiện ra càng gần chỗ ánh sáng đỏ (tức là độ dài luồng sóng càng dài ra bao nhiêu) thì thiên thể càng di chuyển nhanh và càng ở xa ta bấy nhiêu.

Lý thuyết nghe thì dễ, nhưng thực hành mới khó. Quasar mờ như vậy, nhìn còn khó nữa là lại chụp ảnh quang phổ ánh sáng sau khi đi qua một lăng kính. Sau bao đêm mất ngủ, sau bao thất bại các nhà thiên văn mới chụp ảnh được quang phổ của quasar 3C 273. Gọi là chụp ảnh cho dễ hiểu chứ thực ra sau khi mở ống kính lâu tới sáu, bảy tiếng đồng hồ, mới ghi được một bức hình quang phổ dài đúng 7 ly và rộng đúng 0,02 ly. Bức hình tí hon đó được đặt dưới kính hiển vi. Sau sáu tuần liền, chỉ có nhìn vào tấm hình đó mà quan sát,

phân tích, tính toán các nhà thiên văn mới sững sốt nhận ra rằng cái vật lu mờ đó không phải là một ngôi sao sắp tàn ở gần thiên thể của ta mà lại ở cách xa ta những một tỷ năm trăm ngàn năm ánh sáng và đang di chuyển ra xa ta với tốc độ nhanh bằng 15% tốc độ ánh sáng tức là 45.000 cây số một giây. Vốn quen với các khoảng cách lên tới hàng triệu năm ánh sáng mà các nhà thiên văn cũng phải kinh ngạc về khám phá mới đó. Vũ trụ quả thực đã lớn ngoài sức tưởng tượng. Những khám phá liên tiếp về các quasar khác sau đó lại đưa các nhà khoa học từ ngạc nhiên này đến ngạc nhiên khác. Người ta thấy rằng quasar 3C 273 mới chỉ là quasar gần nhất và chậm nhất. Còn có những quasar nhanh hơn và ở xa hơn nữa. Quasar 3C 48 ở xa trái đất những bốn tỷ năm ánh sáng. Đó là khoảng cách trung bình của phần lớn các quasar đã khám phá ra. Quasar nhanh nhất và ở xa ta nhất là quasar (1116 + 12), di chuyển nhanh bằng 81, 2% tốc độ ánh sáng, và ở cách xa ta ít ra là 8 tỷ năm ánh sáng.

Trở về dĩ-vãng.

Năm được những nhân chứng cao niên nhất của vũ trụ đó, các nhà thiên văn liền đem họ ra đối chất để loại bỏ những nghi vấn về vũ trụ. Nghi vấn then chốt vốn làm bận tâm các nhà khoa học là nguồn gốc và tương lai vũ trụ. Từ trước đến nay các nhà thiên văn đưa ra hết giả thuyết này đến giả thuyết khác, thuyết nào nghe cũng hấp dẫn và cũng có lý nhưng có một điều phiền là không làm cách nào kiểm chứng được. Giờ đây dưới ánh « đèn trời » lu mờ của các quasar, các nhà thiên văn hy vọng sẽ tìm ra được đầu mối cho vấn đề nguồn gốc vũ trụ.

Ba lý-thuyết quan trọng nhất được đưa ra khảo sát là thuyết vũ trụ bất biến, thuyết vũ trụ bành trướng và thuyết vũ trụ co dần.

Thuyết vũ trụ bất biến cho rằng vũ trụ nguyên thủy như thế nào thì bây giờ cũng như vậy và mãi mãi sẽ như thế. Các thiên hà càng ngày càng tàn ra nhưng các chỗ trống lại được lấp đầy bằng các thiên hà mới được tạo nên do sự tụ tập của các bụi vũ trụ. Mật độ các thiên hà trong vũ trụ do đó không bao giờ thay đổi.

Thuyết vũ-trụ bành-trướng cho rằng vũ-trụ nguyên-thủy là một khối vô cùng dày đặc. Khối dày đặc đó nổ bùng lên và tung ra những mảnh vụn, tức là các thiên-hà. Các thiên-hà càng ngày càng chạy ra xa và vũ-trụ cũng bành trướng ra như một quả bong bóng. Có một số người tiên đoán là sẽ có một lúc tốc-độ di-chuyển của các thiên-hà sẽ yếu đi, các thiên-hà sẽ hút lẫn nhau, lần lần kết tụ lại thành một khối dày đặc như cũ. Đó là ngày tận thế.

Thuyết vũ-trụ co dần lạc quan hơn cho rằng vũ-trụ của ta sẽ không phải chịu số phận hăm hiu như vậy. Vũ-trụ quả có ngày sẽ co lại thành một khối dày đặc nhưng sau đó sẽ lại nổ tung ra theo từng chu-kỳ là 80 tỷ năm một lần. Và cứ thế mãi. Lần nổ tung gần nhất xảy ra trước đây 10 tỷ năm. Hiện nay vũ-trụ đang ở vào thời kỳ bành-trướng và sẽ tiếp tục bành-trướng trong 30 tỷ năm nữa. Sau đó sẽ bắt đầu co vào.

Ngay trong cuộc sơ-thăm, thuyết vũ-trụ bất-biến đã bị đặt ra ngoài vòng chân-lý. Khoảng cách rất xa của các quasar chứng tỏ rằng, trước đây khi vũ trụ còn hoang sơ, các quasar xuất-hiện

nhều hơn cả. Vũ-trụ càng già đi thì số quasar cũng giảm đi. Như vậy là vũ-trụ có thay đổi chứ không bất biến. Hơn thế nữa các quasar càng ngày càng di-chuyển chậm đi, cho ta tưởng sự bành trướng của vũ-trụ đã tới một giới-hạn nào đó. Điều này - phù - hợp với chu - kỳ co-dãn của thuyết vũ-trụ co dãn. Cuộc cãi nhau tay ba về nguồn gốc vũ-trụ bây giờ chỉ thu lại thành cuộc cãi nhau tay đôi. Người ta hy-vọng những khám phá sau này về quasar sẽ giúp các nhà khoa-học mở thêm kỳ khảo-hạch chung kết để tìm ra một lời giải đáp chính xác nhất về nguồn gốc của vũ-trụ.

Nguồn năng-lực mới.

Nhưng các quasar đã đặt ra thắc mắc mới nhiều hơn là giải đáp các vấn-đề cũ. Thắc mắc quan-trọng hơn cả là nguồn năng-lượng phi-thường của chính các quasar.

Lượng sáng phát xuất từ các quasar thay đổi theo từng chu-kỳ ba tháng một chứng tỏ những quasar này rất nhỏ so và các thiên-hà trong vũ-trụ. Thế mà các quasar lại phát sinh ra năng-lượng lớn gấp trăm lần năng-lượng của cả một thiên-hà gồm hàng trăm tỷ vì sao. Năng-lượng phát-xuất từ một quasar có thể mạnh bằng năng-lượng của 1.000.000.000.000.000.000.000.000.000 trái bom khinh-khí nổ cùng một lúc. Năng-lượng hạch-tâm, nguồn năng-lượng lớn nhất hiện nay mà ta được biết, cũng không đủ để cho một vật tương đối nhỏ phát ra nguồn năng lượng mạnh như vậy được.

Siêu-tinh sụp đổ

Với đặc tính đó, quasar không còn chỉ là những vật lạ của các nhà thiên

văn nữa, chúng đã trở nên những bí-hiềm mới cho các nhà vật-lý. Có nhà vật-lý cho rằng các quasar là những siêu-tinh khổng-lồ đã từng phát ra năng-lượng hạch-tâm như mặt trời và các vì sao khác, nhưng các siêu tinh đã hết nhiên-liệu, các thể chất còn lại bắt đầu sụp xuống, tựa như một đồng lửa trại sụp xuống khi củi cháy thành than. Các thể - chất rơi vào trung tâm siêu-tinh với một tốc độ có thể nhanh hơn cả tốc độ ánh sáng, tạo ra một nguồn năng - lượng mới mạnh hơn cả năng-lượng hạch-tâm.

Cách cắt nghĩa này nghe dẫn dị nhưng lại vấp phải thuyết-lý của Einstein. Theo chứng minh của Einstein thì không thể có tốc độ nào lớn hơn tốc độ ánh sáng. Hơn nữa cũng theo một định-lý bắt nguồn từ thuyết tương đối của Einstein khi thể chất chịu sức hút của thiên-thể, đổ dồn vào trung-tâm của thiên-thể đó, thì chính sức hút của thiên-thể đó sẽ trở nên mạnh đến nỗi không một vật nào, có thể thoát ra khỏi thiên-thể. Các năng-lượng bức-xạ, như ánh sáng và sóng vô tuyến cũng bị giữ lại, và ta không thể nào nhìn thấy hoặc bắt được ánh sáng vô-tuyến của quasar cả.

Muốn công nhận cách giải thích này, công việc trước tiên là phải đánh đổ thuyết của Einstein. Một điều hiện nay chưa ai làm nổi.

Thế giới kháng-thể-chất

Một số các nhà khoa học khác lại tìm cách giải nghĩa nguồn năng-lượng huyền bí của quasar bằng một giả-thuyết khác nhuộm mùi siêu hình và cũng bí-hiềm không kém. Họ cho rằng năng-lượng của

quasar phát sinh từ một nguồn năng-lượng mới tạo ra do sự va chạm giữa thê-chất và kháng-thê-chất. Dựa theo nhận xét về đặc tính của các vi-thê trong phòng thí-nghiệm, họ cho rằng tất cả mọi thể-giới kháng-thê-chất đều có một thể-giới kháng-thê-chất tương đương ở một nơi nào đó trong vũ-trụ (tựa như thể giới hữu-hình và thể giới vô hình trong các truyện thần-bí). Hai thể-giới đó đi lang-thang trong vũ-trụ ít khi gặp nhau. Nhưng khi đã gặp nhau thì như điện âm gặp điện dương trong một cơn giông-tổ phát sinh ra một nguồn năng lượng mạnh vô biên. Năng-lượng phát-sinh từ quasar có thể là hậu quả của những cuộc gặp gỡ hiếm có đó.

Quá-khứ và tương-lai

Sau bao nhiêu tỷ năm chơi vơi trong vũ-trụ, và bao nhiêu cố gắng của khoa học, những hình ảnh đầu tiên của quasar mới lọt vào tầm mắt, mới in vào tâm trí của con người. Ngay buổi đầu quen biết, quasar, những kẻ lữ-hành bơ vơ bên biên-cương vũ-trụ, đã dẫn dắt con người

lần trở lại ngược dòng lịch-sử dài hàng tỷ năm của vũ-trụ, hé mở tấm màn bí mật cho con người nhìn thấy một phần rất nhỏ của những bí ẩn kỳ-diệu thừa khai thiên lập địa. Quasar cũng lại đang hứa hẹn đem lại cho con người một nguồn năng-lượng mới, mạnh hơn, lớn hơn trăm triệu lần nguồn năng-lượng hiện tại. Những nguồn năng lượng này sẽ ảnh hưởng rất nhiều đến tương lai của nhân-loại và có khi đến cả tương-lai của những thiên-hà ở chung quanh ta. Con người có thể chế ngự những năng-lượng đó đưa cả trái đất ra khỏi vòng trọng lực của thái-dương-hệ, đi phiêu-lưu trong vũ-trụ. Hoặc dùng năng-lượng đó để chế ra một trái bom kháng-thê-chất có thể biến giải Ngân-hà ra thành hư-vô trong khoảnh khắc. Trước kia, đó chỉ là những giấc mơ hay những cơn ác mộng nhưng với khám phá về quasar những điều đó đang hứa hẹn, hoặc đang đe dọa, sẽ trở thành sự thật.

NGỌC-VÂN

THỜI-MỚI VỪA PHÁT HÀNH :

★ DỊCH HẠCH của *Albert Camus* giá 140\$

— Cuốn tiểu thuyết vĩ đại của thế kỷ XX

— Tác phẩm bán chạy thứ nhì, sau 55 hoạt động của nhà Gallimard

★ VỀ MỘT XÓM QUÊ của *Võ Phiến* giá 60\$

Gồm 4 truyện ngắn. In lần thứ 2

★ CÁC TRÀO LƯU LỚN CỦA TƯ-TƯỞNG HIỆN-ĐẠI
của *André Maurois* In lần thứ 3 giá 24\$

Giới thiệu và nhận định về các chủ nghĩa Mác-xít, Hiện sinh,
Nhân-vị của một học-giả uyên-thâm.

Lá thư Luân-đôn

(xin xem BK.TĐ từ số 233)

Một hôm quanh quần đã chán mấy đường phố, T. đề nghị đến Hyde-Park cho biết một lần. Thế là T. loay hoay giở bản đồ thành phố ra tìm lối. Trong lúc T. đang chăm chú nhìn vào đó chị chợt thấy bên góc công viên nho nhỏ kia có đám đông đang vây quanh một gã trung niên, gã cao hơn mọi người bởi gã cẩn thận đứng trên chiếc ghế. Bỏ mặc T. lần dò tra cứu, chị chạy lại coi. Kẻ hiệu kỳ hầu hết là những thiếu niên cỡ 14 trở lên, 20 trở xuống, mặc toàn bờ-lu-dông đậm màu, cậu nào cũng tóc trước dài phủ mắt, sau che lấp gáy, dáng bộ lắc cắc và cao lêu đêu. Lắc lắc dăm ba ông đứng tuổi, trịnh trọng trong những bộ com lê đen, đầu đội mũ nhỏ vành, tay cặp dù đen nhoáng. Không có bóng hồng nào lảng vảng ở đó hết. Gã trung niên đứng trên ghế giở mũ ra để lộ cái đầu hói và những sợi tóc lưa thưa vàng óng như râu ngô non vừa bóc ra khỏi vỏ. Chiếc dù đen đứng một cách khiêm nhường dưới chân ghế, cạnh đó một cái va ly mở nắp và được đặt đầy những cuốn sách về chủ nghĩa Lénine. Chị thấy hồi hộp tợn.

Gã đàn ông xoa hai bàn tay có mang găng vào nhau, sang sảng nói:

— ... Vâng? đó là một sự lầm lạc lớn trong lịch sử loài người. Chủ nghĩa xã hội thế nào? tại sao lại có những kẻ ngu xuẩn hy sinh cả cuộc đời vì nó? Nó có gì là cao đẹp? Làm sao ta có thể tin tưởng nó? Kẻ hèn nầy từng cảm nghĩ như quý vị. Chúng ta là con cái Chúa, chúng ta phải thành thật tìm hiểu nó, chúng ta phải thương yêu nhau như lời Chúa phán ngày xưa... Thưa quý vị tôi xin...

Hai ba người đàn ông đứng tuổi giơ tay lên một loạt, lập tức người kia dừng lại, nghiêng đầu, nhã nhặn, hướng về phía đó mà rằng:

— Rất hân hạnh được hầu chuyện cùng Ngài, xin cho tôi biết tôn ý?

— Các anh là đồ bịp! (Người đàn ông trong đám thánh, khán giả gần giọng nói) các anh dám lợi dụng, dám nhân danh Chúa để...

— Xin tôn ông bớt nóng, chúng ta thảo luận trong sự bình tĩnh...

— Lạy Chúa! (một ông khác kêu lên) chúa nào dám ở chung với bọn quỷ đỏ nhà anh? Cút xéo trước khi chúng tôi...

Lũ trẻ nhầy cẳng lên trong khi cuộc tranh luận càng phút càng gay cấn. T. cũng xếp bản Đồ Anh quốc cho vào túi, lại xem. Chị thì lo cuộc đấu khẩu sẽ biến thành đấu võ, cò T. hý hửng bảo nhỏ bên tai chị :

— Cơ mầu này hai chị em có thể... khỏi phải đến Hyde-Park làm chi.

Bỗng không biết từ đâu, ông cảnh binh lừng lững đến, không phải để bắt gã đàn ông tuyên truyền chủ nghĩa Lénine đâu, chính là để bảo vệ gã khỏi bị hành hung đấy, em Lê ạ!

Đám cãi nhau to quá, hăng quá và chị không còn hiều ọ nói gì, dẫu đầu ngón muốn đi, thì từ bên kia đường hai người đàn ông trở tới. Một trong hai gã đó đặt đồ lễ xuống đất, thông thả rút ra một chiếc roi dài, rồi trong khi bạn gã cúi áo phanh ngực ra, lễ phép cúi chào khán giả, gã lặng lẽ quất vun vút ngọn roi vào không khí với một dáng điệu đầy hăm dọa. Bạn gã cười, lên tiếng:

— Xin quý Ngài lui ra thêm một chút. Chúng tôi sẽ cố gắng hiến quý Ngài một trò lạ, đặc biệt nhất, chưa từng có tại Luân Đôn cổ kính của chúng ta!

— Vâng! đặc biệt nhất, chưa từng có ở thành phố Luân đôn này! hãy coi đây!

Gã cầm roi tiếp tục quất, giữ mãi dáng điệu hăm dọa trong khi bạn gã tươi cười cố lấy cảm tình của mọi người, thì gã bằng một giọng nặng nề, cộc lốc, khó nghe, nổi lời bạn lặp lại những câu trên, ngọn roi càng lúc càng vút mạnh và nhanh hơn trong không khí.

— Đây là một trò nguy hiểm, chưa từng có, rất lạ mắt, xin quý Ngài bình tĩnh chờ xem...

Đám đông lặng dần, bắt đầu vây quanh hai người đàn ông mới đến, những kẻ đang tranh luận cũng bỏ rơi nhà hùng biện, quay lại theo dõi "trò vui lạ mắt và đặc biệt nhất Luân Đôn." Gã cầm roi lấy chiếc bao vải thô úp đầu bạn phủ kín cả người từ đầu đến chân và khi gã lấy thùng thông thả quất "cái bao người" kia lại thì khán, thính giả của nhà hùng biện chẳng còn mấy mống. Trối bạn xong, gã hùng hồ quật cái bao người xuống đất. Đàng góc kia nhà hùng biện cũng vừa xếp cuốn sách cuối cùng cho vào valy và dấy sập nắp lại, tiu nguyễn rút lui.

— Xin lui ra một chút! xin lui ra và bình tĩnh chờ xem!

Giọng gã đàn ông tăng phần dọa dẫm và hấp dẫn. Chị vừa thương hại kẻ bị trối bọc kín trên nền đá lạnh, vừa hồi hộp thấp thỏm chờ đợi trò lạ mắt vừa rửa thềm cái lối kiếm tiền tai ác của... Luân Đôn.

Đám đông tụ tập càng lúc càng dày, vây kín hai người vào giữa. Lúc bấy giờ gã cầm roi lại buông roi ra, giơ cái mũ nát khắp bốn phía xin tiền.

Khi trong mũ đã được độ một nắm tiền gã đặt cái mũ xuống đất, dùng tay trở thẳng vào một người đứng trong đám khán giả, nghiêm trang nói :

— Hãy vớt một trinh lên cái bao người đáng thương kia ! một trinh thôi ! (quay phía trước, nhìn thẳng một người khác, giữ giọng quyền hành sai khiến đó) xin vớt thêm lên đây một trinh nữa (vài tiếng loèng xoèng vang lên) được ! tốt lắm ! phiên phiên lên ! (lại bước đến một khán giả từ vòng ngoài, vẫn giọng cũ) Đây ! thêm một trinh ! vâng ! chỉ một trinh nhỏ bé thôi mà ! tiếc làm chi ! phiên phiên lên để chúng tôi kịp giờ biểu diễn.

Xem chừng những đồng hào, đồng trinh từ túi mọi người không còn được những bàn tay hăng hái móc ra, tung vào cái bao người nữa, hẳn đòi giọng, điệu dàng hơn :

— Đây là một trò huyền bí... vâng ! xin tin tôi : huyền bí và nguy hiểm nữa kia ! để cho... linh nghiệm xin quý Ngài vui lòng vớt lên cái bao khốn khổ một ít trinh mọn nữa (lại có tiếng xu hào vang lên, đồng nằm yên trên bao, đồng lăn từ trên bao xuống nền đá, có đồng lăn tận chân khán giả, lập tức gã đàn ông cúi nhặt vớt lên bao lại.) Trò đó cứ kéo dài làm đôi người sốt ruột lên tiếng dục :

— Thôi ! biểu diễn đi ! nhiều tiền rồi đó, ông ơi !

Gã đàn ông có vẻ nhần nhó :

— Xin quý vị đừng nóng nảy ! (chỉ những khoảng trống trên bao) đây ! xin quý vị vớt vài trinh lên đây ! (lại có người vớt tiền lên, chắc vì nóng coi trò hay của gã) chỉ chốc lát thôi mà ! Đặc biệt lắm, rồi quý vị xem !...

Thình lình gã bật tung lên như cái lò so, lại gần và điềm ngay vào mặt một khán giả từ này giờ vẫn đứng yên, nấn nỉ :

— Giờ đến lượt Ngài ! xin Ngài vui lòng cho !

Cứ như vậy, gã làm cho một kẻ keo kiệt nhất như T. cũng phải cho tay vào túi, cho một kẻ rất ghét và chưa từng bị mấy ông bán thuốc dạo ở Saigon gạt lần nào như chị cũng phải mất toi đi một penny !

Ai cũng phải cho gã tiền chỉ vì muốn trông cái trò «hay nhất»... nhưng gã không chút vội Vàng, khoan thai thu nhặt hết những đồng tiền lại, bấy giờ thấy khá rồi-gần đầy mũ-gã mới lôi trong một cái bọc cũ mềm ra hai thanh gươm han rỉ rồi thông thả lại gần cái bao người. Tụi trẻ con nhấp nhóm bấm nhau-ngay cả chị cũng vậy-vì tưởng hẳn sắp đâm vào bạn hẳn, song không: gã khoan thai lách mũi gươm vào những mối dây thừng buộc trên chiếc bao cho kỳ đến tận chuôi thôi. Xong cái nọ đến cái kia, hai thanh gươm y như được cột tréo nhau dọc theo cái bao người trên nền đất.

— Bây giờ quý vị chờ xem ! gã trịnh trọng nói.

Cả trăm con mắt đều nhìn chăm lên đó. Bây giờ là lúc nạn nhân trong bao cổ trò tài : hẳn cứ từ từ, thông thả nhích qua một chút, nhích lại một chút làm cho

thanh gươm tuột dần khỏi cái mối dây trói chung vừa hấn vù cái bao vừa cả hai thanh gươm. Hơn ba mươi phút qua, hai thanh gươm mới tuột khỏi các mối dây, hấn được bạn lại gài mở trói cho, tháo cái bao quái quỷ ra khỏi mình hấn và hấn đứng lên tươi cười cảm tạ mọi người.

Cái bao được xếp lại và bạn gã cao giọng hơn tuyên bố :

— Bây giờ chúng tôi xin cống hiến quí Ngài một trò dữ dội hơn, một trò mà...

T. bực dọc, vùng vằng kéo cao cổ áo:

— Thế nào? bây giờ chị muốn đứng coi «trò dữ dội» hay là lại Hyde-Park.?

— Khỏi cả hai !

— Sao lại khỏi ? chị chẳng thường ao ước lại Hyde-Park đề...

— Nhưng đó là trước khi chị chứng kiến vụ nhà hùng biện vừa rồi được cảnh binh bảo vệ kia! chị em mình lại nhà Charles-Dickens đi !

Hai chị em lên buýt. Xuống xe lại quanh quẩn một lát mới lò dò đến đứng phố Doughty. Lê ơi ! em không thể biết được chị hồi hộp và thích thú ra sao đâu. Chị vừa đi vừa tưởng tượng: chắc là một ngôi biệt thự cổ có vườn rộng, có ghế đá, sàn nhà chắc bằng gỗ sồi bóng nhẵn, nữ du khách nào mang giày gót nhọn chắc ại bị chặn ngay ở bậc cửa và phải tốn ngót hết trăm bạc (tính theo đơn vị tiền ta, đề mua một đôi « Nico.Clip » (1) gài vào gót giày trước khi vô xem đề khỏi lũng sàn nhà y như ở Louvre; màn cửa chắc màu đỏ thắm, trần nhà chắc có đèn treo bằng pha lê, chắc phòng khách có hình Nữ Hoàng, chắc...

— Tới rồi ! chị !

T. kêu lên làm chị giật mình, dừng lại trước một gian phố nhỏ, thấp, cửa đóng kín, trên một góc có cái biển đen kẻ một hàng chữ trắng: « The Dickens house ». T. bấm chuông, lập tức có người mở cửa. Lấy vé xong, hai chị em được thông thả vào xem. Qua một lối hẹp, đến cầu thang dẫn lên phòng ngủ của C, mọi vật đều sơ sài, đơn giản. Người ta còn giữ được cả cái ghế khi sinh thời C. ngồi làm việc. Nó cũ cho đến nỗi người ta đặt vào lòng nó một tấm bìa dày có mấy chữ cặn dạn du khách « xin chớ ngồi lên » vì e gãy ! Tầng dưới, có lò sưởi và những dụng cụ nấu ăn, cái ca nước, một cuốn sổ nháp. Trên chiếc bàn, ngay lò sưởi là cuốn sổ lớn để du khách ghi tên cùng địa chỉ vào. Mấy chiếc ghế tap đặt quanh bàn.

Khắp các tường nhiều hình của C. và nhiều nhất là những bức minh họa truyện Oliver-Twist, David-Copperfield màu có, đen có phần nhiều là của họa sĩ; song cũng có của C. tự vẽ lấy. Nhiều vật dụng của C, được trân trọng bày trong mấy cái tủ, song chị thích nhất là bản thảo của C. Phía cửa ra vào, treo hình những hội viên hội «Yêu Charles-Dickens » và chị thấy ghi là bà Margaret-Lane từng làm chủ tịch hội

(1) Nico-Clip một vật dụng cụ hình dáng cỡ nửa hạt mít bằng nhựa màu đen hay trắng, có lò xo rất tốt như cái kẹp, phẳng phía dưới, mua xong mình cứ giở lò xo lên cặp vào gót giày và nó bám cứng vào đó, tha hồ đi lại.

ấy từ 1959 đến cuối năm 1961. Nơi bán những kỷ vật có những chiếc đĩa sứ màu nâu in hình Oiver Twist gầy gò, khép nép đưa cái bát xin thêm xúp và gã Dumble tay cầm vá, tay khuỳnh ra sau, khoác chiếc tablier trước bụng, đầu hơi cúi xuống. Buồn cười cái là trong dáng bộ đó, bụng lão vẫn không nhỏ bớt chút nào và vẫn giữ được bộ tợn dữ dằn của lão như toàn tinh thần câu chuyện. Nhiều cỡ đĩa như vậy cũng như rất nhiều hình, bưu thiếp, song chị chỉ mua mấy chiếc đĩa và hình của C. Đôi mắt sâu, mũi thẳng, trán cao, miệng nhỏ và hơi mím lại, cõ bị những nếp nhăn quàng và áo che kín toàn thề cho ta thấy một C. rất dễ mến, rất gần gũi, nhất là gần gũi đám trẻ nghèo, không dữ dội, tàn nhẫn, sắc sảo như Somerset-Mogham mà chị em mình thường sờ sợ khi nhắc đến, cũng không giống như mấy nhà quý tộc của Tây phương với bộ tóc cầu kỳ và trang phục diêm dúa mà chị em mình rất ghét.

Những kỷ vật đó cho ta biết đại khái cuộc sống nghèo nàn, đạm bạc của người đã khuất, hiểu mang máng rằng gia đình C. không mấy hạnh phúc (chỉ có một cái hình vợ ông thôi) hình như không ai thừa kế C. Chị đoán những kỷ vật đơn bạc đó được trân trọng và nhiều người biết đến phần lớn là nhờ công lao của hội « Yêu C ».

Ra khỏi nhà C. chị còn cảm thấy cái không khí ẩm cúng, triu mến thân mật trong mấy gian phòng nhỏ bao quanh. Thật vậy, Lê ơi ! Louvre to lớn nhưng lạnh lẽo bao nhiêu so với gian nhà của C hiền hòa, nhỏ bé!

Ngày cuối cùng ở Luân Đôn T. bàn nên đến British Museum, một trong những bảo tàng viện nổi tiếng nhất ở Anh quốc, song chị lắc đầu từ chối, vì nhớ đến Louvre.T. kiên nhẫn phủ dụ chị :

— Chị nên nghe em, Bảo tàng Viện này lớn lắm, đặc biệt lắm, không phải như Louvre đâu.

Thấy chị còn do dự, T. giở sách ra, đọc : « Mở cửa từ năm 1759, đây là một bảo tàng viện lớn nhất của Anh quốc, hằng năm có cả triệu du khách và sinh viên từ nước ngoài đến viếng. Phòng đọc sách của viện mở cửa cho hội viên đến tra cứu rộng lớn không nơi nào so sánh kịp : trên 7 triệu cuốn sách đủ loại và mỗi năm tăng lên cỡ 53 ngàn cuốn » T. ngừng lại dò phản ứng của chị một giây rồi nói :

— Đây là một bảo tàng viện vạn vật học, đủ một trăm thứ chứ không phải như Louvre mà, chị hãy tin em. Đạo phổ làm chi cho ưỡng... chị sẽ thấy những con vật ăn cỏ 150 triệu năm về trước, những vụn thạch từ các ngôi sao rơi xuống... những loài chim đẹp...

— Thôi, được ! đi !

Phải mất một giờ tra cứu mới đến nơi, mua vé xong lại phải mua một tập bản đồ chỉ dẫn vì nếu không thì mình có thể bỏ sót không xem hết, nói vậy để Lê biết là nó lớn đến chừng nào.

Quả như T. nói, bảo tàng viện này đặc biệt lắm Lê ạ ! Trước hết chị lại xem những con hà mã — dĩ nhiên là giả song y như thật vậy — rồi đến

những con gấu, sư tử-chắc chỉ có bộ lông là thật-có đà điều, hải điều, nhiều hang đá đầy những thứ chim lạ, nhìn không thấy chán.

Chị như lạc trong những hành lang rộng thênh thang, mê mải quên cả ngày giờ. Chị ngợp trong phòng chứa mô hình và xương cá voi, phòng chứa xương con quái vật đầu thời tiền sử, riêng có mỗi cái đuôi đã dài đến 49 F. (đơn vị đo của Anh, mỗi F. 30,48 cm) và thấy mình lao đao ngầy ngất khi nhìn một khúc cây hóa đá, trông rắn và rục rở như miếng ngọc ! chị thấy cả một đoạn thân cây cổ thụ, thứ cây mà xe hơi có thể chui lọt trong lòng nó.

Lần thứ nhất chị thấy những vụn thạch, nửa như đồng, nửa như đá. Những khoáng chất đủ thứ, đủ loại kết tinh, trông như ngọc, như đá, trắng có, đen có, màu lấp lánh trông đẹp đến ngẩn ngơ !

Đồ sứ của Trung hoa từ thế kỷ thứ mười, cho đến cận đại, Minh, Tần, Tề Tống chẳng còn ghi và nhớ kịp. Tây phương cũng chẳng sót thứ gì.

Đồng hồ từ thế kỷ 17 cho đến những đồ sành. Có một cái tượng nhỏ rất tinh vi ; hình người đàn bà cho một tù nhân đàn ông bú, tù nhân đó là một ông già bị xiềng chặt hai chân.

Về những cổ vật của Hy Lạp, La Mã thì tại đây chẳng kém chi Louvre mà lại còn hơn : những áo quan bằng đá, tượng đầu người, mình sư tử, to chập cả một gian phòng, xác ướp Ai cập từ 3000 năm trước T.C. Rồi những khí giới thô sơ, những cái gối bằng đá của dân du mục, Rồi tượng Phật từ thế kỷ thứ II bên Tàu, những đồ trang sức của đàn bà các xứ đó, tiền xưa đúc bằng bạc hay đồng.

Chừng họ cũng tiên liệu cho du khách, trở ra ăn trưa thì mất hết thì giờ và tốn tiền mua vé vào cửa lại, còn bán lối nhà hàng như Louvre thì tàn nhẫn đối với sinh viên và du khách, nhất là sinh viên vào viện tra cứu học hành nên tại trong đó cũng có Self-service. Ăn trưa xong, chị vội vàng cùng T. đi xem tiếp. Phòng đọc sách thật làm mình lác mắt. Riêng kinh thánh đủ thứ chữ trên thế giới đủ làm mình phục sát đất rồi. Nhìn những cái thang dùng để bắc đứng lên với tới những ngăn sách cao vợi vợi, và những « con mọt sách » cặm cũi chị lặng lẽ rút lui để nhường cho họ khu rừng chữ nghĩa !

Cái xứ thật là chu đáo, Họ cho thuê cả những máy chỉ dẫn — cũng đủ thứ ngoại ngữ — cái nào cũng gọn gàng xinh xắn có ống nghe đặt vào tai để du khách tiện xách theo, nghe lời chỉ dẫn trong đó mà thăm viếng cho cùng khắp viện !

Chị quên cả mỗi chân và còn tha thần ở hành lang có những con đà điều cao lêu đêu thì có tiếng báo hiệu là đến giờ đóng cửa, mời du khách ra về.

Hai chị em rủ nhau lại hiệu Tàu quen, ăn lần cuối và trò chuyện với hai cô sinh viên làm hầu bàn cho hả (còn sớm chưa có khách đông) Nghe chị sắp rời Luân Đôn hai cô có vẻ thích lắm, riêng cô nhỏ thì cảm tình riêng với T. nên đĩa cơm nó cứ đầy ăm ắp) ông chồng bà chủ hiệu thì vui vẻ hỏi chuyện Việt Nam, ông rất

thành thạo về Sài Gòn, và có ý than phiền cho nội chiến nhà mình lắm. Nói chuyện một lát, ông lịch sự đứng lên vào trong đọc sách. Bà chủ thì hí hoáy chép chép, ghi ghi, bỗng thình lình từ dưới hầm nhà bếp, chú đầu bếp đội mũ trắng, mang tablet trắng, hùng hổ trời lên, xông lại gần bà chủ, rồi cứ dánh bộ hung hãn đó, hấn tuồng ra, một tràng tiếng Tàu rất nhiều tiếng « hầy » và tiếng « ha », bà chủ ôn tồn buông bút trả lời, song dánh chừng hấn không vừa ý nên càng lớn tiếng, hai cô hầu bàn gần người ra nhìn, chốc chốc lại nheo mắt với chị ra ý phân vua :

— Đó ! bà thấy chưa ? người da vàng bắt nhả ghê chưa ? Đồng hương của bà đấy nhá !

Mà bà chủ đâu phải hiền lành ? bà chỉ lừ mắt một cái là hai cô sinh viên Anh tuân theo răm rắp, nhưng với anh bếp này thì coi như bà không lấn nôi. Bà càng đấu dịu với hấn... hấn càng to tiếng, bỗng có tiếng kêu từ dưới hầm và mùi khét lẹt xông lên, lúc bấy giờ hấn mới sức nhớ, đưa hai bàn tay đầy dầu mỡ và lọ chảo đập vào đầu một cái, bặng mình quay xuống, miệng không ngớt « hầy » « ha ».

oOo

Giã từ Luân đôn chị một nhòai, chẳng muốn nghỉ ngơi gì, cũng chẳng nhớ tiếc gì, trừ những người Ấn khiếm nhã ở cùng khách sạn : bất cứ mình lúc lên hay xuống thang mà gặp họ, dù họ đi trước mình đi nữa, họ cũng lùi lại, đứng yên, nhường lối cho mình. Vào bàn ăn, họ xin lỗi khi cần dùng lọ muối hay bình đường. Lấy chiếc bánh mì họ cũng đợi mình lấy trước. Khi đứng lên, họ nhắc cái ghế không một tiếng kêu, và cúi chào mình rồi nhẹ nhàng rút lui khỏi phòng ăn như cái bóng, không gây một tiếng động khê nào. Ngay trong Self-sevice, họ cũng nhường nhịn, lễ phép khi bàn chậ, họ kiên nhẫn đứng chờ sau lưng mình khoanh tay lại, bộ điệu y như người đạo mát. Họ có một nụ cười đôn hậu, giọng nói nhỏ nhẹ thật dễ thương, đó là những hình ảnh ta không thể tìm thấy trên đất Pháp.

Điều chót chị muốn kể với em là đi ciné phải chào Nữ-Hoàng trước khi vào phim, song chị khỏi cái khổ dịch đó, vì nghĩ rằng ciné đâu có cần thiết về Sài Gòn coi chứ tội gì phí tiền như mấy người kia ? Có phải không Lê ?

Nếu em muốn biết cảm tưởng của chị về Anh quốc, chị phải thành thật nói rằng chị không đủ thì giờ và tiền bạc ở lâu hơn để biết rõ về họ, song Anh quốc không có gì làm chị ghét và khó chịu như Pháp quốc, và chẳng ít nhất, Bảo Tàng Viện Vạn Vật Học ở Luân đôn và nhà Charles Dickens là hai nơi đã làm chị hài lòng. Chị đâu muốn gì hơn ? Chỉ hơi tiếc : thấy nhà và tượng của Baden-powell, thủy tổ Hướng Đạo sinh, ngay trước mắt mà không có thì giờ đến viếng, thế thôi.

B. N. P.



BANQUE NATIONALE DE PARIS

S. A. au capital de : 210 Millions de Francs

Siège social : 16, Bd des Italiens-Paris 9^e

SUCCURSALE DE SAIGON :

36, Rue Tôn-Thất-Đạm — Tel 21.902 (3 lignes) — 24.995

BUREAU DE QUARTIER :

136, Đại-lộ Nguyễn-Huệ — Tel. 22.797

B.P. E-5

BUREAU DE REPRÉSENTATION DE PHNOMPENH :

25, Rukhak Vithei Krâmôn Sâr

Téléphone : 24.37 et 24.38

B.P. N° 122

SUCCURSALE DE HONGKONG :

Central Building, Queen's Road Central

Téléphones : 93 — 2171 (8 lignes)

P.O. Box N° 763

75 et 77 — Wyndham Street

BUREAUX DE KOWLOON :

Sham Shui Po 290 et 292 Castle Peak Road

TSIM SHA TSUI — Milton

Mansion 96 Nathan Road

La B.N.P. et ses filiales possèdent plus de 2.050 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F.A.F.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B. N. C. I. « A ») ; à Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba-Bureau de Représentation (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos, Apapa, Kanne, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco del Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

De Gaulle và những chuyến công-du

Từ ngày trở về cầm chính quyền năm 1958 tướng De Gaulle không ngừng công du trong nước hay ngoài nước. Người ta tự hỏi sao ông già 75 tuổi này mà còn có sức đi khắp thế giới. Thật vậy, năm 1966 này đã chứng kiến nhiều chuyến đi của vị tổng thống Pháp. Tháng 6 ông đã sang Nga Xô, và vừa đây vào cuối tháng 9 ông đã đi thăm Djibouti, Ethiopia, Cao Mên, Tahiti trong 19 ngày rông rãi. Nếu kể cả những chuyến công du khác như sang Hoa-kỳ vào năm 1959, sang khắp các quốc gia Nam Mỹ trong hai tháng năm 1964 ta thấy tướng De Gaulle đã vượt qua hàng vạn dặm đường và được hàng triệu người trên trái đất đón tiếp. Nếu lịch sử của triều đại Nã phá Luân đệ tam được gọi là một bản nhạc valse bất tận thì những nhiệm kỳ của Tổng thống De Gaulle phải được mệnh danh là một cuộc du hành liên tục. Những chuyến đi của De Gaulle nhằm mục đích gì? Theo ông thì giữa ông và đại chúng có một sợi dây liên lạc thông cảm vô cùng chặt chẽ. Khi có một biến cố gì xảy ra, chỉ cần De Gaulle xuất hiện, dùng vài cử chỉ cao quý nói những câu văn hoa là mọi việc đều được giải

xếp ổn thỏa. Như ta đã từng thấy khi bốn tướng Salan, Jouhaud, Challes và Zeller nổi loạn ở Alger năm 1961, De Gaulle chỉ có xuất hiện trên vô tuyến truyền hình nói lên những câu thăm thiết, sắc mùi bi kịch, là phe nổi loạn đã tan vỡ, hai tướng Challes và Zeller qui chánh.

De Gaulle biết rõ nghệ thuật thuyết phục người của mình nên ông không ngần ngại mang tấm thân già đi khắp thế giới để phục vụ một lý tưởng, để thực hiện một chính sách do ông suy nghĩ từ lúc còn trẻ, và nung nấu trong 12 năm trường ở làng Colombey-Les-Deux-Eglises lúc ông phải về trí sĩ bắt buộc. Muốn biết tại sao ông du thuyết, muốn biết mục đích các cuộc công du của ông ta cần phải biết rõ tính nết ông, ý kiến và chính sách của tướng De Gaulle.

x x x

Một chính-trị-gia đại tài, một quân-nhân bình thường.

De Gaulle xuất thân ở một gia đình trung lưu, con của một vị giáo sư trung học. Giai cấp xã-hội của ông không phải là một yếu tố khiến ông

có những mộng vĩ đại tự coi mình như một vị đế vương chuyên chế. Nhưng lòng hiếu học của ông, sự ưa thích văn-chương cổ-diễn, sử học, thêm vào vai trò của ông trong cuộc kháng-chiến chống Đức xâm-lăng đã giúp ông trở thành một người kiến-thức sâu rộng, một chính-trị-gia đại tài trong khi đó ông vẫn chỉ là một quân-nhân không có gì xuất sắc.

Sau khi tốt-nghiệp trường Võ-bị Saint-Cyr, De Gaulle vì tính kiêu ngạo và bướng bỉnh bị nhiều người trong quân-đội Pháp không ưa; nếu không có sự che chở của Thống-chế Pétain, có lẽ ông đã giải-ngũ và chọn nghề khác từ lâu. Khi làm Đại úy ông đã kết hôn cùng cô Yvonne Vendroux và từ đó ông có nhiều liên lạc mật-thiết với giới kỹ-nghệ-gia miền Bắc Pháp. Sau này con trai và con gái ông lại kết hôn với con những kỹ-nghệ-gia và chủ ngân-hàng, vì vậy mà mối liên-lạc của ông với các giới tài-phiệt và kỹ-nghệ-gia càng thêm chặt chẽ.

De Gaulle không gặp may trên đường công-danh nên đến tận năm 1940 ông mới ở cấp Đại-tá chỉ-huy mặt trận miền Bắc, trong những người bạn đồng khóa với ông như De Latte De Tassigny và Juin đều lên hàng tướng cả. Thật ra De Gaulle không phải kém tài quân-sự, nhưng là một lý thuyết-gia hơn là một sĩ-quan ngoài mặt trận. Nhiều năm trước đệ-nhi-thế chiến, De Gaulle, người lúc nào cũng nhìn xa trông rộng, đã tiên đoán trước rằng nếu có chiến-tranh với Đức thì quân-đội Pháp sẽ khó đương đầu được với quân đội Đức, vì quân đội Pháp không hợp thời cần phải cải-tổ, xét lại quan-niệm cổ-diễn về chiến-tranh, cơ-giới-hóa quân đội Pháp.

Những ý-kiến này, ông đã trình bày hoặc trong những tác-phẩm của ông như «Au fil de l' épée», «Vers l'armée de métier» v... v... hoặc trong những phúc-trình gửi lên thượng cấp. Nhưng ở trên đầu hệ-thống quân-giai, các vị tướng lãnh, các vị thống-chế đều bác bỏ ý-kiến của ông. Các vị lãnh-đạo quân đội Pháp như Pétain, Weygand... không đồng ý với De Gaulle vì họ đang say sưa trong chiến thắng 1919, và cũng vì lười biếng không muốn cải-tổ quân-đội Pháp. Hơn nữa vì muốn giữ địa-vị của họ, nên họ không chịu cải tổ; nếu quân-đội Pháp được cơ-giới-hóa thì những vị tướng sẽ làm gì? Cái học vấn cổ-diễn của họ sẽ không được sử-dụng và dĩ-nhiên họ sẽ phải nhường chỗ cho những sĩ-quan tiến bộ hơn.

De Gaulle đang ngậm ngùi với những ý kiến mới mẻ của mình thì ông được thăng-thiếu-tướng tạm thời và đến tháng 3 năm 1940 ông được cử giữ chức thứ-trưởng quốc-phòng trong nội các Paul Reynaud. Ông giữ chức này cho tới tháng 6, thì nội các Reynaud từ chức và nước Pháp, dưới sự lãnh đạo của Thống Chế Pétain, xin đầu hàng Đức.

De Gaulle đau đớn bỏ sang Luân-Đôn. Ngày 18 tháng 6 năm 1940 ông kêu gọi dân-chúng Pháp nổi dậy chống Đức vì ông nói «Chúng ta đã thua một trận nhưng chúng ta chưa thua hẳn trong cuộc chiến-tranh này». Chính-quốc bị chiếm, nhưng Pháp còn thuộc-địa và De Gaulle định tổ-chức kháng-chiến và chính-quyền ở các thuộc địa.

Từ đó lãnh-đạo phong-trào kháng-chiến Pháp, De Gaulle tranh đấu không ngừng để loại trừ những phong-trào kháng-chiến cạnh tranh với ông, để các

quốc-gia Đồng-minh Anh, Mỹ, Nga công nhận chủ-quyền của ông. Ông đã buồn rầu nhận thấy sự bất-lực của chính giới Pháp trước kẻ xâm-lăng, ông nguyện sẽ tổ chức lại nước Pháp, để loại bỏ những con buôn chính-trị, những đảng-phái xâu xé nhau trên chính-trường Pháp, những phần-tử đã ngăn cản bước tiến của Pháp và đã có trách-nhiệm nặng nề trong cuộc chiến-bại của nước ông.

Nỗi nhục của kẻ ở nhờ

Nhưng những dự-án này chỉ là đề chờ tương lai, chỉ được áp-dụng khi nào được giải-phóng. Những sự việc hàng ngày mà ông phải đối phó trong hiện-tại cũng đáng buồn không kém. Ông cảm thấy nhục-nhã vì ở nhờ và được Anh-quốc cứu mang, vì bị Đồng-minh khinh thường, coi rẻ. Ông nhục tức là cả nước Pháp bị nhục, vì theo ông De Gaulle tức là nước Pháp.

Quân-đội Đồng-minh chiến-thắng Đức gần như không có sự tham dự của De Gaulle, nước Pháp được giải-phóng năm 1944 cũng gần như không có sự tham gia đáng kể của ông. Khi tứ cường họp hội-nghị Yalta và Posdam để hoạch-định công-tác, tiếp-tục chiến-tranh tới thắng lợi cuối cùng và tổ-chức lại Âu-Châu sau khi chiến thắng, nước Pháp cũng không được mời tham dự. Tại hội nghị Dumbarton-Oaks, khi tứ cường đặt nền-móng của tổ chức Liên-Hiệp-Quốc, nước Pháp cũng không tham dự. Do đó De Gaulle càng ngày càng cay đắng và mơ tới một ngày rửa nhục cho nước Pháp.

Đột ngột từ chức

Sau khi Pháp được Đồng-minh giải-phóng vào năm 1944, De Gaulle đã

nghiêm-nhiên trở nên một vị anh hùng dân-tộc, một nhân-vật lịch-sử của Pháp. Tuy nhiên ta cũng phải công-nhận rằng quân-đội Pháp cũng góp một phần đáng kể vào công cuộc giải-phóng đất Pháp, Trở về Ba-Lê, De Gaulle được dân-chúng nhiệt liệt ủng hộ, ông ra tay tổ chức các cơ quan công quyền và triệu-tập một Quốc-hội lập-pháp để cải tiến nền Cộng-Hòa Pháp, nhưng ông đau đớn nhận thấy rằng trong Quốc-hội mới các Đảng phái, lại quen với nếp cũ, một mực xâu xé nhau tranh chính quyền và các chính-trị-gia lại bắt đầu hoạt động để lập lại một chính-thề Đại-nghị, cho Quốc hội quá nhiều quyền-hành. De Gaulle bắt đầu thấy mình bất-lực, ông đột ngột từ chức vào tháng 1 năm 1966 hy-vọng rằng các Đảng-phái, trước sự chia rẽ không làm nổi việc lớn, sẽ phải năn nỉ ông đề xin ông trở lại, lúc đó ông sẽ tổ chức nền Cộng-hòa Pháp theo ý muốn của ông.

Nhưng ông bị thất vọng ngay. Các đảng-phái không những không năn nỉ ông mà còn cùng nhau lập ra nền Đế-tứ Cộng-hòa với một chính-thề Đại-nghị ngược lại ý muốn của De Gaulle. De Gaulle định đả phá chính-thề mới bằng cách tổ chức đảng R.P.F. Rassemblement du peuple français). Đảng này sau khi lợm được nhiều kết quả trong cuộc bầu cử Quốc hội lập pháp năm 1951, dần dần bị thất bại. De Gaulle bắt buộc phải về hưu non trong 12 năm trời.

Ngày 13-4-1958 nhân vụ các phần tử thực dân phản động Pháp cướp chính quyền ở Algérie để ngăn không cho xứ này được độc lập, bộ hạ của De Gaulle âm mưu đưa ông tướng già về nắm chính

quyền. Sau khi thành công, De Gaulle lập ra nền Đệ Ngũ Cộng Hòa với một chính thể đại nghị, nhưng có một vị Tổng-thống nhiều quyền. Quyền hành của Tổng thống do Hiến pháp dành cho, thêm vào uy tín của người anh hùng dân tộc, De Gaulle tha hồ làm mưa làm gió trên đất Pháp. Tuy vậy ta cũng không thể coi De Gaulle là một nhà độc tài, vì những tự do căn bản của người công dân Pháp vẫn được tôn trọng và bảo vệ.

Đối thoại với dân

Một quá khứ lúc vẻ vang, lúc nhục nhằn như vậy, thêm vào một kiến thức vững chắc về sử học khiến De Gaulle có một quan niệm rõ rệt về chính quyền và về thế giới.

Về chính quyền trong nước, De Gaulle tin rằng phải có một cơ quan hành pháp mạnh để có thể chi phối được các cơ quan khác.

Về bản thân mình, De Gaulle cũng có một quan niệm cực kỳ đặc biệt. Ông tự coi ông là một người do Thượng Đế sai xuống để đưa nước Pháp tới hạnh phúc. Cái sứ mạng đó ông không bao giờ quên, vì vậy mà tuy tuổi ngày một cao ông còn cố nắm lấy chính quyền. Cách trị nước của ông rất là chuyên quyền, nhưng ông bất kể tới sự phản đối của một người nào hay một cơ quan nào. Khi muốn gì ông chỉ việc hỏi thẳng dân bằng trưng cầu dân ý là đủ. Ông khinh miệt những cơ quan trung gian giữa dân và ông. Ông chỉ cần đối thoại với dân thôi. Vì vậy mà ông luôn luôn đi nơi này nơi khác trong nước Pháp để giữ liên lạc với dân

chúng. Những ai ở trên đất Pháp đã từng được mục kích cảnh De Gaulle đi kinh lý đều mỉm cười khi thấy De Gaulle đi tới đâu có đông dân chúng là, bất kể mưa bão, hay sương tuyết, xuống xe bắt tay từng người một. Gặp một đám cưới, ông ra hôn cô dâu, khen ngợi chú rể. Gặp một lễ rửa tội, ông bỗng đứa bé và nhận làm bố đỡ đầu. Ông công nhận rằng ông là một gã si tình, mà người yêu của ông là đất Pháp.

Tự thần thánh hóa mình như vậy De Gaulle không thêm đề ý tới những sự kiện nhỏ nhặt hàng ngày, những cái danh giá hão. Khi Tổng Thống Pháp Vincent Auriol quyết định tặng thưởng quân công bội tinh cho ông và ba người anh hùng chiến thắng khác trong trận đệ-nhi thế-chiến là Churchill, Staline và Truman, ba vị này nhận và cảm ơn. Riêng De Gaulle gửi trả lại bội-tinh và nói rằng : « Tôi nghĩ Tổng thống-(Auriol) tưởng thưởng cho ba vị kia là rất phải. Riêng tôi, tôi không thể nhận huân-chương đó, vì tôi là cả nước Pháp, và nước Pháp không thể gán huân-chương cho mình ».

Năm 1962 khi bị tổ-chức quân-đội bí mật (O.A.S) mưu sát, De Gaulle vẫn ung dung ngồi trên xe mặt ngàng cao không thêm cúi xuống để tránh đạn.

Thuyết quân-bình

Tham vọng của De Gaulle không phải chỉ giới hạn trong sứ mạng chèo lái con thuyền Pháp-quốc tới hạnh-phúc mà thôi, ông còn muốn trao trả lại cho nước Pháp vai trò chính trên trường quốc-tế. Sau bao nhục nhã trong đệ nhị thế-chiến, ông buồn bã

thấy nước ông xuống dốc quá nhiều, ông nhất-định cứu-vãn uy-tín của nước ông, đề nâng Pháp lên hàng đầu các quốc-gia trên thế giới. Nhưng phương-tiện của ông và nước ông chỉ có hạn. Thời mà quân đội Pháp là hàng rào bảo-vệ an-ninh thế-giới đã hết, ông phải dùng ngoại-giao để tổ-chức lại thế-giới.

Từ năm 1945 De Gaulle nhận thấy rằng trên thế-giới chỉ còn có hai đại cường quốc là Mỹ và Nga mà thôi. Nhưng ông tiên đoán rằng sau khi chiến-thắng, hai quốc-gia này sẽ hục hặc cùng nhau. Ông muốn rằng lúc đó nước Pháp sẽ là trung-gian giàn xếp đôi bên, làm cái cầu liên-lạc hai khối. Vì vậy ông đã sang Nga vào tháng 12 năm 1945 để ký với Nga một minh-ước. Đó là chuyến-công du đầu tiên của ông ở ngoại quốc. De Gaulle hy vọng rằng ông sẽ ký với Anh với Mỹ những minh-ước tương tự, như vậy ông sẽ bảo-đảm được an-ninh nước ông và an ninh thế-giới.

Chính sách này thất bại vì sau khi Nga lan tràn ảnh hưởng ở Đông-Âu, Pháp bắt buộc gia-nhập Minh-Uớc Đại-Tây-Dương, thì Nga đơn-phương hủy-bỏ hiệp-ước đã ký với De Gaulle, Tuy vậy trở lại chính quyền năm 1958 De Gaulle lại tiếp tục mộng cũ. Với quan niệm ngoại-giao cổ-điển, De Gaulle thấy hòa-bình thế-giới chỉ có thể xây dựng trên một thế quân bình của nhiều lực-lượng, khi các lực-lượng này kiểm-chế lẫn nhau. Nếu trong thế-kỷ thứ 19 hệ-thống quân-bình Âu-châu (équilibre européen) được lập nên do hai lực lượng Anh Pháp kiểm chế lẫn nhau, nếu từ năm 1945 tới nay hai lực lượng Mỹ Nga tạo nên thế quân bình, thì hiện giờ thế quân bình này sẽ bị thay đổi

do sự xuất hiện của một Trung-Cộng lớn mạnh và gây hấn.

Trong tình-trạng này De Gaulle thấy cần phải lập ra một khối thứ ba đủ mạnh để đương đầu với Nga và với Mỹ. Khối đó sẽ là một Âu-Châu mạnh mẽ dưới sự hướng dẫn của nước Pháp và De Gaulle. Hiện thời khối này sẽ chỉ là vùng Tây-Âu gồm các nước trong thị trường chung mà thôi. Đến khi nào Trung-Cộng mạnh mẽ hẳn và cùng lúc phe Cộng sản tan rã (hiện-tượng này là hậu quả của hiện tượng trước) Nga sẽ tham dự vào khối Âu-Châu rộng lớn « từ Đại-tây-Dương tới núi Oural. » Sự đoàn kết của người da trắng trước đám « da vàng lúc nhúc » thế nào cũng sẽ thúc đẩy Nga-Sô gia-nhập hàng ngũ khối Âu-Châu do De Gaulle tổ chức. Khối này sẽ làm trọng tài trong cuộc đụng độ giữa Trung-Cộng và Mỹ.

Chuẩn bị tương lai.

Để chuẩn-bị tương lai, De Gaulle đã không ngần ngại thiết-lập liên lạc ngoại giao với Bắc Kinh và hy sinh ông bạn cố tri Tưởng-Giới-Thạch. Giai-đoạn sau, ông rút ra khỏi hàng ngũ Minh-Uớc Đại-Tây-Dương để tỏ là một nước độc-lập đối với Mỹ. Đến đây ta cũng nên đề-cập tới vấn đề hủy ước này của De Gaulle. Trái với nhận định trên BK.TĐ. số 224 (ngày 1-5-1966) việc rút lui khỏi minh-ước rất là hợp pháp, vì trong Minh-ước Đại-Tây-Dương có một ước khoản (điều thứ 12) ấn định rằng 10 năm sau, một quốc gia đồng ước có quyền đòi sửa đổi Minh ước và 20 năm sau thì có quyền đơn phương rút lui sau khi báo trước một

năm. Có điều đáng trách là De Gaulle đã quyết định rút lui trước khi Minh ước được hưởng thọ đủ 20 năm. Nhưng De Gaulle có thể nại có rằng từ năm 1959 tới giờ ông đòi sửa đổi mà không ai chịu nên ông mới phải rút lui như vậy.

Cùng một lúc, De Gaulle cũng đã cải tổ quân đội Pháp. Ông rút ngắn hạn quân dịch để người công dân Pháp có thể học kỹ-thuật, đào tạo kỹ-sư, ngõ hầu dùng vũ khí nguyên tử thay thế quân đội cò diều. Nếu ta đồng ý với ông Vũ Bảo rằng vũ khí nguyên tử Pháp không đủ để đối phó với hỏa tiễn nguyên tử của Nga, thì ta lại không đồng ý với ông về quan niệm chiến tranh của De Gaulle. Thật vậy, ông già De Gaulle không lỗi thời, mà trái lại ông còn đi trước thời đại của ông nữa, vì ông không tin tưởng vào cách bài binh bố trận lối cò xưa nữa. Trái lại hoài bão của ông là làm sao cho có đủ vũ khí nguyên tử tối tân. Nhưng nước Pháp quá nghèo làm sao mà bằng được Mỹ, Nga trong lãnh vực này. Vì vậy mà De Gaulle đành phải bỏ phòng thủ chung vì ông e rằng nếu còn ở trong Minh-Uớc Đại-Tây-Dương ông sẽ bị dính líu vào các cuộc đụng độ của hai đại-cường.

Ra khỏi khối Bắc Đại-Tây-Dương lại có lợi cho De Gaulle ở chỗ là biện pháp này tỏ ra rằng ông là một người hoàn toàn trung lập, sống chung vui vẻ với tất cả mọi người. Hơn nữa ông lại được tiếng từ trước tới giờ là người đã giải phóng cho Phi Châu. Vì vậy nhiều người coi ông là một vị lãnh đạo của đệ tam thế giới. Do đó mà De Gaulle lại thêm uy tín để thực hiện mộng lớn của ông.

Du-thuyết

Song song với những biện pháp trên, De Gaulle lại còn dùng một biện pháp bổ túc : đó là đi vòng quanh thế giới để mang miệng lưỡi Tô Tần thuyết phục từ Tổng-thống Eisenhower đến ông Chủ tịch Brejnev, từ các quốc trưởng Nam Mỹ tới cái nhà lãnh đạo Á-Phi. Vì vậy mà từ đầu nhiệm kỳ trước tới nay ông luôn luôn du lịch : qua Anh, qua Hoa-kỳ, qua Nam Mỹ và năm nay lại qua Nga Sô, và vừa đi thăm nhiều nước Á-Phi như Ethiopie và Cam-bốt v.v..

Hai chuyến công du năm nay lại quan trọng nhất. Hai chuyến này trước nhất đáp ứng những mục tiêu chính sách đối nội của De Gaulle. Thật vậy, De Gaulle mỗi ngày một già, ông biết rằng ông không thể cầm quyền mãi được, ông cần phải sửa soạn tương lai cho những người kế vị ông. Hơn nữa uy tín của ông đã có bề sút kém, năm ngoái khi ông ra ứng cử Tổng thống nhiệm kỳ hai, chỉ có 44% cử tri bầu cho ông, và kết quả là ông chỉ được đắc cử vào vòng thứ hai. Đối với một nhân vật lịch sử như ông đó là một thất bại. Hơn nữa sang năm 1967 sẽ có bầu Quốc-hội, ông muốn rằng đảng U.N.R. (Union pour la Nouvelle République) của ông sẽ lại là đa số thì mới thực hiện chính sách của ông được. Ông biết rằng tài ăn nói của ông bao giờ cũng được dân chúng tán thưởng, nhưng dân chúng Pháp nghe mãi cũng đâm ra chán những câu nói kiểu cách của ông, những dáng điệu tuồng của ông, nên ông bèn diễn xuất ở nước ngoài vậy. Mỗi khi ra ngoại quốc ông đều được dân chúng các nước hoan hô nhiệt liệt, và dân Pháp thấy Tổng - thống của mình được hoan

nghe như vậy tất cũng kiêu hãnh và vui thích, do đó ông sẽ lấy lại được ít nhiều uy-tín đã bị mòn mỏi trong nước.

Các cuộc công-du của De Gaulle lại còn đáp ứng những mục-tiêu đối-ngoại của ông là thực-hiện giấc mộng lớn : làm trung-gian giữa các khối để xây-dựng thế-giới ngày mai.

Muốn thành công mỹ mãn ông đã phải sửa soạn kỹ càng mỗi cuộc công du. Ông đọc những phúc-trình của tòa Đại-sứ Pháp về nước ông sắp đến viếng. Ông học phong tục của nước đó, rồi trong những bài diễn-văn thuộc lòng, lại còn thêm vào nhiều tiếng địa phương để lấy lòng quần chúng. Ông lại còn nghiên-cứu thân thế, sự nghiệp, gia-cảnh của các nhân vật mà ông sẽ gặp, khiến nhiều người rất ngạc nhiên và thích thú không hiểu tại sao De Gaulle lại biết rõ mình vừa sinh con trai hay mình vừa có cháu nội.

Năm nay, De Gaulle mở đầu bằng cuộc thăm viếng Nga-Sô từ 10 đến 20 tháng 6. Trước khi tới, ông đã cần-thận rút khỏi khối Bắc Đại-Tây-Dương để tỏ cho các nhà lãnh-đạo Nga biết rằng ông hoàn toàn độc-lập và trung-lập, không lệ thuộc ai.

Văn-chương Bossuet

Nga-Sô cũng cảm cái tình đó mà đón tiếp ông rất trọng thể, dành cho ông những vinh dự mà chưa có một nhân vật nào trên thế-giới được hưởng cả, nào đi thăm căn cứ nguyên-tử ở Sibérie, nào đứng nói ở nơi Lénine đã từng hô hào năm 1917 v.v... Nhưng De Gaulle dù sao cũng không phản bội khối tự-do vì ông không chịu thừa nhận Đông-Đức,

ông cũng không muốn ký một bản hiệp ước nào có tính cách quân sự với Nga cả. Trái lại với giọng hành văn cồ-kính của những người yêu chuộng Bossuet hay tiếng la tinh, De Gaulle cho biết rằng khi nào Nga còn có đầu óc gây hấn thì sự hiện-diện của Mỹ trên Âu-Châu còn cần thiết. Nếu coi De Gaulle là sứ giả hoà bình, thì cuộc công du của ông chưa có một kết quả cụ thể nào để cho hai khối Đông-Tây gần gũi nhau hơn. Sự mạng của ông chỉ mới chọc thủng bức màn sắt một kẽ hở để gió tự do có thể thổi vào sau này mà thôi. Nhưng dù sao đi nữa De Gaulle cũng trở về Ba-Lê với nụ cười mãn-nguyện: trong mười ngày trời ông đã chiếm hàng đầu của thời-sự thế-giới.

Cuộc công du thứ hai vừa được kết thúc. Tại sao De Gaulle lại chọn Éthiopie ? Đầu tiên ông muốn đáp-lễ Hoàng-đế Éthiopie, người bạn cố tri mà ông đã quen từ hồi đệ-nhi thế-chiến. Giữa hai kẻ đào vong, một nguồn cảm tình được khơi mở và Hailé Sélassié có đến thăm Ba Lê nhiều lần. Mặt khác Éthiopie là nước « láng giềng » của Pháp, vì Djibouti thuộc địa Pháp chỉ ở cạnh nước này sao ? Djibouti lại còn bị Cộng-Hoà Somalie đòi sát nhập đồng thời một vài phần-tử ở Éthiopie cũng muốn thôn tính Djibouti. Nhưng chính phủ Éthiopie cho rằng thà Pháp đô-hộ Djibouti còn hơn là để cho Cộng-Hoà Somalie thôn tính. Vì vậy De Gaulle muốn nối giây thân hữu với Éthiopie để củng cố địa vị của Pháp ở mảnh đất thuộc địa cuối cùng này.

Một lý do thứ hai của cuộc thăm viếng Éthiopie là tại thủ đô nước này là Addis-Abéba có trụ sở của

Tổ-chức Thống-nhất Phi-Châu (O.U.A.) mà De Gaulle lại tự coi mình như người giải phóng Phi-Châu. Sự có mặt của De Gaulle ở nơi này có thể thắt chặt thêm mối giây liên lạc giữa các nước Phi-Châu với Pháp.

Lý do thứ nữa là De Gaulle sắp cho nổ quả bom nguyên tử ở Polynésie, ông biết rằng chính-phủ Ethiopie rất ghét bom nguyên-tử, vì vậy mà ông còn đến đề trấn-an Ethiopie, đề chính-phủ này biết rằng bom của ông là đề «phụng-hòa bình» chứ không phải đề tiêu-diệt nhân-loại. Sau khi thuyết phục hoàng-đế Ethiopie xong De Gaulle sẽ thành thoi bay sang Polynésie chủ tọa cuộc nổ bom nguyên tử, vì nếu H. Sélassié ưng thuận, là ông coi rằng đã có khối Phi-Châu đứng sau ông. Khốn một nỗi là khi ông ghé ở Djibouti lại có cuộc tranh-thủ độc-lập bất ngờ của dân chúng địa phương khiến cho hào-quang của ông bị lu mờ đôi chút.

Đề-nghị một chiều

Nhưng sang tới Nam-Vang hào quang của ông lại rực rỡ lại ngay vì ông hoàng Sihanouk người bạn chí thân của Pháp đích thân tổ chức cuộc đón tiếp long-trọng đề thần-thánh-hóa ông. Trước hàng vạn dân Cam-bốt, De Gaulle đã tha hồ thi thố tài biện-thuyết. Ông dùng nước bạn này đề châm chọc Mỹ vì ông biết rằng ở nơi đây mỗi lời của ông đều được tán thưởng ngay khi nói ra, mỗi cử chỉ của ông đều được hoan hô nhiệt liệt. Hơn nữa Cam-bốt ở ngay sát Việt-Nam, mà ông thì lại chống chiến-tranh ở Việt-Nam. Vì vậy ông đề nghị là Mỹ rút khỏi Việt-Nam cũng như Pháp đã rút khỏi Algérie năm 1962, đề cho dân Việt-Nam tự quyết. Ông quên rằng chiến tranh Algérie là một chiến tranh thuộc địa để duy trì ảnh

hưởng của một triệu dân Pháp ở Algérie trong khi ở Việt-Nam là một chiến tranh chống Cộng. Ông cảm hận Mỹ đã thay thế Pháp ở Việt-Nam, nhưng ông quên rằng Pháp bỏ ra đi chỉ vì Pháp thất trận. Nhưng dù sao đi nữa ông cũng muốn chấm dứt chiến tranh ở Việt-Nam bằng cách... bắt Mỹ rút lui (!) để sau đó trung lập hóa Việt Nam và các quốc gia Đông Nam-Á. Khu trung-lập này sẽ tăng cường khối Âu-Châu độc-lập «từ Đại Tây Dương tới núi Oural» và sau đó vị lãnh tụ De Gaulle sẽ là người trung-gian hòa-giải giữa Mỹ và Trung Cộng. Ông dùng lãnh thổ Cam-bốt đề đề-nghị giải-pháp của ông cho thế giới biết rằng đây là thuộc địa cũ của Pháp mà không những không ghét Pháp lại còn đón tiếp Tổng Thống Pháp nồng hậu nữa.

Trong khi đòi Mỹ rút quân, ông De Gaulle lại không đòi hỏi gì Trung-Cộng cả, vì thế mà các báo đã gọi đề-nghị của ông là đề-nghị một chiều, và vị-trí «trung lập» của Pháp không còn nữa.

Cuộc công du sau chót của tướng De Gaulle đã được coi như không có nhiều kết quả xây dựng trên bình diện quốc-tế. Những lời nói của ông nghe ngọt dịu chỉ làm mê hoặc cử tọa nhất thời. Khi ông ra đi, khi người ta cuốn cờ cất biển, thì những người nghe ông nói lại quên ngay. Ông quen lối trị nước bằng lời nói, nhưng trong quốc nội những lời nói của ông còn có giá trị, vì nó đi đôi với quyền-lực của ông. Ở ngoại quốc người ta nghe ông xong thường nhún vai mà cho rằng mộng của ông đã quá lớn so với phương-tiện của ông. Và người ta tự hỏi tới bao giờ giấc mơ vĩ đại của ông mới hội đủ điều kiện để thực hiện?

TỪ TRÍ

• TRỊNH-KHẢ-NGUYỄN

NHỮNG NGƯỜI Ở LẠI

TRUYỆN NGẮN

Mỗi lần đi ngang qua chiếc gương tôi không quên dừng lại quan sát nét mặt chính mình, sửa vài sợi tóc nằm lệch đường ngôi, nặn vài hạt mụn ở gò má. Chứng ấy công việc nhưng lần nào tôi cũng tần ngần trước những chiếc gương nhỏ mắc ở nếp phen cạnh bàn nước khoảng mười lăm phút. Công việc ấy nếu là một nhu cầu thiết yếu thì chả nói làm gì, nhưng đó là một sự điểm trang thì quả là thừa đối với tôi, một đứa con trai, lại thừa hơn nữa khi người ta ở vào chốn này, bởi có điểm trang hay không cũng đều vô ích. Song có lẽ vì thế mà tôi dùng thì giờ vào những việc tần mẩn ấy một cách chu đáo, bởi thì giờ ở đây quá thừa và trở thành dài quá.

Tôi đến đây gần một năm, hiện trọ nhà một người bạn. Tôi rất thích cái khung cảnh nhỏ bé dung dị này vì nó không làm tôi phải bận rộn về thứ này thứ nọ. Nhưng tôi cảm thấy rằng chính sự hiền từ, êm ả của nó mà hầu như người ta đang quên rằng tại đây hiện vẫn có sự sinh hoạt. Cho nên tôi cũng chẳng muốn xin về thị trấn, mà dù có xin, tôi tin cũng không được về và chuyện đó càng làm cho mình đâm ra chán ngán thấy như bị quên thật sự. Về thành thì đông đúc náo nhiệt nhưng riêng tôi chẳng làm được gì hơn để góp vào cái đông đúc ấy và cũng chẳng làm sao chia sẻ được cái vui của thiên hạ. Tôi nghỉ thôi thủ phận ở đây vậy. Thỉnh thoảng xuống phố một lượt để dạo chơi, uống ly cà phê, mua vài tạp chí có lẽ thú nhiều.

Ngày nhận « Sự vụ lệnh » đến dạy ở đây, Lạc-thiện, tôi chẳng buồn mà cũng chẳng vui chỉ một việc chuẩn bị khăn gói lên đường. Mặc dù nghe tên Lạc-thiện từ lâu nhưng chưa bao giờ đến đó, vì vậy tôi định ninh rằng Lạc thiện là một thực tại trái ngược với tên gọi. Cho nên lúc gặp anh em ở văn-phòng Ty Tiểu học tôi đùa: « Thăng nào có phúc đi xa, thăng nào vô phúc nằm quanh quần vùng này ». Bọn giáo viên chúng nó công nhận điều đó đúng một phần. Riêng với tôi gần như đúng hẳn. Nhận « Sự vụ lệnh » buổi mai, nghỉ buổi trưa, chiều sửa soạn đề sáng hôm sau lên xe đò Lạc thiện đến nhiệm sở mới. Hành trang chỉ vồn vện một chiếc xắc Air Việt nam đựng một hộp thuốc đánh răng, một chiếc bàn chải, một chiếc

khăn mặt, hai cái quần lót, hai may ô, một bộ đồ ngủ và một cặp Nylfranc-Tergal cũ nhất. Tôi không quên mua thêm vài chục gói Ruby để phòng hờ. Tôi nghĩ hành trang càng ít, càng gọn, càng tiện và giả dụ có mất đi cũng không tiếc mấy. Tôi bỏ theo chiếc xe đạp vì biết rằng ở nhà quê phương tiện đi lại nhanh chóng, giản dị là xe đạp. Lại nữa ngoài xe đạp tôi cũng chẳng còn xe gì khác.

Buổi mai khởi hành, điềm tâm xong, tôi đến bến xe đò. Xe đã gần đầy, những chiếc khác thì cũng vừa chạy hoặc còn trống trơn. Tiếng hành khách léo xéo trên xe, hầu hết là đàn bà, có người cãi lộn vì tranh nhau chỗ ngồi, có người gặp nhau chào hỏi, có người than xe quá chật mà tài xế ham chờ cho đông. Thỉnh thoảng có người giục : « Chạy đi, chết mẹ hết mấy đứa nhỏ » Bằng ấy âm thanh làm tôi tần ngần giây lát và có thất vọng ít nhiều. Nhưng cũng phải đi, tôi bảo anh lơ xe :

— Cột hộ xe đạp tí anh !

— Đi đâu? Lạc-thiện hả ?

— Chứ còn đâu nữa ! ?

— Ừ, đưa lên.

Bấy giờ tôi mới kịp nhìn trên trần xe, thôi thì đủ thứ: gánh gồng, cá mắm, thùng bông, gói đùm... đủ các thứ ấy tuy có xếp đặt sít sao nhưng cũng đã chiếm hết trần xe còn vồng lên nữa. Khi lên xe thì không còn một chỗ ở bên trong, dù để đứng. Tôi phải bu ở tấm ván mắc làm bục lên xuống sau xe. Có lẽ như thế mà hơn vì còn được chút thông thả khỏi ngửi mùi mồ hôi, mùi thuốc và hơi người. Sau tôi một vài người lính nữa lên. Xe chạy.

Khởi hành trong đêm là điều tôi thích nhất. Lúc đó chưa đến 6 giờ nhưng tôi tưởng như nửa đêm. Cảm giác này làm tôi thấy càng dễ chịu hơn. Gió lạnh lạnh, quang cảnh ở bến xe đông nhưng cái đông tẻ lạnh. Những bóng điện đỏ ánh sáng vàng vọt xuống mặt đường. Cái thứ ánh sáng lơ mờ, hết hơi tôi bại ấy không đủ soi sáng cả bến xe cho nên hầu hết nằm trong bóng tối nhiều hơn ngoài ánh sáng. Tôi cũng lại quen thuộc cả với thứ ánh sáng công cộng này ở những bến xe đò, cho nên cảm thấy một cái gì êm êm dễ chịu. Khi xe nổ máy một vệt đèn pha chiếu thẳng tới đằng trước làm rõ những trứng ồ gà. Tiếng vô số nghe cọt cọt, chiếc xe ự ự rồi tiến ra ngoài lộ. Tôi bỏ lại đằng sau thành phố đang ngủ và bến xe. Tất cả những cái đó chẳng liên quan gì đến tôi cả. Dù có nó hay không với tôi cũng là sự đứng đưng. Nhưng nếu tôi không đi Lạc-thiện thì cả là chuyện phiền phức.

Chiếc xe khi chạy khi dừng và bỏ xa thành phố độ bảy cây số thì trời sáng rõ. Lúc ấy tôi mới thấy rằng thùng xe chỉ vồn vện có hai cái bàn dài kê sát hai bên thành, giữa một chiếc banc đôi nhưng ngăn bằng phân nửa hai chiếc hai bên. Xe bắt đầu lên đèo thì mặt trời mọc. Đường đèo không rải nhựa vì trước đây là con đường chiến lược xuyên sơn Pháp làm cho có đề chạy tiếp tế, chở quân tiếp viện. Đường xuyên sơn nên toàn bằng đá đỏ, thứ đá núi có sẵn, lâu ngày không được tu bổ nên

gồ ghề. Lại không có mương tháo nước nên nhiều đoạn lở loét, Chiếc xe lên xuống lắc lư nên mọi người bám chặt vào xe. Tôi phải nhờ một bà ngồi trong giũ hộ chiếc «sac». Bà ta đón chiếc «sac» một cách vui vẻ và hỏi :

— Em về nhà hay đi đâu mà mang đồ nặng thế này ?

Tôi định trả lời theo câu hỏi nhưng thấy không tiện nên nói thật là tôi đi dạy ở Lạc-thiện và đây là lần đầu tôi tới Lạc-thiện, Bà nhìn tôi với cặp mắt ái ngại nhưng ít nhiều khâm phục. Tôi nhìn xung quanh và lấy thuốc ra châm lửa hút.

oOo

Trường Lạc thiện cách bến xe đò non ba cây số, tôi đến trước giờ học sinh vào lớp. Giáo viên chưa đủ mặt và ông Hiệu trưởng cũng chưa đến. Dựa xe vào sát hiên trường tôi vẫn đề nguyên chiếc «sac» trên chiếc «póc ba ga». Tôi sửa soạn lại cặp đồ đang bận cho tử tế hơn rồi thông thả bước lên thềm trường. Một ông giáo cao tuổi hơn tôi chạy lại đón đả chào tôi, hình như linh tính báo cho ông biết tôi đến đây đề chia sẻ chịu đựng với ông ta. Cử chỉ thân mật ấy tôi không ngạc nhiên mà thêm ái ngại. Sau mấy câu xã giao thông thường ông ta đưa tôi đi xem trường một lượt. Chúng tôi đi dọc theo hiên trước chứ không vào phòng nào cả. Trường có năm lớp từ lớp Năm đến lớp Nhất, khi đứng trước cửa lớn mỗi lớp ông giáo bảo : « Đây là lớp... », sự giới thiệu như thế thật quả chẳng ích gì. Hơn nữa tôi có thể biết phòng nào dành cho lớp nào dễ dàng nhờ có tấm bảng đính trên khung cửa. Nhưng tôi vẫn lặng lẽ đi bên ông giáo suốt từ đầu này đến đầu kia. Trường tuy có năm lớp nhưng đến sáu phòng. Phòng đầu hồi không lợp ngói như năm phòng trước mà lợp tôn. Tường chưa được tô láng và quét nước vôi. Ông giáo cho tôi biết đây là văn phòng và giải thích tại sao lại chọn phòng tôn xấu xí này làm văn phòng. Chả là trước đây trường chỉ có năm lớp, phòng lớp nhất của ông Hiệu-trưởng cũng là văn-phòng. Như thế quá bất tiện. Ông Hiệu-trưởng đề nghị với Phân hội phụ huynh học sinh xây thêm một phòng nữa. Qua một năm trời đôn đốc thúc đẩy nó mới đứng lên tạm như thế. Hỏi tại sao không chọn một phòng tử tế hơn đề làm văn-phòng. Ông giáo cho tôi biết là nếu bắt học sinh ngồi phòng tôn thì sợ nóng chúng tội nghiệp. Còn mình thì ít ở trong văn phòng nên thế nào cũng được miễn có chỗ cất giữ đồ đạc, ngồi nghỉ thì thôi Ông giáo có lý vô cùng. Tôi cũng lại quen quá với kiểu văn phòng như thế này nên không khó chịu tí nào. Một cái tủ lớn tôi biết chắc là đề hồ sơ học sinh và hai quyển « công văn đi », một bàn giấy của ông Hiệu-trưởng chẳng mấy tử tế. Còn giữa là hai chiếc bàn học trò kê sát vào nhau và hai chiếc ghế dài đề hai bên là chỗ nghỉ của giáo viên. Trên tường có một vài câu châm ngôn ngôn ngữ cũ mèm, giấy thủ công đã long lở đôi khi chỉ đề lại nét chữ cho người đọc dễ nhận ra mà thôi. Ông giáo dường như cũng biết nên không bao giờ hỏi cảm tưởng của tôi. Nhưng chỉ phàn nàn nhẹ nhàng :

— Ở đây lắm lúc cũng sướng mà nhiều khi cũng khổ anh nghe.

— Dạ tôi cũng đã từng.,,

— Chứ trước đây dạy thế nào ?

— Ông Hiệu-trưởng dạy lớp Nhất, ông Tấn dạy lớp Nhì kiêm Ba, tôi lớp Tư kiêm Năm.

Tôi yên lặng, vì chẳng lạ gì tình trạng này, lấy thuốc ra mời ông ta hút. Cầm điều thuốc vừa gõ vào vỏ hộp quẹt ông vừa nói :

— Chẳng biết ở Ty người ta làm ăn ra sao, trừ ông Hiệu trưởng ra còn bọn tôi đứa nào cũng ở đây hơn hai năm cả. Năm nào cũng làm đơn xin đổi nhưng rồi đâu vẫn hoàn đấy. Ghét quá, hè rồi tôi không làm đơn xin đổi nữa. Có làm cũng thế thôi. Kệ xác, bao giờ dạy không được thì về Ty nằm. Từ ông Ty đến mấy ông Thanh tra có bao giờ lại viếng đây đâu, hân mấy ông ấy cho đây là vùng ghê gớm lắm, tới tắt nguy hiểm. Còn bọn này thì sao ? !

Tôi nói :

— Tôi sướng hơn mấy ông, không xin mà được đổi. Năm rồi tôi dạy ở Phúc-châu, gần hè trường bị đóng cửa thế là về nghỉ luôn. Trường Phúc-châu cũng như trường này thôi nhưng được cái là có đủ giáo viên.

— Khi gì, nửa năm đầu năm còn kha khá có được bốn giáo viên. Nhưng khi ông Phan có lệnh gọi là coi như ông ấy thôi luôn, mặc dù mới đi cách đây non tháng. Ông Hiệu trưởng có về Ty xin giáo viên điền khuyết nhưng trông mỗi mắt chả thấy tấm hơi gì. Tức mình quá ông ta cũng chẳng thêm trình triết gì ráo.

Ông ta tiếp :

— Ở vào cảnh như thế này mới biết. Trông có người nào đến cho vui, vì thế có thêm ai là tội tôi mừng lắm anh ơi.

oOo

Tiếng thẳng xe làm chúng tôi quay lại thì ông Hiệu-trưởng đến, tôi được giới thiệu và cả ba đi vào văn phòng.

Tôi định trình «Sự vụ lệnh» của Ty nhưng ông ta can trước :

— Ở đây phải thông cảm nhau hết mình thế mới hợp đạo. Không ai kiểm soát mình cả thì mình tự kiểm soát. Giấy tờ có ăn thua gì đâu. Anh chưa biết bọn tôi nhưng chắc biết anh sẵn sàng đón nhận...

Vừa hết câu thì một giáo viên nữa cũng đến. Tôi lại được giới thiệu lần chót. Ông Hiệu-trưởng đề nghị tôi dạy lớp Nhì. Không mà cả tôi nhận ngay. Sau giờ vào học ông Hiệu-trưởng đưa tôi tới lớp Nhì và cho học sinh biết là tôi phụ trách bọn chúng. Chúng không đón tôi bằng những tràng pháo tay mà bằng những bộ mặt thản nhiên. Tôi cũng thế. Trước đây tôi định nói với chúng ít lời nhưng nay bỏ ý định ấy vì biết rằng những lời của tôi cũng như con người của tôi đều không được đón nhận nồng nhiệt.

Cuộc sống ở đây có lẽ không quen hân hạnh đón những cái mới mà chỉ luyến tiếc

cái cũ. Ở thành phố thì trái lại. Tất cả là thời trang. Thích những gì chột đến, chột đi làm cho cuộc sống thay đổi để khỏi có cảm giác đều đều trống rỗng. Cuộc sống ở đây có vẻ dò xét, thân tình đo bằng thời gian. Cả hai cuộc sống ấy tôi chưa kịp làm quen và có lẽ còn lâu mới thích hợp nổi. Duy có điều làm sao khi tôi đi, học trò tôi cũng còn thương tiếc. Không nói gì cho nên sau lời giới thiệu của ông Hiệu trưởng tôi mở sổ điểm danh rồi viết bài lên bảng, rồi giảng, rồi chép tuần tự theo thời khóa biểu.

Trong khi học trò lúi húi chép bài tôi đứng nhìn mấy mươi cái đầu ngẩng lên cúi xuống không đều đặn. Chừng ấy học trò bạn gần như một thứ đồ : quần đùi đen áo cụt đen. Thỉnh thoảng mới có vài cái áo màu. Con gái chẳng đứa nào uốn tóc cả. Hầu hết là để lòa xòa hay kẹp túm đằng sau. Tôi không ngờ tôi lại làm quen với những bộ mặt này. Và nếu chúng suy nghĩ thì chúng cũng không ngờ lại nhận tôi làm mẫu người một cách bình thản đến thế. Nhưng rồi đây hẳn có nhiều chuyện không ngờ khác... chẳng hạn tôi đi đến một vùng xa xăm chưa nghe tiếng tăm bao giờ và chấp nhận một cuộc sống khác. Rồi đây tôi có thể gặp một người con gái tôi yêu, hỏi làm vợ, gia đình sau này của tôi sẽ được hạnh phúc hay có thể cuộc đời như chừng bị phá ngang. Thật là chuyện đầu đầu, duy có điều cấp trên tôi cũng có quyền góp thành cái huyền bí của cuộc đời tôi. Những ý nghĩ vụn vặt ấy chỉ là một cách tiêu khiển của trí óc trong lúc nhàn rỗi.

oOo

Buổi trưa hôm đó tôi theo Tấn về nhà, vì chưa vợ nên lối sống của Tấn dễ làm tôi hòa điệu. Căn nhà nho nhỏ, có được ít sách. Tôi thấy nhập vào đây cũng tiện. Một ít sách vở và chiếc Radio để giải trí, tôi vốn cũng chẳng mong gì hơn nữa. Tấn nói ở vùng này trước đây hơi mất an ninh. Tối lại bọn chúng có vẻ phát thanh rải truyền đơn. Mỗi lần như vậy đồng bào hứng chịu mấy quả đại bác từ trên Quận. Nhưng nay có đỡ nhiều rồi. Tuy thế nhìn thấy chiếc hầm quá kiên cố ở cạnh nhà, tôi cũng không mấy tin tưởng. Tấn bảo :

— Khi nào mình chết cậu mới chết.

— Nói thế chứ mình còn lạ gì những tình cảnh như thế này, mình đã đi mấy chỗ khác nhiều khi ngủ hầm gần trọn đêm.

— Thế khi đến trường mình cậu nghĩ thế nào ?

— Mình chả nghĩ thế nào cả, hay đúng hơn mình đã nghĩ đến trước rồi nên bắt gặp mình tự nhiên vậy thôi.

Tôi nói thế bởi kinh nghiệm cho biết rằng nếu mình hy vọng ở nó quá thì khi đứng trước chính nó mình mới bật ngửa : Lần mới ra trường vì quá lạc quan mà tôi vỡ lẽ. Chả là khi ấy được «Sự vụ lệnh» đi Như-triều. Tôi ngờ ngác không biết Như Triều nằm ở đâu. Tìm trên bản đồ hồi lâu tôi mới xác định được vị trí của trường. Trường cách xa đường xe chạy độ hai cây số. Tôi yên trí là nó không đến nổi nào, ít ra cũng có được năm lớp, học trò ngoan ngoãn, ăn mặc sạch

sẽ, giáo viên đủ cả, ngoài ra còn có giếng nước, hàng phượng ở sân. Những mơ ước ấy có gì quá đâu. Thế mà khi đến trường mình mới ngao ngán làm sao, nước vôi thì y như quét hồi trường mới làm, trường thì lờ lói vì đạn đục phá và đầy những khẩu hiệu của hai bên. Cửa cánh mở được, cánh không. Bàn ghế học trò đủ thứ, đủ kiểu, ít có cái còn nguyên vẹn chắc chắn. Bàn của giáo viên còn tệ hơn nữa. Toàn trường chỉ có một chiếc tủ mít để ở lớp nhất. Tôi làm hiệu trưởng cho nên sau khi bàn giao mới ngàn người: Không ngờ hôm nay tôi lại điều khiển một cơ quan có sứ mạng cao cả mà thực trạng thì nát bét như thế này. Tôi muốn bật cười. Rồi đây tôi phải làm gì với chức vụ và thực trạng này. Sau giờ chào cờ tôi nói với học sinh đại khái là tôi hân hạnh được đến đây làm quen và chia sẻ buồn vui với bọn chúng.

oOo

Sau bữa cơm chiều cả hai chúng tôi ra ngồi trước hiên nói chuyện. Tấn hỏi tôi chơi đàn được không. Tôi bảo chưa hề chơi đàn bao giờ. Tấn mang chiếc guitare mới mua ra đánh cho tôi nghe, tôi hát phụ họa nhưng đứt quãng vì không thuộc hết lời ca "quê hương tôi có con sông đào xinh xắn....." Tôi man mác thấy quê hương mình như ở đâu đây: trong bản nhạc, trong lời ca, ngay chỗ tôi đang ngồi này và còn bao nhiêu nơi khác nữa mà có lẽ tôi sẽ trở về.

TRINH KHẢ NGUYỄN

André Maurois mới vừa xuất bản cuốn: « *Lettre ouverte à un jeune homme sur la conduite de la vie* » (Lá thư ngỏ gửi một thanh niên về cách ở đời). Người ta cho rằng không ai trẻ được bằng A. Maurois. Vào cái tuổi mà Victor Hugo viết về « nghệ thuật làm ông nội » thì A. Maurois dạy thanh niên về « nghệ thuật sống trẻ ».

Chính nhà văn luôn luôn theo sát thời đại ấy đã viết ra cuốn:

CÁC TRÀO-LƯU LỚN CỦA TƯ-TƯỞNG HIỆN-ĐẠI

bản Việt-văn do THỜI MỚI vừa in lại lần thứ ba **Giá 24\$**

Tìm đọc sách của nhà xuất bản SÁNG-TẠO

Ba tác phẩm của Doãn Quốc Sỹ

- ★ BA SINH HƯƠNG LỬA (ấn bản mới)
- ★ DÒNG SÔNG ĐỊNH MỆNH (ấn bản mới)
- ★ NHỮNG NGÃ SÔNG (truyện dài)

Hai tác phẩm của Trần Thanh Hiệp

- ★ VÀO ĐỜI (thơ)
- ★ NGÀY CŨ (tập truyện)

Quê tôi nơi nào ?

bút ký của Đặc Hưng (2)

Đêm nghe tiếng đại-bác

Buổi chiều thứ bảy thật đẹp trời. Những con mây từ các nơi chụm về kết hình trên bầu trời Phú-Yên. Và cơn gió nam hừng hực đã tắt từ ngoài dãy núi xa.

Anh bạn bỏ quyền chưởng xuống đất, ngừng nhìn trời rồi há miệng ngáp một hơi dài, ngán ngẩm như con mãnh hổ nằm đã quá lâu trong cũi nhớ nơi núi rộng, sông dài. Rồi đột ngột anh rủ tôi đi xem đá bóng. Hôm nay tại nó tổ chức giải cộng hòa cấp tỉnh để tuyển chọn nhân tài tham dự cấp vùng, chắc phải xôm. Tôi hỏi anh, phong trào thể thao bây giờ ra sao. Anh cười khì, chết ngắc từ lâu. Cả tỉnh chỉ còn một đội banh của Ty Cảnh sát, thỉnh thoảng lại quần nhau giao hữu với mấy anh Đại Hàn.

Chúng tôi tới sân vận động. Đó là một mảnh đất trống, nằm giữa những con đường và nhà cửa, giống như manh chiếu trải trên nền nhà. Xung quanh sân loáng thoáng đã có vài chục người, đứng từng tùm trong bóng những hiên xe hơi xe lambratta

ba bánh. Ở trên khán đài, ông Chủ tịch Hội đồng Tỉnh đang cười nói với ông Chủ tịch Khu vực Ủy hội thể thao thật tưng bừng. Hình như kỳ này ông ra ứng cử quốc hội lập hiến. Xung quanh ông còn tới sáu bảy chiếc ghế chưa có ai tới để ngồi, tuy rằng ban tổ chức chỉ kê có chừng 10 cái, và chia làm 2 dãy. Đặc biệt là có nhiều anh mặc đồ bà ba đen, thẳng nếp, chải đầu tén, đeo kính trắng và kính đen loại của Mỹ, trông quê không ra quê, tỉnh không ra tỉnh. Họ bảo là những anh lính biệt-chính.

Một lát sau, trận banh được khai mạc. Trong lúc ra chụp ảnh kỷ niệm, thấy 1 nhân vật lạ, đứng hấp háy cười trong đám cầu thủ. Hỏi ra mới biết là ông thanh tra của Bộ Thanh niên ! Ông ra đây để dự giải này chăng ? Đây là trận banh duy nhất tranh giải cộng hòa, gồm đội cầu của Ty Cảnh sát và của Quân cụ. Bên Ty cảnh sát thì có vẻ đều đặn hơn vì họ có ăn lương tháng, nhưng đội cầu quân cụ thì hầu hết là học sinh mấy trường hợp lại, với vài anh lính thiết dấn dặt, bảo trợ. Có lẽ vì thế nên trận cầu thật huyền ảo. Tôi hỏi anh bạn

— Năm trước khá lắm mà sao giờ tôi quá vậy ?

Một người đứng bên lại trả lời thay :

— Thời buổi này mà ông. Ai ở không mà đi tập banh.

Một người khác, có tuổi, tiếp :

— Ở dưới tôi tụi nó vẫn tập diết lắm chứ.

— Tập thể thao những nhứt chóng đói lắm.

Thế là câu nói vô tình của tôi trở thành đề tài cho một đám khán giả thảo luận, vì thừa thì giờ xem banh. Tôi chợt để ý nhìn ra phía lộ, ở đó vừa có 2 chiếc xe díp đậu lại.

nhìn rõ những người lính Đại-Hàn vừa vội vã bước xuống. Tiếng thì thầm cùng một lúc :

— Tướng Lee.

Tôi chưa kịp hỏi lại thì vị võ quan cao lớn, có tuổi đã vụt ngang qua chỗ tôi đứng. Ông ta lên thẳng khán đài. Lúc bấy giờ những người anh em mặc bà ba đen ngồi hết mọi ghế trống. Một vị sĩ quan Đại-Hàn hình như đang thương lượng ở hàng ghế sau lấy một chiếc ghế, rồi kéo lên, đặt vào khe hở của hàng ghế trên và mời vị tướng thượng cấp ngồi. Còn những sĩ quan khách đã ngồi xuống

bực gỗ, lẫn với đám con nít đang reo hò cổ vũ cho đoàn cầu quân-cụ. Anh bạn giải thích khi tôi còn ngăm nhìn vị tướng Đại-Hàn :

— Ở đây ai cũng biết mặt tướng Lee hết. Và ai muốn nói chuyện với ông cũng được. Thật bình dị. Nhưng mà có mắt tí le nào đâu.

— Sao ông ta tới coi đá banh ?

— Lính Đại-Hàn ham đá banh lắm. Thịnh thoàng họ mời mình giao đấu. Họ đá thật lịch-sự, không hề sảy ra xô sát dù rằng thắng hay bại.

Trận cầu sang hiệp nhì với tỷ số huề nhau. Khi tái đấu, đã xảy ra cuộc xung đột ngay khi lâm trận. Cầu thủ quân cụ chạy theo cầu thủ cảnh sát, chẳng may vấp té, chảy máu mũi. Anh này được đồng bọn la là bị chơi xấu.

Trẻ con ủa ra sân. Mấy ông trên khán đài ngồi rung đùi cười, kệ họ, đã có trọng-tài rồi. Và rồi trận cầu được tiếp tục, trong khi anh bạn bị thương được đưa lên ngồi xe dogde đi nhà thương. Chiếc xe phóng ngang sân banh, khiến cầu thủ chạy dạt. Sau đó, một cầu thủ cởi giầy, không thèm đuổi theo banh, đứng nhìn đồng bọn như khách bàng quan. Vài phút sau, một người khác cũng tuột bỏ giầy, nằm bò trên bãi chơi. Vài phút sau, một anh khác tà tà đi ra ngoài ngồi với khán giả.

Trời đã hết nắng. Mây bay xuống và nặng nề. Tôi tự hỏi chả lẽ lại mưa vào

mùa gió nam? Nhưng biết đâu, thời buổi này còn gì là định luật. Tôi muốn rủ anh bạn ra về vì ở lại định xem gì thêm của nền thể thao này. Nhưng anh bạn tôi mãi nói chuyện với mấy người bạn khác, trẻ tuổi. Chắc là những giáo sư trung học công, thì ra họ đang cắm trại với nhau trong sân trường Nguyễn-Huệ. Chỉ có 2 chiếc lều vải. Một vài màu áo qua lại, mà bình thường người ta nghĩ có lẽ không phải là nữ-sinh.

Vừa lúc ấy, chiếc dogde trở lại, chạy xéo qua sân banh, vào đậu gần nơi khán đài. Anh bạn bạn này đã được bôi ít thuốc đỏ ở mắt. Anh nhảy xuống xe nhanh nhẹn, và liền tức thì; dơ tay dơ chân tả lại cho mấy anh khác, có lẽ những chi tiết của vụ anh bị thương. Trận cầu kết thúc, phần thắng cho cảnh-sát.

Thành ra chúng tôi ngồi gần một mình. Chờ đến chập tối, lại khoác áo ra tiệm cơm. Ăn xong, anh bạn đưa tôi lên vườn hoa, thăm khu chợ Mỹ. Khi gần tới, tôi đã nhìn thấy những cụm ánh sáng đỏ hiền từ của những cây nến dưới tùm cây công-viên và bóng tối. Tôi kêu lên, trông đẹp như Phật đàn trên sông Hương, cậu ơi. Ở đây, không ngờ nhiều hàng thế. Muốn gì cũng có và có nhiều. Những hàng nọ nối hàng kia, quanh co theo các lối đi trong công-viên.

— Đồ ở đây rẻ lắm. Ai cũng hút thuốc lá Mỹ hết. Thành thử cụ nào quá bộ ngậm Ruby hay Bastos là các cụ sang đấy.

— Đồ này bán tự do?

— Nhất định.

Chúng tôi ngồi xuống, nói chuyện với một cô hàng trẻ tuổi. Tôi hỏi:

— Cô mua hàng này ở đâu?

— Ở bên Hiếu-Xương.

— Mỹ hay Đại-Hàn bán?

— Cả hai, nhưng Đại-Hàn nhiều hơn. Họ đổi lấy hàng của mình, như ớt, rau, hành...

— Vậy thì lãi nhiều lắm nhỉ?

— Lãi gì. Đại-Hàn nó khôn thấy mồ. Y như mình chó không như Mỹ đâu.

Anh bạn tôi giả lả như quen biết, nói:

— Hôm nào nhờ em mua hộ anh một món đồ Mỹ nhé.

— Mua gì?

— Mua cái áo quan đó. Xem cái áo quan của Mỹ ra làm sao, năm có sướng hơn không.

Cô gái cười khinh khích, lấy tay áo che mồm để lợm mỗi đôi mắt nòng nân ánh nển :

— Nói gì kỳ cục.

Tôi mua được mấy hộp thuốc Salem, với giá 200 đồng một hộp. Đó là loại có mấy hàng chữ, chứ nếu là loại có hình tam giác thì rẻ hơn một chục. Tôi cũng không hiểu hai thứ khác nhau ra sao, nhưng chả nhẽ lại lấy thứ được trừ tiền? Rồi hai đứa lang thang trong phố, nói chuyện nhảm về thời cuộc. Qua một vài Snack bar, không thấy nhộn nhịp lắm. Một lát sau, bỗng có người quen, chạy theo, réo tên tôi. Thì ra một anh bạn trước kia làm ở Đài phát thanh.

— Sao? Dạo này còn làm nơi cũ nữa không?

— Em đô biệt-chính rồi.

Tôi chợt sững người nhìn cách phục sức của anh.

— Đi đâu mà ăn diện quá trời thế này?

— Tụi em đi chơi nhạc cho cái ba của

— Này, có mục gì trên đó?

Tiếng nói thản nhiên:

— Không. Thường vẫn tổ-chức nhầy đấy chứ. Ban nhạc biệt-chính phải đàn và kiếm người hát giúp vui. Có cả Mỹ, Đại-Hàn và các ông lớn, đông lắm.

Tôi nhắc lại :

...?

Vừa nói chuyện, tụi tôi vừa đi, nên thoáng đã tới con đường Tý Công chính. Một dãy xe hơi đậu ngoài lề đường. Anh bạn biệt chính, chỉ từng cái,

Tôi nhìn vào trong khu nhà. Ánh sáng đã tràn ngập. Và tiếng nhạc đã dịu dặt. Một tà áo xanh thắm như con rắn lục vừa thoáng lách vào cổng và mất hút trong bóng cây trong vườn. Anh bạn biệt chính nói :

— Anh có nhớ cô đó không. Học sinh Nguyễn Huệ, trước có tới Đài hát mà. Bây giờ vào biệt chính cả rồi. Tụi em chỉ có việc làm văn nghệ như thế này thôi nên nhàn lắm. Cô đó bây giờ nhảy khá lắm, anh.

Nhớ lại Đài phát thanh, tôi hỏi :

— Bây giờ chương trình của Đài ra sao?

— Bết lắm, anh.

Chỉ có tiếng nói của Đại Hàn. Tiếng

chạy đi chạy lại cho qua giờ. Cha đó bây giờ giàu lắm. Trung tâm bán đồ Đại Hàn đó.

.., Gần 10 giờ khuya, chúng tôi mới quay trở về. Thôi nhé, sáng mai lại ra đi, và không biết bao giờ mới trở lại đây để được hẹn hò lần hội ngộ. Những ngọn đèn đường vàng vọt cách xa soi sáng êm đềm khu phố, với những bước chân tịch mịch. Tôi sắp sửa nghĩ xa hơn về sự yên ả thì bỗng một tiếng nổ thét lên. Tim tôi dội ngược, máu đưa lên mặt choáng váng. Nhưng chỉ thế thôi, tôi đã lấy lại ngay được cử chỉ bình tĩnh. Không có gì. Pháo binh trên núi Nhạn bắn yểm trợ các cứ-điểm ở xa. Chúng tôi vì thế, không một lời nói về những tiếng động đang réo qua đầu với

những tiếng loẹt xoẹt rõ ràng của viên đạn xé gió lướt đi. Đó là những cánh chim trời hoang khủng khiếp, thay thế bóng những con chim cú đi tìm mùi tử khí.

Thành phố bé nhỏ vẫn âm thầm chai đá. Những ngọn đèn trong căn nhà, hắt ra đường. vẫn thoảng vọng những tiếng kèn, những tiếng trống. Tôi đứng lại ở cửa, ngửa mặt nhìn trời đêm dày đặc. Nhưng một trái hỏa châu vừa bùng nổ, ngu ngơ giữa vùng bóng tối, tỏa những luồng ánh sáng nhớp nhúa kinh hoàng in sâu vào những cơn mộng chập chùng của giấc ngủ thẳng thốt.

(Còn tiếp)

ĐẮC HUNG

Một Cuốn Sách Không Thể Thiếu Trong Tủ Sách Triết-Học :

TỪ-ĐIỂN VÀ DANH-TỪ

TRIẾT - HỌC

của L. M. TRẦN-VĂN HIẾN-MINH

Tiến sĩ Triết-học — nguyên Giảng-sư Đại-học Văn-khoa Saigon. Giáo-sư Triết Chu-văn-An, Trưng-Vương, Nguyễn-bá-Tòng, Hưng-Đạo.

Chuyển sang Việt-Ngữ và cắt nghĩa gần 5000 danh-từ Triết-học Ngoại-ngữ và danh-từ Triết-học Đông-phương. Sách dày 570 trang

Giá 220đ.

XIN ĐÓN ĐỌC

BA MIỀN MƯỜI KHUÔN MẶT

Với sự đóng góp những cây bút nổi tiếng của nhiều trường phái văn nghệ :

Nhã Ca, Lê Tất Điều, Viên Linh, Thanh Nam, Dương Nghiễm Mậu, Mai Thảo, Nghiêu Đề, Nguyễn Thụy Long, Nhật Tiến, Nguyễn Thị Thụy Vũ

KIM-ANH xuất-bản

HEO MAY

Tôi biết về đâu chiều nay
Khi đường tháng năm sâu tuôn trở gió
Khi mùa thu vàng lên heo may
Và lòng tôi lang thang mây bay...
Ai đã qua lắm chuyến ga đời
Mà không nhớ đôi lần bến đỗ
Em là cô gái nhỏ
Làm sao thấy rõ
Lòng tôi những buổi mưa bay ?
Tôi sẽ xin gì em
Làm sao tôi biết nói.
Ai đi đếm phong-trần trên số tuổi
Ánh sao khuya ai biết đến trùng dương
Cánh bướm đông đưa hay xác lá trong vườn
Em biết được kim cương hay nước mắt ?
Tôi nói dối rằng tôi không biết khóc
Đề mây trời mãi mãi vẫn xa nhau..
Tôi gửi dâng em một chút u-sầu
Khi gió heo may về trên lối nhỏ
Em là cô gái nhỏ
Đâu biết được hắt hiu ánh lửa
Nửa vời xa mạc hoang-xu ?
Tôi sẽ buồn như gió trở đầu thu,
Như hoa biếc nở vừa, như mây về hoang đảo.
Tôi sẽ xin gì em, hay là sắc áo.
Vàng như màu tâm sự ứa thơ đau
Tôi chỉ xin em như trời chiều mưa ngâu
Mà lòng tôi bỏ ngõ
Một chút gió mùa thu sẽ về, rất nhỏ.
Cánh bướm tâm tình sẽ bớt bay mau.
Và trên vừng trán băng sương hay đôi mắt biếc màu
Hồn tôi sẽ trọn đời thêm thiếp ngủ.
Tôi sẽ là con hươu non bé nhỏ
Tròn tuổi sầu trong lòng thu mây bay
Nghe ngoài kia thu vàng lên heo may...

THANH THUYỀN

« Trong TRĂNG NƯỚC TẦM DƯƠNG »

TRẦN - QUÍ - SÁCH

TRUYỆN NGẮN

Nước mắt tuổi thơ

Tặng các em bé lạc quê hương



Trận đánh bắt đầu từ sáng sớm, mãi đến trưa vẫn còn ác liệt. Làng An Hòa hầu như chìm trong biển lửa. Cuộc đụng độ đầu tiên khi đoàn quân vào làng. Địch cố thủ trong những hầm cá - nhân và trên những cây dừa, nả súng vào đoàn quân. Những tiếng kèn thúc quân nổi lên kèm với những tiếng hét « sát, sát », tiếng nổ rầm trời của những quả đạn bích-kích-pháo làm bé Ngọc rung cả thân thể. Em hoảng

sợ nép vào người mẹ, cố bám chặt lấy người bà. Hầm rung chuyển dưới những tiếng nổ như xé cả không gian. Hai hàng nước mắt đầm cả má, em run lên, răng đánh cầm cập. Em nhìn không rõ mặt mẹ vì trong hầm trời tối đen như mực. Nhưng em cảm thấy nước mắt của mẹ đầm xuống áo vải và ướt thấm cả người em.

Bây giờ, sức nóng nung cả lớp đất hầm làm Ngọc muốn ngạt. Mẹ thì thảo :

— Trời ! nhà mình cháy rồi.

Mẹ vừa nói, vừa khóc. Ngọc cũng òa khóc theo. Khói đã tràn vào hầm, Ngọc ngạt thở, ho lên sù sụ. Em thì thảo :

— Lên hầm, mẹ, lên hầm, mẹ !

Em ho, nước mắt, nước mũi chảy đầm đề. Tay bấu chặt lấy người mẹ, em cố gắng hét to :

— Con chết mất, mẹ. Cho con lên hầm, nói xong, em gục đầu xuống lòng mẹ, thiếp đi...

Bà Tư mếu máo, ôm con :

— Con ơi, con ơi, hu..hu

Bà khóc oà. Đôi mắt bà bỗng sáng lên, bà đứng dậy quờ quạng tới nắp hầm. Bà đẩy lên, và trườn mình ra. Bà cố gằng xịch nắp sang một bên để không khí vào trong hầm, rồi bà đứng dậy hét:

— Các ông ơi, cứu dùm con tôi, con tôi chết ngạt trong hầm.

Tiếng đạn hòa với tiếng hét của bà, của những kẻ chiến đấu bên ngoài. Bà Tư không nghe gì hết, không thấy gì hết, mặc đạn mặc lửa, mặc tiếng rung chuyển từ lòng đất, bà tiến ra khỏi nhà, hét to:

— Con tôi chết ngạt, các ông cứu nó với.

Mắt bà chỉ thấy được chiếc môi cười thơ ngây của con, mái tóc cúp bông-bê, đôi má phúng phính. Mắt bà chỉ thấy những nét cười nhí nhảnh của con trong những buổi trưa thanh vắng, đôi mắt to đen giống như người chồng đã khuất. Bà còn nghe được những tràng cười ròn tan, những tiếng ròn rập của bước chân đang nhảy cò cò.

Bà đứng đó và hét to:

— Các ông, cứu con tôi với...

Một viên đạn từ trong hào bắn ra, kết thúc cuộc đời của một người mẹ.

Buổi chiều, Ngọc thức giấc. Em không còn nghe tiếng súng nữa. Em quờ quạng tìm mẹ nhưng không thấy. Em la to:

— Mẹ đâu rồi, mẹ đâu rồi.

Một chút ánh sáng len qua nắp hầm chiếu vào, em biết chắc mẹ đã lên. Em càng la:

— Mẹ đâu rồi, mẹ ơi!

Nhưng không có gì đáp lại. Sợ hãi, em vọt lên khỏi hầm. Căn nhà yêu quý của em

đã thành tro bụi. Những cột cháy đen nằm dài, bên những lu nước nóng như đun sôi. em không thấy gì cả, mẹ đi đâu rồi. Em sợ hãi và ra khỏi sân. Một người đàn bà nằm dài ở đường làng trước ngõ. Em chạy ưà ra và ôm lấy thân người đàn bà khóc oà. Mẹ em đã chết. Máu đỏ còn chảy rịn từ lớp vải đen. Em ôm chặt lấy mẹ, nức nở. Máu thấm cả áo quần, cả mặt em.

— Mẹ tôi chết rồi, người ta giết mẹ tôi rồi..

Bỗng em nghe đằng sau tiếng giày ròn rập. Những áo hoa dù xuất hiện. Những mũi súng chiĩa ra. Em run rẩy, muốn chạy trốn. Nhưng em không thể đứng dậy, chân em rất phồng. Em sợ, ôm mình mẹ, không dám nhìn lên.

— Ém bé, đứng dậy để anh băng chân cho. Tiếng vỗ nhẹ vào vai làm em hoảng sợ. Em bám chặt vào mẹ, khóc tức tưởi:

— Mẹ con chết rồi. Ông tha cho con.

— Các anh không làm gì em đâu. Chúng nó giết mẹ em đó.

Người lính bảo thế, rồi ngược nhìn mấy người lính đồng đội đứng bên cạnh mắt chớp chớp cảm động.

Anh bỗng Ngọc lên, lấy bông và thuốc xoa những vết bỏng nơi chân Ngọc. Một anh lính khác tìm được một cái gậy trao cho Ngọc, và nói:

— Em cầm lấy gậy này để chống, kéo đau.

Ngọc ngược mặt lên, má bị tro bám đen, nhưng còn lộ được đôi mắt đen lay láy. Em chống gậy lết về phía nhà.

Người lính hỏi :

— Em đi đâu ?

— Em về nhà.

— Nhà em đâu ?

Ngọc chỉ vào chiếc nhà tàn rụi bên đường.

Người lính hỏi thêm :

— Em còn cha không?

Ngọc lắc đầu. Người lính thở dài, và vội quay mặt ra chỗ khác. Anh đã tham dự nhiều trận đánh, đã chứng kiến nhiều cảnh thương tâm, lòng tưởng như chai đá, mà vẫn thấy bàng hoàng xúc động trước tấm hình hài nhỏ bé, bơ vơ côi cút này. Anh thấy lại ngày xưa, khi anh còn nhỏ, những đêm nằm trong lòng mẹ núp trong hằm phân trâu, để tránh Tây. Anh nhớ lại đôi mắt của mẹ anh, sao mà hiền dịu... Bây giờ, vùng khốn khổ vây phủ về đây, trước mặt anh.

Một người phóng viên ngoại quốc đã sửa soạn ống kính màu, ngoắc Ngọc đứng lên. Em ngơ ngác nhìn vật màu đen mà người ta dơ ra trước mặt. Rồi em nghe tiếng tách nổi lên.

Con Mực thấy bóng Ngọc vội lết về phía chủ. Lòng nó cháy rụi, những vết đen thui chi chít trên lưng. Ngọc ôm nó thì thầm :

— Mẹ chết rồi. Mà biết không ?

Chiếc trực thăng nổ máy rầm rầm. Quạt quay vùn vụt. Ngọc ngơ ngác nhìn xung quanh. Một vài người Mỹ đang cười với em, lại cho em bánh kẹo, Một

tay em cầm cây gậy, một tay em cầm thỏi kẹo xanh đỏ. Em nhìn ra ngoài phi cơ. Ở đầu kia là căn nhà thân yêu, hình bóng người mẹ nằm trên đường. Em thấy lẻ loi, và nước mắt chảy dài trên má. Em vừa nhai kẹo vừa khóc. Một người Mỹ vội lấy khăn lau mắt em và đưa hai tay làm trò. Nhưng em như không thấy gì hết, quay cồ lại, gào lên :

— Mẹ ơi, mẹ.

Trời nhá nhem tối, chiếc trực thăng đã đến thành phố. Em ngồi trong phi cơ, nắm chặt lấy giây buộc, cảm thấy gan ruột hình như đảo lộn.

Em chẳng biết người ta đang làm gì. Em chỉ còn nhớ mang máng giọng nói của người lính :

— Tội nghiệp em bé. Em đi về với chúng anh nhé.

Bây giờ người ta đã đưa em lên xe và chở vào thành phố. Em nhìn được con đường nhựa đen dài, những nhà lầu cao ngất, đèn thấp sáng choang.

Rồi người ta lại đưa em vào một căn lầu quét vôi trắng. Một vài bà mặc áo trắng đi ra. Sau đó họ dẫn em vào một căn buồng lớn, kê giường mùng la liệt. Một bà nói với em :

— Con ngủ ở đây nhé. Nhưng bây giờ phải đi tắm đã.

Em nhìn xung quanh. Những đứa bé đồng lứa tuổi, mặc quần trắng, áo trắng đang đứng nhìn em. Em cảm thấy xa lạ ngại ngùng làm sao. Em nhìn sợ sệt và bỗng tủi em rưng rưng nước mắt.

Đến khi chị áo trắng nhỏ nhẹ bảo :

— Đi tắm đi em.

Ngọc mới cảm thấy yên tâm.

Chị áo trắng thật dễ thương. Chị có mái tóc thật dài và đôi mắt thật hiền. Ngọc thấy mến chị. Em nói :

— Đây là đâu, hả chị?

Chị cười :

— Đây là cô-nhi viện.

Ngọc ngạc nhiên hỏi:

— Cô-nhi-viện là gì, chị hà ?

— Là nhà nuôi trẻ mồ côi, không cha không mẹ.

Đến đây, Ngọc không hỏi thêm nữa. Em theo chị vào buồng tắm. Đôi mắt em lim dim, nghĩ ngợi. Đột nhiên em nắm tay chị áo trắng, nắm thật chặt. Em sợ em lạc, như em đã lạc cha, lạc mẹ.

Những gáo nước lạnh làm em nhấn nhó và thấy rát ở chân. Chị áo trắng xoa nhẹ nhàng, và hỏi :

— Em tên gì ?

— Em tên ngọc. Nguyễn thị ngọc, nhưng ở nhà mẹ em kêu là Út.

— Sao em đến đây ?

— Mẹ em bị đạn, chết. Họ đưa em đến đây.

Chị nhìn ngọc trilu mến. Chị nói :

— Em ở đây sẽ quen. Sẽ có búp bê nhắm mắt, mở mắt nè. Sẽ có bạn nhảy dây, nhảy cò cò nè. Sẽ có Chúa phù hộ để em mạnh khỏe nè...

Ngọc đưa mắt đen lay láy hỏi :

— Nhà em thờ Phật mà, chị ?

Chị áo trắng cười :

— Chúa cũng được. Phật cũng được. Các ngài đều phù hộ cho em.

— Thế sao Ngài không phù hộ cho mẹ em, để mẹ em chết, hả chị?

Chị áo trắng không trả lời. Chị chớp chớp mắt, tự bảo : con nhỏ này ngớ bộ thông minh. Rồi một nỗi xúc động xâu xa dâng lên trong lòng. Trong cô nhi viện này, chị đã gặp rất nhiều trường hợp thương tâm như vậy.

Mà mỗi lần như vậy, chị thường bỏ cơm và quỳ xuống trước bàn thờ để cầu nguyện.

Chị thấy như nỗi thê thảm của quê hương đầy dẫy cả trên các khuôn mặt các em. Chị xoa vội bàn tay Ngọc và nói:

— Em tắm rồi về ăn cơm với các bạn. Mai có nhiều người đến thăm cho nhiều đồ chơi.

oOo

— Các con ngừng chơi, nghe đây.

Cả lũ trẻ vội nín lặng. Mẹ bề trên, cùng với mẹ phụ trách cô-nhi đang đứng giữa sân, bên cạnh là bốn năm người Mỹ. Mẹ nói tiếp:

— Ai tên là Nguyễn thị Ngọc. Mẹ nhắc lại : ai tên là Nguyễn thị Ngọc ?

Ngọc đứng trong lớp trẻ góc sân, tiến ra thưa :

— Dạ con tên Nguyễn thị Ngọc

Mẹ bề trên dắt Ngọc đi. Ngọc sợ hãi. Em tưởng họ sẽ đuổi đi, như đuổi chị Lan. Em quay lại nhìn mấy con bạn, như đề cầu cứu. Bọn nó thật dễ thương và tốt với Ngọc. Trừ con Hậu, nó làm bộ nhất, Ngọc ghét.

Em lăm lúi theo đoàn người vào phòng khách. Một vò ánh đèn loé lên từ những máy ảnh. Mẹ bề trên vuốt nhẹ tóc em nói:

— Họ chụp hình con. Con cười đi chứ.

Một người Mỹ hỏi viên thông ngôn, nhờ nói lại với Mẹ bề trên :

— Em đây chính là em có hình này ?

— Phải.

—Ồ, tôi nhìn không ra. Mẹ săn sóc các em thật khéo. Quả mẹ có lòng bao dung.

Mẹ bề trên đáp :

— Không, không dám. Chúng tôi nhờ các Ngài, các em nhờ các Ngài mới được đầy đủ như ngày hôm nay...

Rồi mẹ âu yếm hỏi Ngọc :

— Có phải hình con đăng ở báo này.

— Thừa Mẹ, phải.

Ngọc nhìn bức ảnh. Phải hình này chính là hình em. Em thấy rõ ràng gương mặt lọ lem, chiếc gậy tre mà người lính cho em. Em thấy được đôi mắt đầm lệ, miệng đang mếu máo khóc lóc. Đăng xa là xác Mẹ. Mẹ mặc bộ áo quần đen, Mẹ chảy máu trên lưng và nằm dài trên đường làng. Tại sao họ chụp hình em và mẹ đăng trên báo. Tự nhiên em thấy lại cả quê hương, mái nhà xưa, đôi mắt mẹ hiền dịu, con chó mực thân thuộc. Nước mắt em chảy ra.

Mẹ bề trên lấy khăn lau vội nước mắt.

Một vài người ngoảnh mặt hay cúi đầu để dấu vẻ xúc động.

Mẹ bề trên nói :

— Ngọc, con yêu của mẹ. Bức ảnh của con đã làm cả thế giới cảm động. Những

người này ở bên phương trời ấy đến thăm con. Ngọc, hãy cảm ơn ông bà đi.

Ngọc lau nước mắt lấp bắp :

— Con cảm ơn ông bà.

Một người đến xoa đầu em, nói những tiếng xa lạ và Mẹ bề trên nói lại :

— Ngọc, con yêu của mẹ, ông này xin con làm con nuôi. Ông sẽ đem con về Mỹ sẽ nuôi con ăn học. Con bằng lòng đi với ông không ?

Ngọc lặng người. Em nghe nói đến sự chia ly, em bỗng nao nao trong lòng. Em sẽ xa lũ bạn : Con Hường hát hay, con Hồng biết thổi, con Lài hay cho bánh...

Em sẽ xa không khí trẻ thơ của em, những buổi học bài, những giờ đánh cò cò, đánh cao xu, u mọi, đập lon. Em thấy mẫn chùng quá. Tự nhiên em lắc đầu.

— Thừa mẹ, con không đi.

Mẹ bề trên đến bên người Mỹ nói nhỏ:

— Nó nhớ bè bạn, tôi hiểu lắm. Đề tôi khuyên, sẽ được. Ông yên lòng.

Ngọc trở vào sân chơi. Lũ bạn chạy ùa lại, ríu rít. Con Lài hỏi :

— Mẹ dắt mày ra làm gì đấy ?

Ngọc suýt, ngón tay đề lên miệng. Lũ bạn thấy vậy cũng ngạc nhiên, linh cảm có sự gì xảy ra.

Ngọc nói :

— Họ xin tao đem về Mỹ nuôi.

— Về Mỹ à ? Sướng quá ta. Con Tuyết la to.

Con Hồng tát nhẹ vào má con Tuyết nói :

— Sương con khi, ở đó đâu có bạn.
Mày nói tiếng Mỹ được đâu, mà đi hỏi
Ngọc ?

Ngọc buồn rầu trả lời :

— Mẹ bảo tao thế. Tao không muốn xa
bọn bây, xa bọn bây tao buồn tao chết.

— Tao cũng buồn. Con Lại nói.

Con Lan cầm tay Ngọc :

— Mày ở đây với bọn tao, rồi hát, rồi
chơi búp bê, rồi đánh cò cò. Đứa nào
ăn hiếp mày, tao đánh bẻ đầu.

Ngọc trả lời:

— Ừ, tao ở với mày.

oOo

Đêm Giáng sinh năm nay lạnh hơn
mọi năm. Những trận mưa dai dẳng làm
thành phố rét mướt càng rét mướt thêm.
Năm nay mẹ bắt mấy chị vào phòng
quần áo tặng, lục những chiếc áo len
sắc sỡ cho đàn trẻ mặc. Những đứa bé
hít hà chui rúc trong những chiếc áo
len to lớn cười rúc rích.

Căn phòng ngủ bỗng náo loạn. Mẹ bề
trên cho phép được tự do ca hát chơi
đùa tối nay. Mẹ nói: đêm Giáng-sinh là
đêm mà các Thiên Thần về với các con.
Các con sẽ được nhiều bánh kẹo, đồ
chơi. Ông già Nô-en sẽ trao tận tay các
con những thứ đó, nhưng với điều kiện
các con phải ngoan ngoãn. Hễ nghịch
ngợm thì ông No-en sẽ cho một cái roi
dài. Ở giường con Tuyết nôi lên giọng
hát trong trẻo :

— Đêm đông lạnh lẽo, Chúa sinh ra
đời...

tụng kinh. Bữa ba em chết, mẹ cũng tụng kinh cả đêm. Mẹ nói ba em không còn tội nữa.

Em ước muốn làm Bạch Tuyết để chơi cùng bảy chú lùn...

2) Nhà em có nuôi một con chó. Tên nó là Mực. Mình nó đen, 4 chân cao. Nó rất dữ. Nhưng rất hiền với em. Mỗi lần em đi học về, nó theo em, đuôi nó nhảy lên nhảy xuống. Em thương nó vô cùng. Khi Mẹ em chết, nó đến bên em, em thấy nước mắt nó chảy. Nó bị cháy hết cả lông, nhưng còn bò được. Em đi mà vẫn nhớ nó...

3) Em yêu miễn làng em nhất. Làng em có rào tre nhọn, có vòng dây kẽm gai dài vô cùng. Lại có súng ở đồn, cứ bắn luôn. Nhưng làng em hay bị người ta phá. Cứ vài ngày nhà lại cháy và người khóc. Em buồn lắm và thương làng em lắm...

oOo

Tôi biết bé Ngọc nhờ 3 bài luận của bé. Tôi chú ý đến cô bé ngồi đầu bàn, thơ ngây nhìn vào quyền vở. Nhận chức thầy gõ đầu trẻ tôi được Mẹ bề trên mời dạy lớp Nhì ở Cô nhi viện.

Bé Ngọc học giỏi hay đứng đầu lớp. Nhưng trong cái nhìn thơ dại của bé tôi đã đếm được muôn sợi buồn, ở đó tôi đã thấy một vùng trời quê hương của đau khổ, của chết chóc.

Bé Ngọc ơi, quê hương của em là thể và của cả anh nữa. Ngày xưa anh cũng núp vào lòng mẹ, cũng nghe tiếng đạn nổ ở bên nhà, cũng thấy những cảnh thương tâm xảy ra trên mảnh đất quê hương 10, 15 năm trước, bây giờ lại đến lượt em. Bé cho tôi kể quê hương tuổi nhỏ của Bé nghe.

TRẦN QUÍ SÁCH

Bài làm của bé Nguyễn thị Ngọc 10 tuổi

1) Em thích nhất đêm Giáng sinh vì đêm Giáng sinh em được nhiều đồ chơi. Em được chị Phượng dạy em hát, lại cho em một cái hoa đèn em cài trên đầu. Em thích chị kể chuyện Bạch-Tuyết và bảy chú Lùn. Nhưng em buồn vì ở đây mãi, không đi chơi được. Em nhớ đến mẹ em hay

Tiền đồn

Truyện dài của THẾ-UYÊN (11)

(Xin xem BK.TĐ. từ số 224)

Vũ vầy vội tay, cùng toán quân nằm ép sát xuống cỏ, bất động trong làn ánh sáng chói của đạn chiếu sáng đang từ từ hạ xuống. Chàng lo lắng không hiểu trung đội bị lộ hình dạng hay chưa và cảm thấy rõ dù địch đã biết, chàng cũng sẽ không muốn đổi hướng tiến quân : đã mười giờ đêm và cơn buồn ngủ như một nỗi chán chường đã tới. Nguồn sáng đã hạ thấp rồi khuất sau dặng cây bên kia, mùi cỏ ngái lẫn mùi đất còn ẩm xông lên nhẹ nhẹ làm chàng như kiệt sức, muốn nằm luôn đó thiếp đi trong trăng sao. Toán quân vẫn bố trí sát bờ đất, những vệt đen rải rác bất động chạy về phía sau, chàng thì thảo : mệt rồi, mệt cả rồi, mùi cỏ mùi đất đã bốc lên... Tiếng chó cắn bắt đầu vang lên từ đội phía làng bên kia quốc lộ, chàng chậm chạp suy tính : như vậy có thể địch đã len vào giữa trung đội và đồn, và đến nơi đây, dù Hy có đóng đúng vị trí ấn định trước, cũng không thể yểm trợ. Chỉ còn 81 của đồn. Mùi cỏ lại bốc lên, đậm đà hơn trong tiếng một con dế bắt đầu kêu ở gần. Một bóng đen bò sát lại, giọng Ra thì thảo :

— Tại sao đồn bắn chiếu sáng chuẩn úy ?

— Không biết nữa. Anh nghe tiếng chó...

— Tụi chúng đó... Chắc chúng đi đông, tiếng chó cắn nghe dài lắm. Kịch ở đây thôi chuẩn úy, đi quá xa rồi.

Chàng không trả lời, quỳ lên thật chậm nhìn chung quanh, cố gắng xác định thật đúng vị trí. Sắp đến ven sông rồi, con lộ đã bắt đầu nhô cao uốn cong về cây cầu sắt nhỏ, chàng xoay người chậm chạp nhìn ngược về phía đồn, bắt đầu nhận ra phía xa khúc đường hay bị cắt đứt mờ với những vệt sáng cắt ngang mặt lộ. Giọng Ra lo ngại.

— Đêm nay thế nào tụi chúng cũng đắp mô nữa.

— Đắp thì chẳng ngại... Anh có tin chúng định làm ăn từ đêm nay không ?

Viên hạ sĩ quan không trả lời làm chàng muốn mỉm cười : hẳn vẫn có cái lỗi đó, không bao giờ dám nói thành lời nỗi nguy hiểm đang đe dọa, nỗi nguy hiểm ý thức được bằng trực giác của một lính già hơn mười lăm năm cầm quân ngũ. Chàng ngồi xuống, mùi cỏ lại xao xuyến bụi rứt.

— Anh cho hai đứa lại đi với hạ sĩ Sao tới khu nhà kia xem có đóng quân được không. Nhớ dặn chúng ra khỏi chỗ trũng này phải chịu khó bò cho tới chỗ bụi cây cho chắc ăn.

— Mình đóng ở đây sao chuẩn úy ?

Chàng không trả lời, khẽ kéo tay ra dấu thi hành lệnh. Tiếng chó sủa nghe rõ hơn. Tại gió hay tại địch sắp lại gần. Chàng lại quỳ lên áp sát người vào bờ cỏ, cố giữ khỏi thò đầu cao hơn lớp cỏ ven lộ, nghe ngóng. Tiếng chó ở khu ấy, lúc to lúc nhỏ theo gió mạnh yếu. Ra đã trở lại chúc đầu xuống rãnh bật lửa châm thuốc, lẳng lẳng châm nổi điệu nữa trước khi khum tay che đầu ngọn lửa đưa lên. Chàng tiếp nhận điệu thuốc một cách thoải mái bởi vì không còn muốn ngửi thấy mùi cỏ lẫn hơi đất nữa, không còn muốn ngửi tiếp nổi xao xuyến, nhớ mong vô định đang dâng lên như muốn tan lẫn với chàng trong ánh trăng. Ra nói nho nhỏ :

— Mai chuẩn úy đi phép rồi về trao trung đội cho chuẩn úy... ?

— Chuẩn úy Định.

— Ông ta thế nào ?

— Có vẻ được nhưng chưa có kinh nghiệm chiến trường... Nhưng rồi sẽ quen.

— Chuẩn úy như vậy ở với trung đội đến sáu tháng rồi.

Câu nói chẳng có gì, thật giản dị nhưng làm chàng hơi xúc động vì đoán ra sau chuỗi âm thì thảo ấy của người phụ tá một buồn bã phảng phất. Ở nơi đây, mọi sự đều là thù nghịch, kể cả bờ đất dựng cây, những người lính sát nhau hơn như để tìm một hơi ấm loài người. Họ chỉ còn có thể, chàng chỉ còn có thể... Một tình tự ấm áp làm chàng thân thiết hơn với người đang cùng hút thuốc đề rồi chợt nhận ra đến bây giờ sắp thuyên chuyển, chàng vẫn chưa biết gì về người phụ tá trừ điểm xuất xứ từ biệt động quân. Chàng hỏi :

— Quên chưa bao giờ hỏi anh tại sao lại bỏ biệt động quân sang đây.

— Truyện xui, chuẩn úy. Hồi đó tôi coi ban 1 cho tiểu đoàn trưởng, đại úy San chuẩn úy biết không ? Thích đánh đêm như chuẩn úy, ông có một cây Carbine cưa chốt đề bắn ra-phan. Bữa đó sau khi chặt xác tại chúng đến hai mươi mấy cái thây, ông xách súng đến gần, lấy báng súng ấn vào xác tên đại đội trưởng cho tỉnh trưởng coi. 

Không gian tự dưng nhạt nét hẳn đi, chàng ngừng đầu lên nhìn, một đám mây lớn đang kéo ngang che lấp mặt trăng. Có tiếng ho khẽ của một người vắng lại từ phía xa, chàng tự hỏi không biết Ra tiêu lăm bao nhiêu cùng viên đại úy đã chết. Chàng toan nói ý nghĩ này nhưng rồi thôi, câu hỏi thoát ra miệng hướng về vấn đề khác :

— Anh có vợ không mà chưa bao giờ thấy đến thăm ?

— Có nhưng nó bỏ tôi sau vụ lũng củng [] Nó ham tiền lắm, chắc bây giờ đi lấy Mỹ rồi.

Thế là đủ rồi, đừng hỏi thêm gì nữa, chàng tự nhủ không nên tìm rõ một điều nếu có hiểu nếu có biết cũng không ích gì. Mai đã đi phép . . . Bóng đèn đã sát lại, ngồi xuống cạnh, thì thào :

— Chỗ đó đóng được chuẩn úy . . . Có một mặt dựa vào lộ.

— Sao anh đi lâu thế ?

— Tại thằng Năm chuẩn úy. Nó nghe thấy có tiếng sột soạt bên bờ rào, cả bọn nằm cả đám nghe ngóng. Hóa ra con heo bự !

Ra quì lên, đeo lại túi sau lưng, hỏi nhỏ :

— Cho trung đội đi chuẩn úy ?

Mùi cỏ lại bốc lên, hình như có lẫn với hơi đất bắt đầu lạnh của ban đêm. Chàng hơi cúi xuống như để tìm tòi, nỗi xao xuyến băng quơ vẫn còn lẫn khuất làm chàng như muốn lưu luyến nơi này, khoảng đất trống tỉnh cờ khuất gió và đầy cỏ mượt với tiếng con dế vẫn tiếp tục kêu ri rí ở gần. Không gian trống rỗng chung quanh, thoải mái và an toàn nhưng chàng đã chống tay ngồi dậy, xốc lại túi đeo lưng. Tháng này trời hay mưa nửa đêm về sáng và chỗ trống này sẽ ngập nước, phải từ bỏ nó dù có mùi cỏ ngái và mùi đất đã bắt đầu lạnh sương. Trước khi bước lên bờ đất, chàng ngừng đầu lên nhìn trăng tròn phía trên cao, máy móc tự hỏi đêm nay trăng lặn lúc mấy giờ.

Dẫu nhà viên hạ sĩ đã chọn là một vị trí đóng quân xấu, chàng nhận định như vậy nhưng không muốn đi xa hơn. Trung đội đồn cục ở một chái lớn lũng củng nông cụ. Không còn cách nào hơn, trăng đã quá sáng và nỗi mỏi mệt đã đầy đặc. Chiếc võng đã căng ra giữa hai chiếc cột sắt căn nhà, bóng tối bao phủ cả khu đất đóng quân làm chàng dễ chịu hơn : dù sao cũng chỉ còn lo hướng địch từ phía cây cầu đúc tiến lại. Hiệu thính viên mang máy lại gần, ngồi thụp xuống tháo khăn quàng cổ đưa vào ngực lau mồ hôi.

— Đồng Đa dặn chuẩn úy cẩn thận, địch về đông đêm nay rồi.

Chàng im lặng lắng nghe tiếng đầu thuốc cháy rì rào nho nhỏ thật gần, tự dưng bứt rứt băn khoăn không biết nên ngủ để cả giấy hay không. Để giấy hay còi ra, để hay còi, nào có gì đâu nhưng tại sao vẫn chưa thể quyết định. Chàng bực dọc ngồi

dậy, thò tay vào túi lấy thuốc nhưng chợt sững người bất động lắng nghe. Có tiếng thì thao sột sạt ở gần, chàng khẽ xoay đầu, định hướng tiếng động. Từ trong nhà, từ bên kia vách gỗ, chắc có người còn thức. Không có gì đáng nghi, chàng ngả người lên võng, ruỗi thẳng hai chân gác lên cột, lắng nghe một điệu nhạc đề nhỏ từ máy phát thanh trong nhà vẳng ra. Chắc dân ở trong chưa biết có quân đóng sát phía sau, dự đoán này làm chàng yên tâm hơn, tự dưng quyết định rút khoát về vấn đề giấy : chàng sẽ ngủ với chúng. Có thể thôi, thật giản dị, cơ sao chàng đã băn khoăn bứt rứt khi này, tưởng như là một vấn đề khẩn cấp sống còn. Mệt rồi chàng tự nhủ trước khi lắng nghe và nhận biết bản nhạc đang từ bên kia vách lọt ra êm đềm. Từ trong tâm, một giọng nói thầm những lời của bản nhạc nói về mong muốn của một người đàn ông muốn người yêu xích lại gần nữa đề cùng nhớ lại một đêm nào vẳng người. Trong một khoảng thời gian, chàng chìm hẳn trong chuỗi âm dịu dặt nhỏ bé ấy, quên đi mùi cỏ ngái đất lạnh, nổi xao xuyến vô định. Từ đâu đây xuất hiện nổi ao ước như một buồn rầu được vào nằm bên kia vách, những lớp gỗ ngăn chặn những bóng tối, những khoảng sáng của không gian bất trắc đêm ngày. Ước muốn phi lý, ý nghĩ phi lý nhưng chúng có đó và tồn tại dai dẳng bởi vì chính chàng đang bắt đầu muốn nuôi dưỡng chúng không buồn tìm hiểu tại sao. Bỗng dưng thật nhẹ, chúng tan biến đi, mùi cỏ mùi đất, nổi xao xuyến và cả nổi ao ước như một buồn rầu. Chuỗi âm thanh trải dài, loảng ra một nền nhạt trên đó một nguồn sáng mới xuất hiện chói chang. Nguồn sáng nào, chàng vụt buông hai chân xuống đất ngồi nhòm dậy, tiếng loa vụt nghe rõ hơn, Ra cúi xuống thì thao :

— Hình như chúng đang gọi đại đội mình.

Chàng xoay đầu cố nhận ra những lời nói khi tỏ khi mờ, nhưng không thành công. Hiệu thính viên đã mở máy nhưng ngoài những âm điện tử rì rào, Hy im lặng, đồn im lặng. Chàng mở bi-đông uống một ngụm dài, cầm súng đứng dậy

— Ra phía lộ xem sao, anh Ra.

Khỏi vách nhà, sân đất như sáng bừng vì ánh trăng làm chàng ngẩn ngại. Có thể địch đã ở gần và đang đi tìm trung đội chàng, có thể là thế có thể không. Chàng vụt lao qua sân, chúi vào bóng tối che chở của một cây lớn. Tiếng loa nghe rõ hơn, Ra thì thao :

— Bọn chúng đang kêu ông Hy về hàng...

— Im đã...

Chàng từ từ đứng dậy tựa sát vào gốc cây lắng nghe. Hình như loa vừa nhắc đến tên chàng. Viên hạ sĩ quan khẽ hích vào vai :

— Chúng đang gọi cả chuẩn úy. Chúng tưởng trung đội mình hôm nay đi cùng đại đội.

Tiếng chó đột nhiên tru lên phía sau. Chàng vụt quay lại, hạ súng ngang. Không có gì cả, chắc chó đơn độc sủa trăng.

(Còn tiếp)

THẾ-UYÊN

TIẾNG HÁT GIAO TÌNH

Tiếng hát nào đã đi vào lịch sử ?
Giọng hát nào vây kín nỗi hồn anh !
Tiếng hát em lời vọng của giao tình
Âm hưởng đọng lắng sâu vào tiềm thức.

Anh bắt lại đời anh qua tiếng hát
Khi nghẹn ngào em buông chảy trên môi
Khi vút cao nghe sười ấm lòng người
Tiếng hát ngọt như lời ru của mẹ.

Dáng em đi như nắng chiều lờ lững nhẹ
Mắt em buồn như sóng biển hoàng hôn
Say lời ca anh xin gửi trọn hồn
Đề em giữ mai xa làm kỷ niệm .

Phường phố Saigon sáng mưa chiều nắng
Đổi diện nhau đâu phải đề hẹn hò
Chiêm ngưỡng em tôn thần tượng ngôi thơ
Về uống lại hơi thơm qua tiếng hát.

Nói sao hết đề hiểu khi giáp mặt
Em then thùng sao đẹp quá em ơi !
Bàn tay thon nghiêng che nửa miệng cười
Anh bỗng thấy người anh như ngày ngất

Hình ảnh em những ngày còn cắp sách
Soi bóng dòng Hương những sáng nắng lên
Hay những chiều mưa Đồng-Khánh lên đèn
Giờ hiện rõ giữa miền Nam nắng cháy.

Những trưa chờ em sương gì hơn thấy !
Má dầy tươi hồng dưới nón bài thơ
Hiện thân em là Huế đẹp-Huế mơ
Từng đêm anh ôm dáng em vào mộng.

Anh ngược rồi xuôi từ ngày ly loạn
Quê cũ giờ đây khói lửa loang đầy
Trường - Tiền buồn ôm sáu nhịp ngủ say.
Chờ mình đó mai về thăm em nhé !

Em cắt tiếng bóng nghiêng đèn màu đỏ
Mắt mơ màng theo điệu nhạc đông đưa
Anh làm thơ có những phút say sưa
Nên già nửa đời còn cô đơn mãi

Tình trường biết bao nhiêu là khổ ải
Đừng giận hờn đừng buồn trách nghe em !
Sầu đời nhiều nên tìm đề yêu quên
Xin em điu hồn anh vào tiếng hát.

PHÓ-ĐỨC.

Bách khoa đã nhận được :

Cỏ khô và mẹ — Nói với loài chim (Võ Quê) Tiếng nói của người mẹ trong thời chiến (Hoàng Đình Huy Quan) Bạc nhược Nhã Nhạc (H. T. Bích Ni) Bài tháng tám — Một nhạc khúc trong bài tình ca cũ — Thiên tai — Lên đồng — Tuổi trẻ với Saigon — Một buổi tối cúp điện... (Nguyễn Nhượng Nghiêm). Tiếng vọng, nhớ quê hương (Nhất-Tâm)-Buồn hoang, quê hương lưu đầy (Nguyễn Phúc Huyền Vy)— Khi em về, Gởi lại Tuy Hòa (Mặc-Yên-Thùy) 10 bài thơ (Vân Triều) Về thăm bạn, Đứa con trai, Gánh nặng (Vĩnh Linh). Tặng vật; Giọng buồn của biển; Lão già và con bò; Đầu thai (Thy-lệ huiền-vấn) — Những dòng về Mẹ (Phan-Phụng-Thạch) Quê-hương lưu đầy; Buồn hoang (Nguyễn-phúc huyền Vnâ) — Nát cánh mùa xưa; Dáng thu; Tranh lửa thề; xin tình khúc quê hương (Hàn-nguyên Vynh) — Nhìn nhau không nói (Phạm nhĩ Uyên) — Buổi sáng (Phù Vân) — Trong vùng mắt trông tìm (Hy-vũ).

Xin trân trọng cảm ơn quý bạn.

SINH HOẠT

THỜI SỰ VĂN NGHỆ

Lò rốn lớp trẻ

Mới cách đây ba bốn năm, « tiểu thuyết mới » với những A. Robbe Grillet, Michel Butor Nathalie Sarraute v.v... là những phát-giác giật gân đối với giới văn nghệ trẻ ở ta. Hiện thời « mới » đó cũng chưa lỗi thời.

Thế mà ở Pháp tuy chưa có ai tuyên-bố câu nào long trọng có, nhiều sự việc xảy ra như thề là một màn đã hạ, trong bộ-môn tiểu-thuyết. Chẳng hạn cuộc điều-tra thăm dò của tạp-chí *Arts et Loisirs* hồi giữa năm nay.

Một mặt Matthieu Galey duyệt qua các tác-phẩm tiểu thuyết của những bạn trẻ trên dưới đôi mươi, thử xem họ hướng về đâu ? họ mơ ước cái gì ? Câu trả lời của M. Galey thực thẳng, thực « trẻ » : *Họ trở về cái lỗ rốn của họ, về sự lẻ loi đơn độc của họ, về cái kỹ thuật của họ, nhưng dường như là để tự quên mình.* Theo nhận xét của M. Galey thì cuộc « nổi loạn » đã xui rồi. Thế hệ trước lớn lên trong loạn lạc thảm khốc, họ phản nộ, họ chống đối. Còn thế hệ này lớn lên trong hòa bình, giữa một xã hội khá đầy đủ, sung túc, bình đẳng, tự do ; ngó quanh quất cũng không tìm thấy chính

nghĩa nào lớn lao đề dẫn thân tranh đấu nữa. Bởi vậy đề tài tiểu thuyết của lớp trẻ nhất sau này là ái tình, là cuộc đời của chính họ. Họ tự ngắm nghĩa họ, và họ làm duyên làm dáng. Đa số, họ viết cầu kỳ và hơi-rỗng.

Một mặt khác, Claude Bonnefoy nghĩ rằng các tác-phẩm đã xuất bản chưa phải là tài liệu đầy đủ để nhận xét về hướng nghệ thuật tương lai. Giới trẻ còn gồm cả những nghệ sĩ chưa kịp ra mắt quần chúng. Tìm đến đó mới thật là đến ngọn nguồn lạch sông. Nhưng sách chưa xuất bản thì làm sao biết được ? — À, có cách. Hãy hỏi những nhà xuất-bản lớn : Trước khi cho một nhà văn xuất hiện họ đã đọc qua biết bao nhiêu bản-thảo. Ở Pháp có nhiều người vừa là văn sĩ đại danh vừa chủ trương xuất bản, họ có thẩm quyền nhận định về cái mầm văn-nghệ hôm nay đang tượng-hình trong trứng. Đó những người như Jean Cayrol, như Robert Sabatier chẳng hạn. Phần lớn những người này đồng ý rằng các cây bút trẻ chú ý tìm một kỹ-thuật mới mẻ, khác lạ, tìm riêng rẽ, không chịu chung một xu-hướng nào, và đặc biệt là truyện của lớp trẻ sau này, có nhiều thi vị, thơ với truyện, truyện với thơ có ý muốn lẫn lộn nhau.

Ai tình của Ông già

Mikhail Cholokhov thường thường hay trốn các cuộc phỏng vấn. Ít có nhà báo nào, Nga hay Tây phương, bắt gặp được Ông và cậy được của Ông dăm ba câu đề khoe với độc giả. Vì vậy vừa rồi Anna Vassilkova và Igor Sedikh đón chặn Ông già ngay trên chuyến tàu từ Mạc-tư-Khoa về quê, nói chuyện với Ông già ngót một giờ rưỡi, họ lấy làm tự đắc và tạo được kỳ công.

Hỏi Cholokhov được giải Nobel có cảm tưởng ra sao? Ông đáp: « Dĩ nhiên, tôi khoái và lấy làm hãnh diện ». Hỏi tiền lãnh được ấy ăn tiêu ra sao? Đáp: Tiền ấy sẽ dùng đi chơi, cuối năm nay đi Ấn-độ (Ông vừa đi Nhật về), sang năm đi Nam-Mỹ, có lẽ sẽ qua tới Úc và Hoa-Kỳ. Người nữ phóng viên hỏi móc họng: « Nghe nói Ông nghi ngờ tài năng các cây bút bên nữ giới lắm phải không? » Ông già thẳng thắn công nhận quả có thể: « Văn chương là chuyện của đàn ông. Văn chương nó cũng như một vài công việc đặc biệt trong kỹ nghệ nặng, không hợp với đàn bà ».

Hỏi về đàn bà xong, lại hỏi về bạn trẻ hôm nay. Ông già cũng khinh-thị mà cũng khéo léo như vậy nghĩa là khéo léo dử lắm: « Tuổi trẻ chuyên nổi loạn. Chỉ có một điều không nên đòi hỏi ở họ là sự chín chắn. Định-luật chung là thế này: phải lớn tuổi mới chín-chắn được ».

Nữ phóng viên (lúc ấy là ban đêm) hỏi thêm cho biết xem từ đây Ông già sẽ thích viết về đề-tài gì nhất. Ông già vẫn tắt:

SÁCH MỚI

Bách Khoa vừa nhận được:

— **Thảm kịch bắt đầu** tiểu luận Tập I của Vũ-đình-Lưu, do An-Tiêm xuất bản và tác giả gửi tặng. Sách dày 180 trang gồm một số tiểu luận và phê bình, đề cập đến 7 vấn đề từ « Thắc mắc siêu hình hay thảm kịch văn-hóa. » Bản đặc-biệt không đề giá.

— **Này mẹ này em** tập thơ của Lê Vĩnh Nhượng và Thân-Hồng-Nguyên do các tác-giả xuất bản và gửi tặng. Sách dày 16 trang khổ 9x22, gồm 15 bài thơ của cả hai nhà thơ trên đây.

— **Ba miền, mười khuôn mặt** tuyển tập truyện ngắn của 10 tác giả Nhã-Ca, Lê tất Điều, Viên-Linh, Thanh Nam, Dương-nghiêm-Mậu, Mai-Thảo, Nghiêu-Đề, Nguyễn-thụy-Long, Nhật-Tiến, Nguyễn-thị-Thụy-Vũ, do Kim-Anh xuất bản và gửi tặng. Sách dày trên 240 trang; giá 80đ.

— **Nguyễn lộ Trạch** « một bậc tiên thời nhân vật đồng thời với Nguyễn-trường-Tộ ít ai biết » của Bà Nguyễn-thị Nghiêm, do nhà Anh-Minh xuất bản và soạn giả gửi tặng. Sách dày trên 50 trang là một sử biên đáng chú ý, giá 25đ.

— **Zen và dưỡng sinh** của Thái-khắc-Lễ do tác-giả xuất-bản và gửi tặng. Sách in lần thứ hai, có bổ túc tăng trang và thêm tài liệu mới giới thiệu rất đầy đủ về phương pháp Dưỡng sinh của Ohsawa — Bản đặc biệt không đề giá.

— Ai tình.

Lúc cáo từ nữ phóng-viên thấy Cholokhov mỉm cười tinh quái. Quả có thể, không trông thấy nụ cười, ta cũng biết Ông già là tinh quái.

Tuy một mà hai.

« Hôm nọ xem vô-tuyến truyền-hình, Hội đồng xô-viết tôi cao. Tất cả những gương mặt đàn ông và đàn bà ấy cùng nhạt nhẽo một kiểu như nhau, như tấm hồn bị quét rỗng. Những mặt người ấy, những khuôn mặt hiện ra ở hàng đầu, dù có những nét khác nhau, nhưng tất cả đều giống nhau ở cái trống rỗng, cái hư-vô ấy. Người tavô tay không cần làm cho có vẻ tự-động. Ở đây không ai lừa ai. Cho đến quần áo, mái tóc của đàn bà, cà-vạt của đàn ông cũng đồng nhau nhấn mạnh vào cái cảm tưởng một sự trống rỗng một đồn nén vô biên, một cái chết có lẽ vô phương cứu vãn... Nhưng không, tất cả những người đàn ông ấy, tất cả những người đàn bà ấy lại sẽ sống, sẽ tìm lại được tâm hồn mình, một khi họ ở một mình hoặc ở với kẻ thân yêu của họ. »

François Mauriac ghi mấy giòng trên đây trong tập bút-ký của mình hôm 4-8-1966. Trong những khuôn mặt hiện lên trên màn ảnh vô tuyến truyền hình buổi họp xô viết tối cao hôm ấy Sao cho khỏi có M. Cholokhov ?

Cùng một con người mà khi đàm đạo văn-chương với khi ngồi nghe lãnh tụ đọc diễn-văn đề chức vô tay hoan hô, trông thực khác nhau.

Văn-hữu Pompidou

Nhân dịp này có thể nói về nước Pháp của F. Mauriac, và về ông De Gaulle (cũng của F. Mauriac ?)

Khi nhân vật số I trong giới chính-trị của Pháp đứng ra nói một vấn-đề chính-trị như trường-hợp De Gaulle ở Nam Vang vừa rồi thì dễ ghét. Nhưng khi ông Thủ-tướng Georges Pompidou, nói chuyện văn-chương với phóng-viên báo *Figaro* thì nghe lại lý-thú. Ông Thủ-tướng đầu thạc-sĩ văn-chương, cách đây năm năm có soạn một tuyển-tập thi-ca, ông Thủ-tướng ấy đàm đạo về hội-họa trừu-tượng về tiểu-thuyết của Robbe-Grillet, Marguerite Duras, thông thạo hết sức.

Hỏi theo ý ông, tiểu-thuyết mới có khám-phá được một thể-cách mới để mô tả thế-giới xung-quanh ta chăng? G. Pompidou đáp :... « Tiểu-thuyết mới chứng tỏ một cố gắng tìm tòi một cách mô-tả mới. Nói cho đúng hơn, một cách nhìn mới. » Nhìn cái gì ? Ông bảo : « nhìn thế-giới chung quanh ta. Tôi cho là : thế-giới trong ta thì đúng hơn. Đề-tài muôn thuở của văn-chương là con người, bản-chất và định-mệnh của con người. »

Hỏi về quan-niệm đối với tiểu-thuyết truyền-thống, G. Pompidou không tin là nó đã hết thời. Kịch cổ-diễn, với những quy-tắc cứng-rắn, chặt-chẽ, trái tự-nhiên, thì không có sức sống nữa. Nhưng còn tiểu-thuyết truyền-thống thì nó không tự hạn-định, ràng-buộc vào kỹ-thuật nào : nó sẽ tồn-tại miễn là có tác-giả có tài. Theo ông, kỹ-thuật của Françoise Sagan cũng không có gì khác-biệt với kỹ thuật của bà La Fayette.

Đề-cập đến hiện tượng sách bỏ túi, thủ tướng Pháp nói : sách bỏ túi chứng tỏ rất nhiều tác-giả có đông độc giả, miễn là đừng có cái trở ngại tài-chánh. « Vậy thì không phải quẩn chúng không vươn tới nghệ thuật được, mà tại vì nghệ-thuật

chưa chịu hạ-thấp xuống vừa tầm khả năng « vật-chất » của quần-chúng. Giải quyết thế nào, đó là vấn-đề hoạt động văn hóa của chính-phủ, mà cũng thuộc về chính sách các nhà xuất-bản, các nhà phát hành.» Theo ý ông, « nghệ-sĩ không cần tự hỏi viết cho ai, bởi vì rốt cuộc họ hướng về con người, tức là cho tất cả. Chỉ còn vấn-đề tổ chức xã-hội mà thôi.»

Khiếp quá.

Francoise Sagan—bà La Fayette hiện-đại đối với Thủ-tướng Pompidou — đã viết bốn cuốn truyện, năm vở kịch, một số bài hát. Nhưng đừng tưởng chỉ có chừng ấy là hết. Đôi khi nàng cũng triết lý thâm trầm sâu sắc như ai. Nàng suy-tư về tuổi già với Hortense Chabrier « còn tuổi già thì tôi không nghĩ tới. Chưa được hả ? Không... ồ, trước sau gì rồi cũng phải tới đó... Đối với tôi tuổi già có liên-hệ trực tiếp với ái-tình thế xác. Không còn gọi được cái mà người ta gọi là sự thêm muốn, khiếp quá... Chết vào tuổi năm mươi... hoặc là sống vì chuyện khác... Dù sao, cũng hơi buồn. Không còn làm cho ai mê nữa... Dù sao, nói chuyện với nhau thú nhất chỉ có cách là nằm sát bên nhau cùng một giường. Gạt bỏ khía cạnh bất ngờ, mới lạ ra khỏi cuộc sống, có lẽ hơi buồn... »

Có lẽ vậy mà F. Sagan thích làm những cái bất ngờ. Nàng lấy Guy Schoeller, rồi bỏ, rồi lấy Bob Westhoff, rồi đưa nhau ra tòa ly-dị. Ly dị xong, hai người lại sống chung với nhau càng khăng khít hơn là khi còn làm vợ chồng. Rốt cuộc chỉ hơi tiếc khoản tiền phí-tồn cho cái án ly-dị.

Về quan-niệm nhân-sinh thì : « Điều chủ-yếu đối với tôi ? Là tự do. Cần thỉnh thoảng có thể sống một mình. Cần một người đàn ông tôi khoái, thông minh. Hai người sống với nhau, mà không làm mất tự do nhau ».

Về chuyện viết lách. F. Sagan cho biết nàng đang viết một cuốn truyện trinh-thám.

Lại bất ngờ và mới lạ nữa.

Nghệ-thuật vị nghệ-thuật.

Sau khi Ignazio Silone cho in bản Pháp văn cuốn *Sortie de secours*, cuốn tự truyện của ông, Gilles Laponge tìm đến phỏng vấn.

Hỏi về công việc hiện tại, I. Silone cho biết ông đang chủ trương tờ *Tempo presente*, một tạp chí văn học. « Ấy là một hoạt động rất nặng nhọc. Cái khó khăn nhất là giảng giải làm sao cho mấy ông văn sĩ hiểu rằng bài của họ gửi tới là dở. Đôi khi, tôi phải mất trọn một buổi sáng mới thuyết phục nổi một vị.

BÁO MỚI

— Đất Cà Mau số 1 tháng 8 năm 1966, Nguyệt-San giáo-dục văn-nghệ, tiếng nói Ty Tiểu học An-xuyên, do Ô. Nguyễn-văn-Nhật Chủ-nhiệm kiêm Chủ bút. Mỗi số dày 64 trang, khổ 16 x 23.

tìm đọc :

CON SUỐI MÙA XUÂN

truyện của Võ Hồng

NHÀ XUẤT BẢN LÁ BỒI

Hỏi về quan niệm sáng tác ông nói «Tôi rất ít chú ý đến kỹ thuật. Tôi không tin rằng người ta có thể chấn hưng một nền văn nghệ bằng một kỹ thuật. Nếu có thể thì sẽ có kẻ đi nghiên cứu kỹ thuật và rồi trở thành những «Picasso con» với những «Flaubert con.» Lỗ bịch. Di nhiên ở một xứ thật thông thái như ở nước Pháp, có thể người ta đâm ra chán cái lối cứ kể chuyện một kiểu mãi, và người ta đi tìm những hình thức kỹ-thuật mới, đó là trường hợp đang xảy ra bây giờ đây. Nhưng ở Ý thì khác hẳn »

Các tay cột trụ trong giới tiểu thuyết-gia ở Ý, A. Moravia cũng như Ignazio Silone đều không tán thành tiểu thuyết mới. Như

vậy xem chừng tiểu thuyết mới còn lâu mới Nam tiến được.

Nói chuyện với I. Silone thì ngoài văn-chương tất nhiên phải có mấy câu chánh-trị. Hỏi ông tại sao hồi đó ông cự-nự mà ly khai với cộng sản. Ông cho rằng Staline làm bậy quá, chịu hết nổi. Đã đành có cách-mạng thì phải có bạo động, người Nga-sô đã tàn sát mà không cần thiết. «Khi hàng bao nhiêu nghìn người bị tù đầy hay chém giết, không cần ra tòa, không cần điều tra, tôi cho không còn là cách-mạng nữa, đó là nghệ-thuật vị nghệ-thuật.»

I. Silone không đồng ý với nghệ-sĩ Staline.

TRANG-THIÊN

HỘP THƯ

— Ô. Hàn-Nguyên-Vynh (Quảng-Ngãi). Bách-Khoa từ số 1 đến 62 thiếu mất 3 số (9, 12, 28). Nếu mua nhiều sẽ được hưởng giá mua dài hạn (200đ.) Ở Quảng-Ngãi phải gửi bằng máy bay, tùy số lượng báo mới tính được cước phí.

— Ô. Nguyễn-Kim-Phượng (Đà-Nẵng). Đã nhận được thêm truyện dịch A. Moravia, cùng với truyện dịch Steinbeck trước đây. Sẽ có thư riêng trả lời ông về hai truyện dịch này. Về các cuốn truyện dịch E. Caldwell và H. Melville xin ông cứ viết thư gửi bản thảo cho Ô. Võ Phiến, giám đốc nhà xuất bản Thời Mới, ở 160 Phan-dinh-Phùng Saigon (cũng là Tòa-soạn Bách-Khoa). Nếu xuất-bản được, Ô. Võ Phiến sẽ liên lạc thẳng với ông và bàn định với ông việc xin phép tác-giả.

— Một độc giả ở Huế : Đã nhận được thư góp ý cùng những nhận xét của ông về tờ BK. TĐ. hiện nay. Xin thành-thực cảm ơn ông. Chúng tôi đã cố gắng đạt những « tiêu-chuẩn » ông đã nêu trong thư ngay trong số này và sẽ nỗ lực hơn nữa trong những số kế tiếp để khỏi phụ lòng tin yêu của ông cùng các bạn đọc khác.

— Thy-lệ huiền-Ân (Phan-Thiết) Phần văn-nghệ của BK. TĐ. cũng quan trọng như phần khảo-luận. Do đó mà Bách-Khoa trong 10 năm qua, đã giới thiệu được cùng bạn đọc một số lớn nhà văn, nhà thơ ngày nay đã có tên tuổi trong làng văn Miền Nam. Rất cảm ơn những đề-nghị về phần văn-nghệ. Sẽ cố-gắng hơn nữa. Về « bông hoa héo » mà báo V. H. nhắc đến trong bài « Mười năm tạp chí miền Nam ». Chúng tôi sẽ xin trả lời trong số tới.

TRONG GIA-ĐÌNH ẸM-ÀM
HAY TRÊN ĐƯỜNG XA
KHÁT MỆT

Chỉ có



NUỐC-NGỌT "CON-COP"



Chai "HÒA TIỀN"!



FILTER
KING SIZE
CIGARETTES



Park Lane

FILTER
CIGARETTES

PURE VIRGINIA